



Trụ sở chính: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

146 Nguyễn Biểu – Phường 2 – Quận 5, Tp.HCM

Điện thoại: (84.8) 39 303 122 – 39 303 147

Fax: (84.8) 39 303 147

Email: casumina@casumina.com.vn

Website: www.casumina.com.vn



CASUMINA
BẠN ĐƯỜNG TIN CẬY

NĂM CƠ HỘI TRAO TIN CẬY



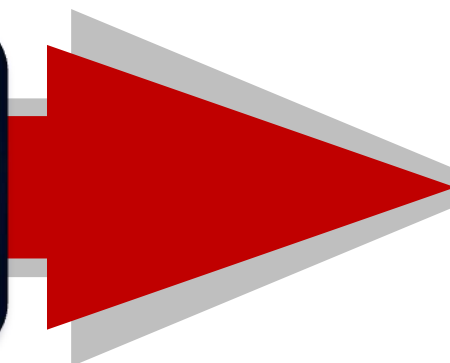
2013

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN





CASUMINA
BẠN ĐƯỜNG TIN CẬY



09

GIỚI THIỆU CÔNG TY

- 10 Thông tin khái quát
- 11 Lĩnh vực hoạt động
- 12 Lịch sử hình thành và phát triển
- 14 Sứ mệnh-Tầm nhìn-Cốt lõi
- 15 Mục tiêu và định hướng tương lai
- 16 Vị thế của Casumina trong ngành
- 19 Sản phẩm và giải thưởng tiêu biểu
- 25 Địa bàn hoạt động
- 27 Mô hình quản trị, tổ chức, bộ máy quản lý
- 30 Rủi ro

33

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 33 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 35 Tổ chức và nhân sự
- 48 Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
- 50 Dự án Radial
- 56 Đầu tư công ty con, liên doanh liên kết
- 57 Tình hình tài chính
- 62 Thông tin cổ đông

64

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 66 Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- 68 Tình hình tài chính
- 70 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý
- 77 Kế hoạch phát triển tương lai





82

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

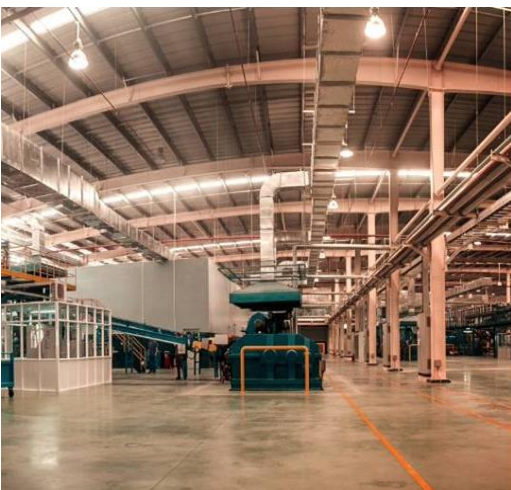
- 84 Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
- 84 Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc
- 85 Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2013



86

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 88 Hội đồng quản trị
- 90 Ban Kiểm soát
- 92 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát
- 96 Các hoạt động liên quan



100

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2013

- 100 Báo cáo tài chính đã kiểm toán



Thông điệp

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kính thưa Quý cổ đông và nhà đầu tư,

Quý vị có thể nhớ lại rằng, trong năm 2013 Casumina đã đặt ra mục tiêu lớn là mở rộng thị trường xuất khẩu và đạt mức lợi nhuận tối thiểu là 11%/doanh thu. Cả hai mục tiêu này Casumina đều đạt được. Điều này có thể minh chứng một cách thuyết phục khi Quý vị theo dõi báo cáo hoạt động SXKD của Casumina.

Bằng tiềm lực sẵn có, kết hợp các điều kiện thuận lợi từ môi trường bên ngoài như: Các chính sách tiếp cận nguồn vốn của Chính phủ, giá cả nguyên vật liệu ổn định, mức cầu của ngành sản phẩm lốp xe không suy giảm,... Thêm vào đó là sự nỗ lực trong phân tích tình hình, các chính sách nhạy bén trong kinh doanh của đội ngũ CEO và sự cần mẫn sáng tạo của nhân viên Casumina ở mỗi vị trí công tác đã đem đến thành công của năm 2013.

Mục tiêu của Casumina là tiếp tục cam kết trở thành nhà sản xuất lốp xe hàng đầu Đông Nam Á. CB-CNV Casumina không ngừng tư duy, nắm bắt mọi cơ hội để đạt được mục tiêu này.

Trong năm 2014, áp lực rất lớn từ dự án lốp Radial toàn thép (TBR) nhưng đồng thời cũng là cơ hội mở ra một hướng đi tiếp cận với kỹ thuật công nghệ cao, loại bỏ dần các chủng loại sản phẩm ít tính năng, cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại nhập ngoại, tăng tiện ích cho người tiêu dùng. Chúng tôi tin tưởng rằng với sự chung tay, góp sức của Quý vị và nỗ lực của CB-CNV, Casumina sẽ đạt mức tiêu thụ kỳ vọng đối với dòng lốp này.

Nhóm sản phẩm truyền thống của Casumina đang tiếp cận khách hàng theo hướng năng động và hiện đại. Mục tiêu của Casumina là tạo được lòng tin và đạt mức tăng trưởng nhanh đối với nhóm sản phẩm lốp xe máy, duy trì ổn định mức tiêu thụ đối với nhóm lốp ô tô.

Casumina tiếp tục duy trì và thúc đẩy mối quan hệ hợp tác đối với các đối tác có kinh nghiệm và năng lực hoạt động trong ngành sản lốp trên thế giới. Điều này sẽ được cân nhắc kỹ nhằm tận dụng tối đa kiến thức, kinh nghiệm với sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao.

Từ năm 2014, Casumina sẽ không tiếp tục các dự án trong lĩnh vực bất động sản và các lĩnh vực đầu tư ngoài ngành để tập trung nguồn lực cho ngành sản xuất kinh doanh cốt lõi của mình, thực hiện mục tiêu đã cam kết là trở thành nhà sản xuất sản lốp xe hàng đầu Đông Nam Á.

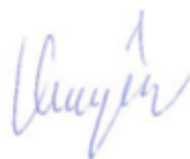
Casumina sẽ tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu để đạt tỷ trọng 30%/tổng doanh thu và tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn chủ sở hữu đạt trên 30%.

Việc đầu tư Nhà máy sản xuất lốp radial trong giai đoạn đầu khi công suất chưa đạt mức kỳ vọng sẽ tác động đến kết quả hoạt động SXKD của Công ty và tất nhiên là tác động đến quyền lợi của Quý vị. Tuy nhiên, Casumina cần thay đổi và cần đầu tư để phát triển. Chúng tôi muốn nói đến mức lợi nhuận có thể ảnh hưởng trong năm 2014.

Với kết quả SXKD năm 2013 và một vài nhận định về tương lai 2014, Chúng tôi hy vọng tiếp tục nhận được sự quan tâm và nằm trong kế hoạch đầu tư của Quý vị. Qua đây, Chúng tôi xin gửi lời tri ân với các Đối tác, Đại lý và CB-CNV Casumina vì sự đóng góp có hiệu quả cho Casumina trong năm 2013.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bùi Thế Chuyên

NHỮNG CON SỐ NỔI BẬT

Năm 2013

Doanh thu thuần

3.166 tỷ đồng

2012: 3.043 tỷ đồng

2011: 2.923 tỷ đồng

Tương đương 150 triệu USD
Tăng trưởng 3% so với 2012

Tỷ suất LNTT/Doanh thu thuần

15,34%

2012: 11,08%

2011: 1,75%

Mức cao nhất trong giai
đoạn (2007-2013)

ROE

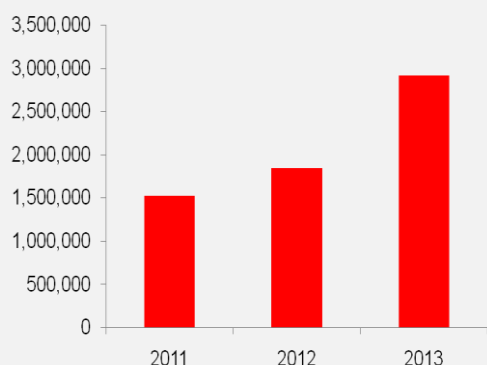
32,95%

2012: 32,02%

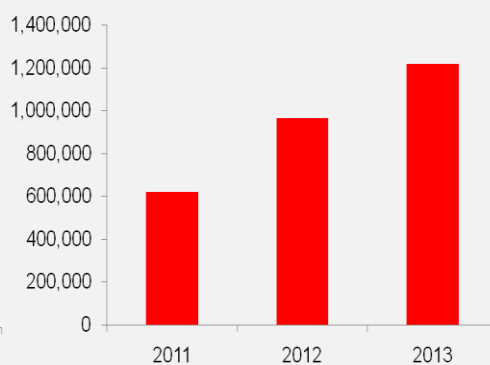
2011: 6,07%

Mức cao nhất trong 3
năm qua (2011-2013)

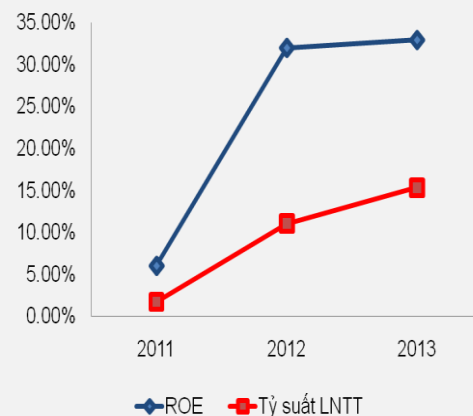
Tổng tài sản



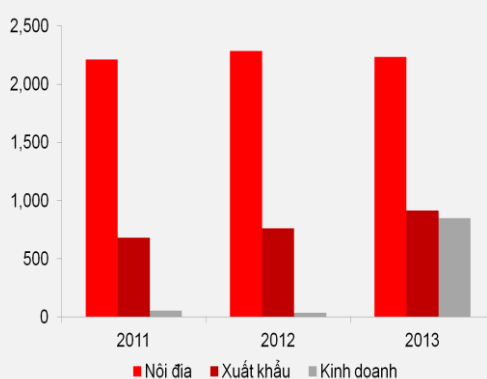
Tổng vốn CSH



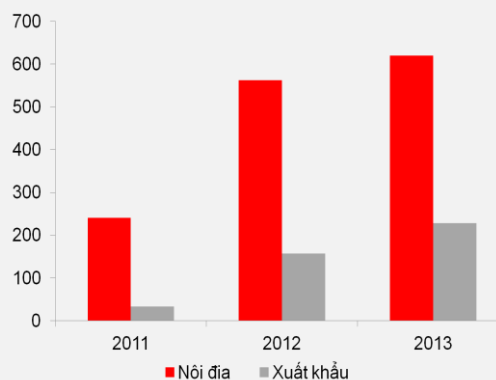
ROE



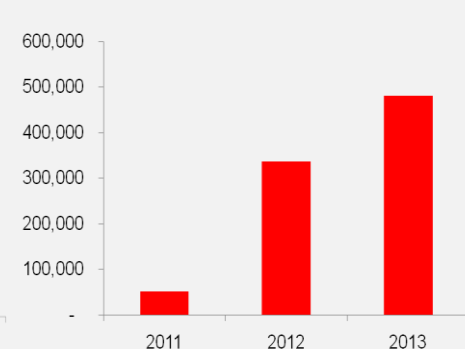
Doanh thu



Lợi nhuận gộp



LNTT





CASUMINA
BẠN ĐƯỜNG TÍN CẬY



I. GIỚI THIỆU CÔNG TY

- ❖ Thông tin khái quát
 - ❖ Lĩnh vực hoạt động
 - ❖ Lịch sử hình thành và phát triển
 - ❖ Sứ mệnh-Tầm nhìn-Cốt lõi
 - ❖ Mục tiêu và định hướng tương lai
 - ❖ Vị thế của Casumina trong ngành
 - ❖ Sản phẩm và giải thưởng tiêu biểu
 - ❖ Địa bàn hoạt động
 - ❖ Mô hình quản trị, tổ chức, bộ máy quản lý
 - ❖ Rủi ro
 - ❖ Lý lịch Ban điều hành
-



CASUMINA
BAN ĐƯỜNG TIN CÂY

CTCP CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM

THE SOUTHERN RUBBER INDUSTRY JOINT STOCK COMPANY

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Casumina được thành lập năm 1976, là thành viên của Tập đoàn hóa chất Việt Nam (Vinachem). Cổ phần hóa năm 2005, niêm yết sàn HOSE vào tháng 08/2009.
Mã cổ phiếu: CSM

Casumina là công ty sản xuất sản phẩm lốp hàng đầu Việt Nam hiện nay với thế mạnh trong các dòng sản phẩm sản phẩm lốp xe máy, xe ô tô và xe tải nhẹ. Hiện công ty đang tiến hành xây dựng nhà máy lốp Radial (lốp toàn thép) nhằm thâm nhập vào phân khúc sản phẩm này theo chiến lược đa dạng hóa sản phẩm và đẩy mạnh mở rộng thị trường xuất khẩu, đặc biệt là thị trường Mỹ.

Công ty có hơn 200 đại lý cấp I và đã xây dựng mạng lưới tiêu thụ thông qua các nhà phân phối tại 36 quốc gia và vùng lãnh thổ để quảng bá thương hiệu và tiêu thụ sản phẩm. Trong cơ cấu doanh thu hàng năm của CSM, tỷ trọng xuất khẩu chiếm khoảng 29%, tiêu thụ nội địa chiếm khoảng 71%.

Tại thị trường nội địa, chủ yếu công ty bán hàng thông qua hệ thống đại lý phân phối và bán sỉ trực tiếp cho các tập đoàn và công ty vận tải, các hãng taxi.

Vốn điều lệ: 672.932.050.000 đồng

Trụ sở: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84.8) 39 303 122 – 39 303 147

Email: casumina@casumina.com.vn

Website: www.casumina.com.vn

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300419930 thay đổi lần 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 11/12/2013.



LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

- Sản xuất và mua bán sản phẩm cao su công nghiệp, cao su tiêu dùng.
- Mua bán nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thiết bị ngành công nghiệp cao su.
- Kinh doanh thương mại dịch vụ
- Kinh doanh bất động sản
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với qui định của pháp luật

DẤU MỐC LỊCH SỬ

- 1976** Thành lập Công ty Công nghiệp Cao su Miền Nam
- 1992** Thành lập Xí nghiệp Liên doanh Găng tay Việt Hung (Taurubchimex) với công ty Taurus (Hungary).
- 1993** Sản xuất sảm lốp xe gắn máy và trở thành nhà sản xuất sảm lốp lớn nhất Việt Nam
- 1997** Thành lập Công ty Liên doanh lốp Yokohama Việt Nam với các đối tác: Yokohama và Mitsuibishi Nhật Bản để sản xuất sảm lốp ô tô và xe máy
- 1999** Nhận chứng chỉ ISO 9002 - 1994 và là nhà sản xuất sảm lốp đầu tiên của Việt Nam nhận chứng chỉ ISO
- 2001** Công ty nhận chứng chỉ ISO 9001 - 2000 và thành lập xí nghiệp thứ 7 mang tên Casumina Bình Dương
- 2003** Sản xuất lốp ô tô Radial V13, V14. Nhận chứng chỉ ISO 14001-2000 (Taurubchimex) với công ty
- 2005** Sản xuất lốp ô tô Radial V15, V16
Chuyển đổi thành Công ty cổ phần với vốn điều lệ ban đầu là 90 tỷ đồng

- 2006** Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 90 tỷ đồng lên 120 tỷ đồng (Taurubchimex) với công ty Taurus (Hungary).
- 2008** Được vinh dự chọn là một trong 30 thương hiệu tham gia chương trình “Thương hiệu quốc gia Việt Nam”.
- 2009** Chính thức niêm yết trên sở GDCK Tp.HCM vào tháng 08/2009 với VĐL là 250 tỷ đồng. Với mã giao dịch là CSM “Thương hiệu
- 2010** Tăng vốn điều lệ lên 422,5 tỷ đồng.
- Ký hợp đồng chuyển giao công nghệ lốp toàn thép Radial và cải tiến chất lượng lốp Bias với Công ty Qingdao Gaoce - Trung Quốc.
- Ký hợp đồng hợp tác kinh doanh chiến lược với Công ty CP tư vấn đầu tư và xây dựng Ba Đình về dự án Tòa nhà cao ốc văn phòng 180 Nguyễn Thị Minh Khai.
- 2011** CSM đón nhận Huân chương Độc lập hạng Ba của Đảng và Nhà nước trao tặng.
- Tăng vốn điều lệ lên 522,5 tỷ đồng.
- 2012** Hàng Việt Nam chất lượng cao, top 20 thương hiệu hạt giống.
- Vinh dự nhận được Cờ thi đua của Chính phủ, được bình chọn là 1 trong 25 doanh nghiệp tiêu biểu 6 năm liền đạt Thương hiệu quốc gia.
- Công ty được Tập đoàn Hóa chất Việt Nam khen tặng là 1 trong 5 đơn vị có doanh thu cao nhất và hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả nhất trong năm 2012.
- Tăng vốn điều lệ lên 585 tỷ đồng.
- 2013** Tăng vốn điều lệ lên 672,93 tỷ đồng.



Giá trị cốt lõi

Tin cậy

Hiệu quả

Hợp tác

Năng động

Nhân bản

Tầm nhìn

Nhà sản xuất lốp hàng
đầu Đông Nam Á

Sứ mệnh

Cống hiến cho xã hội
sự an toàn, hạnh
phúc, hiệu quả và
thân thiện

CASUMINA

BAN ĐƯỜNG TIN CẬY

MỤC TIÊU

Xuất khẩu đạt 40% tổng doanh thu vào năm 2015

Lớp Radial toàn thép tiêu thụ 350.000 lớp trước 31/12/2015

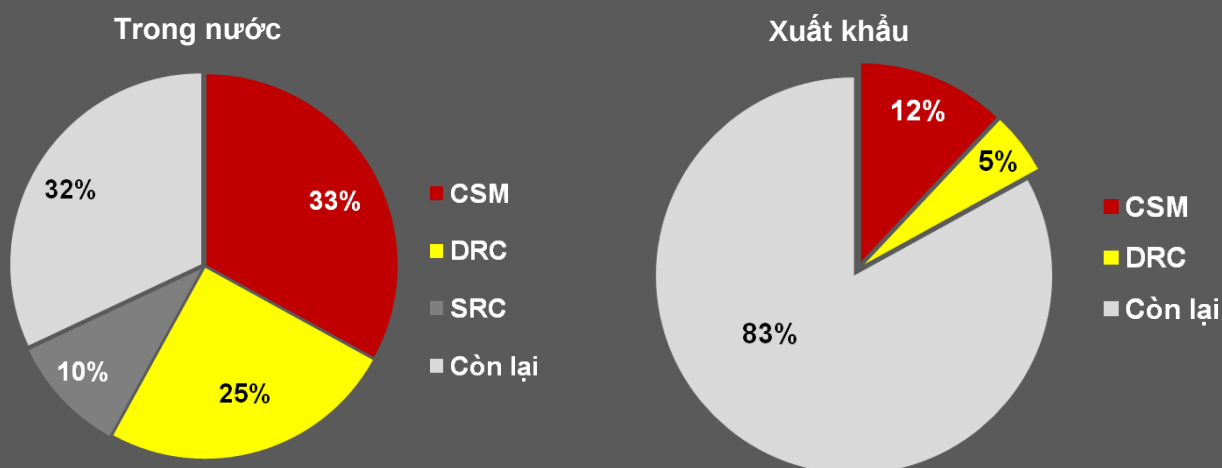
Triển khai hệ thống quản trị và tăng năng suất BSC trước 31/12/2014

Nâng cao giá trị thương hiệu CASUMINA trong và ngoài nước

CHIẾN LƯỢC

VỊ THẾ CỦA CASUMINA TRONG NGÀNH

Thị phần và hệ thống bán hàng



Nguồn: FPTS tổng hợp

Theo số liệu tổng hợp tính đến hiện tại, thị phần tính chung các mặt hàng sản phẩm như sau: CSM chiếm 33%, DRC chiếm 25%, SRC chiếm 10%, 32% còn lại thuộc về các doanh nghiệp trong và ngoài nước đang hoạt động kinh doanh tại Việt Nam. Trong đó, CSM vượt trội trong phân khúc sản phẩm ô tô, xe máy; CSM và DRC cùng chia sẻ thị trường sản phẩm xe tải nặng, tải nhẹ. Đặc biệt, thị trường xuất khẩu sản phẩm ô tô của CSM có mức tăng trưởng cao qua các năm, riêng dòng sản phẩm chuyên dụng cho thấy DRC có lợi thế hơn; SRC có thế mạnh về sản phẩm xe đạp. Xét riêng sản phẩm ô tô và xe máy, CSM chiếm 25% thị phần sản phẩm ô tô và 35% thị phần sản phẩm xe máy trên phạm vi cả nước. Điều này cho thấy CSM đã tạo được thế đứng khá vững chắc so với 2 doanh nghiệp cùng ngành. Ngoài ra, với sự đa dạng trong cơ cấu sản phẩm từ sản phẩm xe đạp đến sản phẩm xe máy, ô tô và xe tải đã giúp cho CSM duy trì được khả năng cạnh tranh cao trên thị trường hiện nay.

CSM đang dẫn đầu trong 3 doanh nghiệp sản phẩm ô tô về số lượng đại lý phân phối cấp I trong cả nước với khoảng 200 đại lý. Xét về tỷ lệ xuất khẩu, theo số liệu mới nhất, doanh thu xuất khẩu của CSM chiếm 29% tổng doanh thu của công ty. Trong khi đó, tỷ lệ này của DRC chỉ chiếm từ 7-10%. Trong top 5 doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm năm 2013 của Việt Nam, CSM đứng vị trí thứ 2 với thị phần 12%; DRC đứng thứ 5 với thị phần 5%.

Hệ thống phân phối nước ngoài

CSM đã xây dựng mạng lưới tiêu thụ thông qua các nhà phân phối tại 36 quốc gia và vùng lãnh thổ để quảng bá thương hiệu và tiêu thụ sản phẩm.

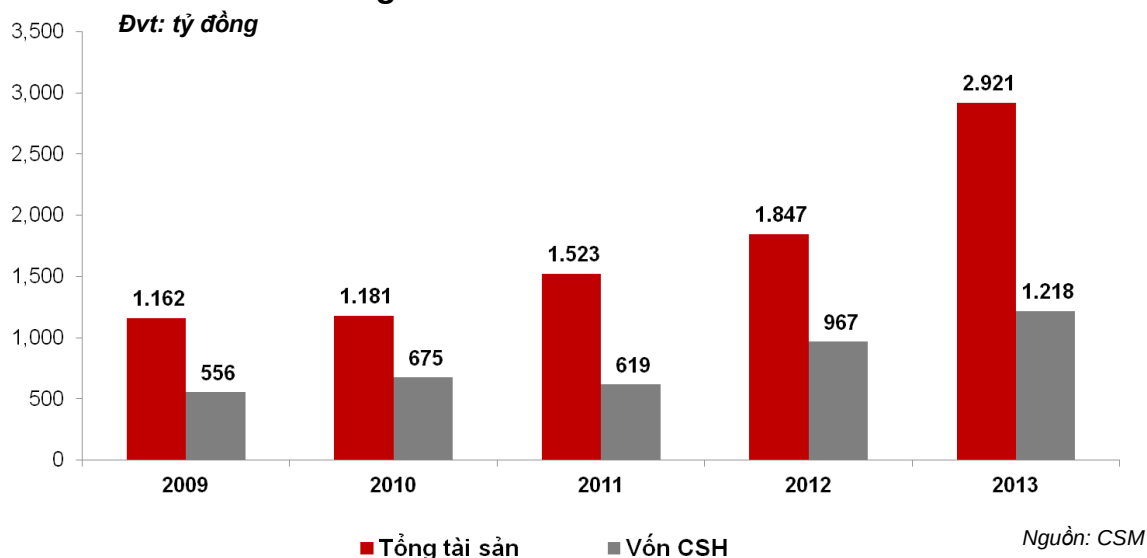
Hiện nay tỷ trọng xuất khẩu của CSM là 29%. Trong vòng 4 năm tới CSM phải đưa tỷ trọng này lên 35% tổng doanh thu.

Tính đến 31/12/2013

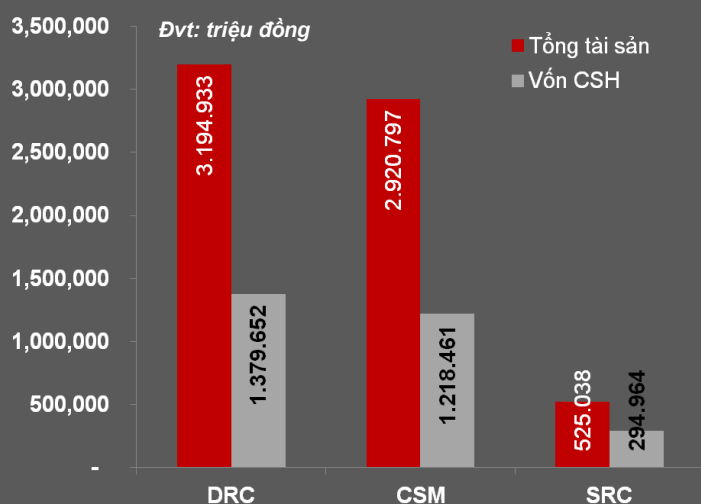
Vốn chủ sở hữu đạt **1.218** tỷ đồng tương đương **57,7 triệu USD**, tăng trưởng **26%** so với 2012

Tổng tài sản đạt **2.921** tỷ đồng tương đương **138 triệu USD**, tăng trưởng **58%** so với 2012

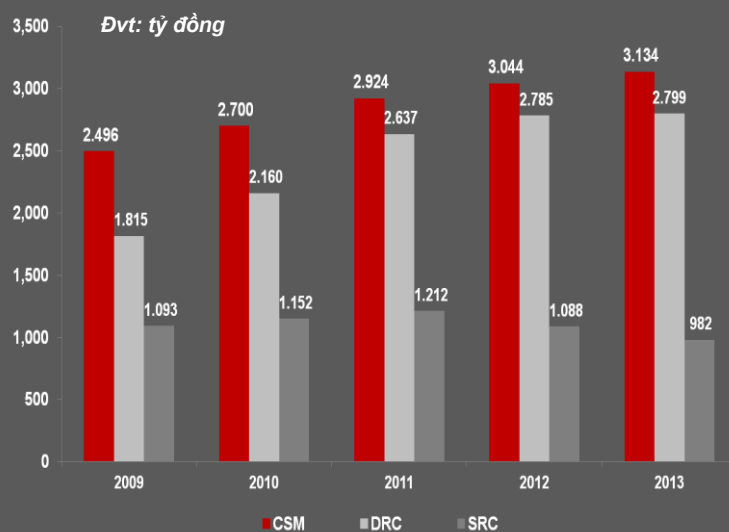
Tổng tài sản và Vốn chủ sở hữu



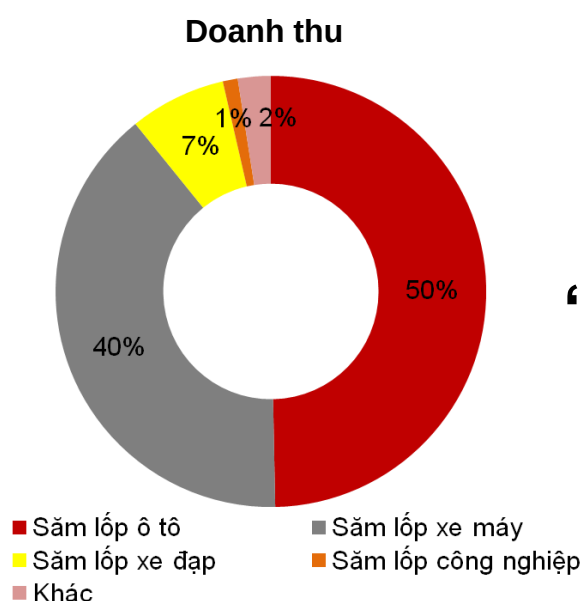
Vốn chủ sở hữu và Tổng tài sản



Doanh thu thuần



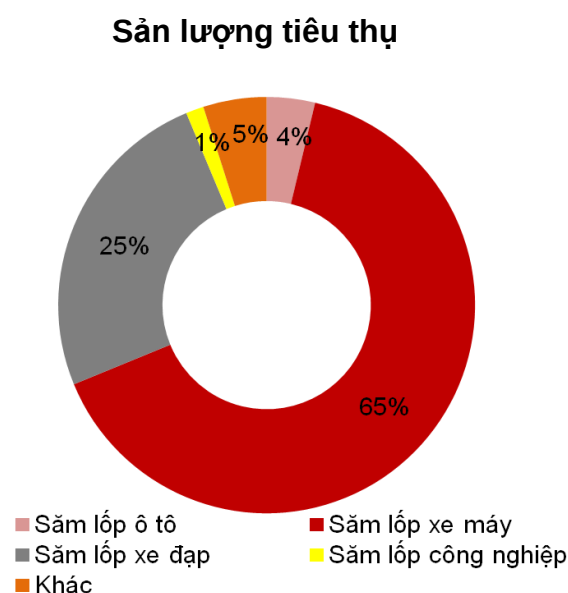
CƠ CẤU DOANH THU – SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ



3.166 tỷ đồng

Xuất khẩu đạt **43,2** triệu USD

“Săm lốp ô tô và xe máy là hai sản phẩm chủ lực của Casumina từ khi thành lập đến nay. Điều này thể hiện rõ trong kết quả cơ cấu doanh thu qua các năm: mảng săm lốp xe máy thường chiếm từ 39-41%; săm lốp ô tô chiếm từ 49-50% trên tổng doanh thu.”



“Tỷ trọng sản lượng tiêu thụ cao nhất thuộc về 2 dòng sản phẩm là săm lốp xe máy chiếm từ 65% và săm lốp xe đạp chiếm 25%. Sản lượng tiêu thụ săm lốp ô tô chỉ chiếm 4% nhưng đóng góp 50% doanh thu của công ty trong năm qua.”

NHỮNG GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



NHỮNG SẢN PHẨM TIÊU BIỂU

Lốp xe máy



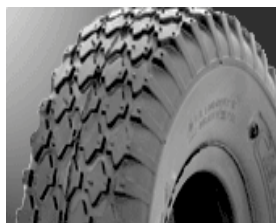
Lốp xe ô tô



Lốp Radial (toàn thép)



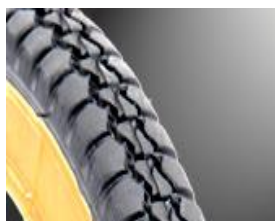
Lốp xe công nghiệp



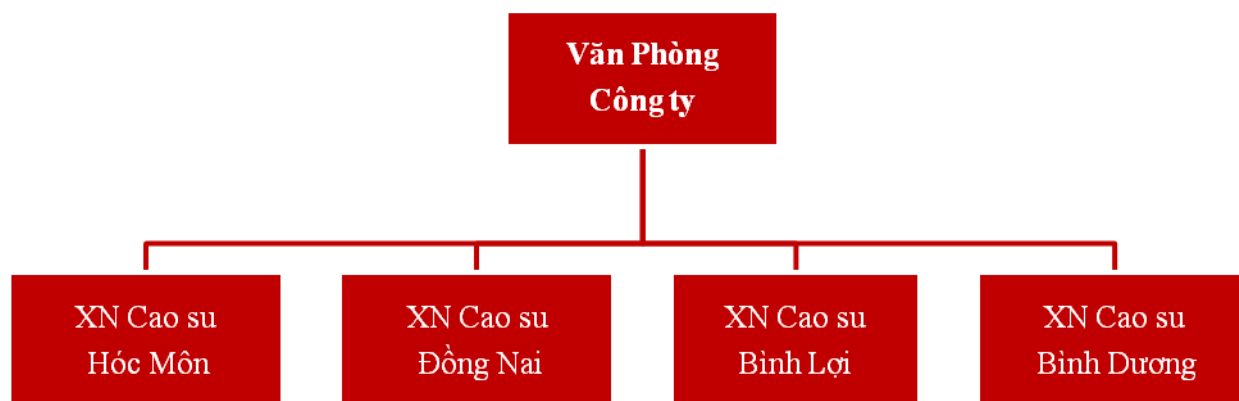
Lốp xe nông nghiệp



Lốp xe đạp



CÁC XÍ NGHIỆP LIÊN QUAN



Xí nghiệp cao su Hóc Môn

Phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, TP. HCM

ĐT: (08) 37171452

Fax: (08) 37170835

Lốp xe đạp, săm xe đạp, lốp xe máy, săm xe máy, lốp xe công nghiệp, săm và yếm ô tô



Xí nghiệp cao su Đồng Nai

KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai

ĐT: (061) 3832076

Fax: (061) 3831352

Lốp xe đạp, lốp xe máy, săm xe máy, lốp ô tô, lốp nông nghiệp



Xí nghiệp Cao su Bình Lợi

2/3 Kha Vạn Cân, P. Hiệp Bình Chánh, Q. Thủ Đức, TP.HCM

ĐT: (08) 37266270

Fax: (08) 37266320

Lốp ô tô, lốp nông nghiệp, cao su kỹ thuật



Xí nghiệp Bình Dương

Thị trấn Uyên Hưng, Tân Uyên, Bình Dương

ĐT: (650) 3640874

Fax: (650) 3640875

Các sản phẩm cao su bán thành phẩm, sản xuất lốp ô tô, lốp xe nâng, lốp đặc, lốp đắp.

Nhà máy lốp radial toàn thép với công suất 1 triệu lốp/năm được xây dựng tại địa điểm này.





Các nhà máy sản xuất

Nhà máy	Sản phẩm	Công suất (chiếc/tháng)
Cao su Hóc Môn	Săm – Lớp xe đạp	750.000
	Săm – Lớp xe máy	1.220.000
	Lớp xe công nghiệp	60.000
	Săm và yếm ô tô	90.000
Cao su Đồng Nai	Lớp xe đạp	200.000
	Săm – Lớp xe máy	1.075.000
	Lớp ô tô	70.000
	Lớp Nông nghiệp	2.000
Cao su Bình Lợi	Lớp ô tô	30.000
	Lớp Nông nghiệp	1.000
	Cao su kỹ thuật	1,2 tấn/ngày
Cao su Bình Dương	Các SP cao su bán thành phẩm	3.500 tấn/ngày
	Lớp xe nâng	2.000
	Lớp đặc	15.000
	Lớp đắp	1.000

Nguồn: CSM

Casumina hiện có 4 nhà máy sản xuất xăm lốp, tổng công suất tính đến năm 2012 như sau:

Săm lốp ô tô: 3.000.000 chiếc/năm

Săm lốp xe máy: 28.000.000 chiếc/năm

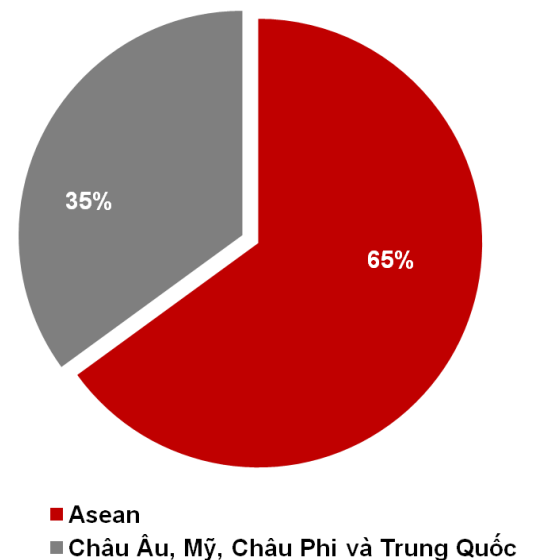
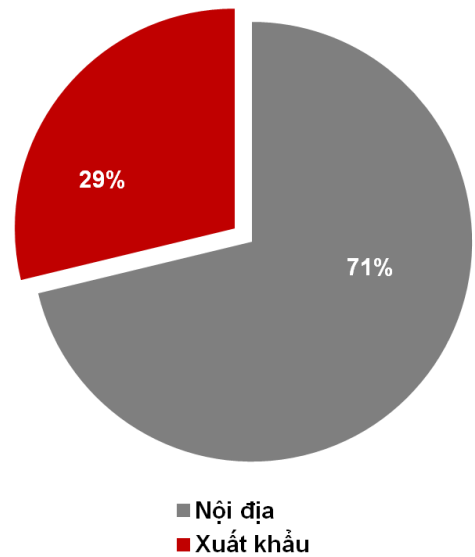
Săm lốp xe đạp: 13.000.000 chiếc/năm

Địa bàn hoạt động

Hệ thống bán hàng của Casumina đã phủ khắp 64 tỉnh thành của cả nước.

Bên dưới là các khu vực đóng góp trên 10% doanh thu trong 2 năm gần nhất của công ty.

Tỷ trọng xuất khẩu chiếm 25% năm 2012 và được gia tăng lên 29% trong năm 2013.





Nguồn nguyên liệu

Nguyên liệu chính của Công ty bao gồm: Cao su thiên nhiên, cao su tổng hợp, vải màn, than đen, thép tanh, các loại hóa chất và nhiên liệu khác.

Casumina đã thiết lập được mối quan hệ đối tác lâu năm với các nhà cung cấp nguyên liệu nhằm tạo nguồn cung ứng ổn định và giá cả cạnh tranh cho công ty như:

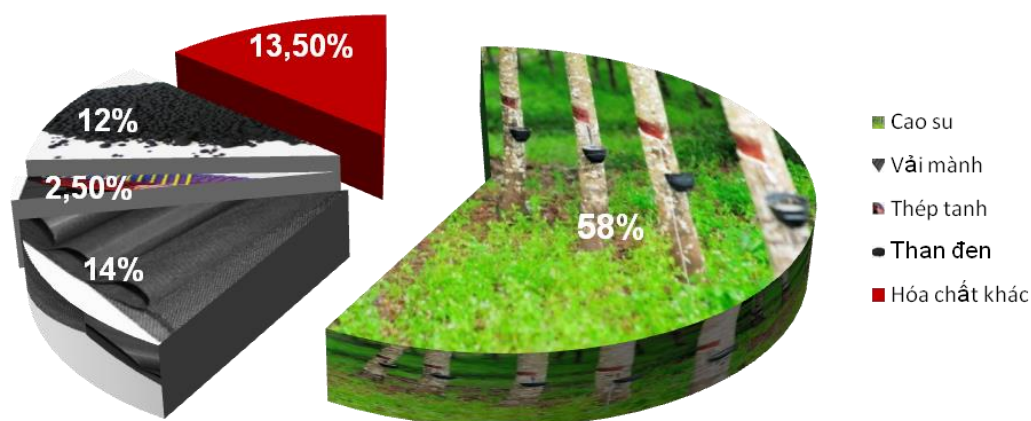
Nguyên liệu	Nguồn cung cấp	Tỷ trọng
Cao su thiên nhiên Cao su tổng hợp	Trong nước Nhập khẩu	58%
Vải màn	Nhập khẩu	14%
Than đen	Nhập khẩu	12%
Thép tanh	Nhập khẩu	2,5%
Hóa chất khác	Trong nước & Nhập khẩu	13,5%

Nguồn: CSM

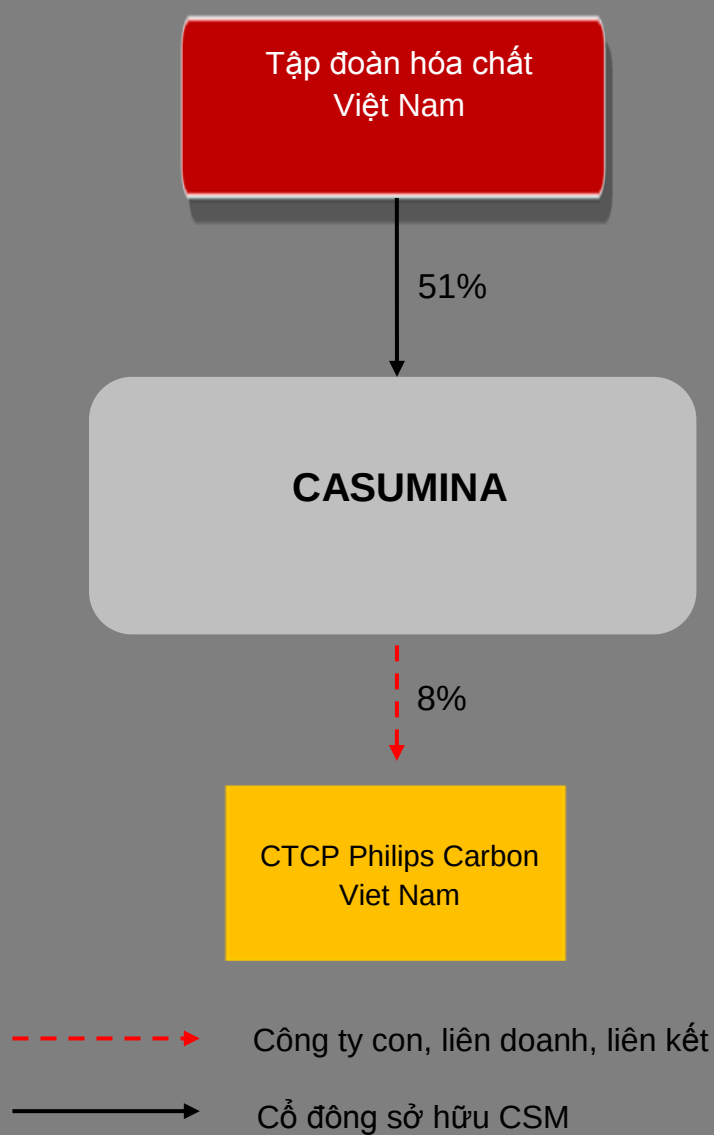
Cao su thiên nhiên : CTCP Cao su Phước Hòa, Đồng Nai, Tây Ninh, Đồng Phú, Phú Riềng, Dầu Tiếng,...

Cao su tổng hợp: Công ty Kumho, TSRC, LG, BST, Lanxess, Exxon Mobile,...

CSM, DRC và SRC đã tham gia góp vốn liên doanh cùng với công ty Philips Carbon Black của Ấn Độ xây dựng nhà máy sản xuất Than đen tại Việt Nam. Ngoài ra, công ty cũng liên kết với các đối tác khác trong và ngoài nước cung cấp các nguyên liệu phục vụ cho sản xuất sản phẩm như vải màn, thép tanh, hóa chất,...



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN THƯ KÝ

TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Phụ trách sản xuất

TP.KẾ HOẠCH SẢN XUẤT

GIÁM ĐỐC XÍ NGHIỆP

PHÓ GIÁM ĐỐC XÍ NGHIỆP

TRƯỞNG
PHÒNG XÍ
NGHIỆP

TRƯỞNG XUỞNG
TRƯỞNG CA

Đại diện lãnh đạo về
chất lượng , môi trường.

TP. NHÂN SỰ HÀNH CHÍNH

TP.VẬT TƯ

TP.BÁN HÀNG NỘI ĐỊA

TP.MARKETING

TP.XUẤT NHẬP KHẨU

TP.CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

BAN KIỂM SOÁT

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Phụ trách Kỹ thuật

TP. BHLĐ - MT

TRUNG TÂM KỸ THUẬT

TP. THIẾT KẾ

TP. THÍ NGHIỆM

TP. CHẤT LƯỢNG

TP. CÔNG NGHỆ

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Phụ trách Tài chính

KẾ TOÁN TRƯỞNG

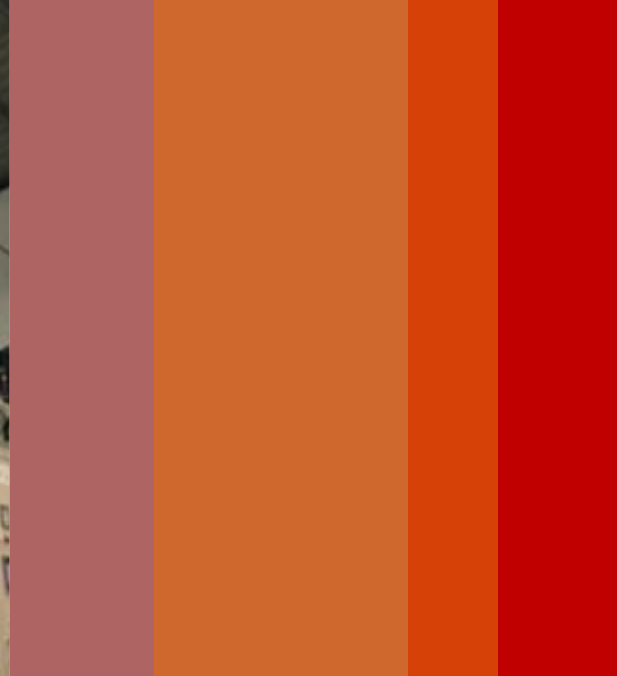
TP. TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Phụ trách Đầu tư

TP. ĐẦU TƯ

TP. CƠ NĂNG



Rủi ro kinh tế

Ngành sản xuất luôn gắn liền với tăng trưởng của nền công nghiệp ô tô. Kinh tế tăng trưởng, mức sống người dân được nâng cao sẽ tạo điều kiện tăng nhu cầu tiêu thụ ô tô, tạo đà tăng trưởng cho ngành công nghiệp này. Một khi công nghiệp ô tô tăng trưởng sẽ tạo đà cho một ngành công nghiệp phụ trợ như ngành sản xuất có điều kiện phát triển theo.

Những biến động trong chỉ số kinh tế vĩ mô sẽ ảnh hưởng ngay đến tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế và nhu cầu tiêu thụ ô tô giảm mạnh ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành sản xuất nói chung và của Casumina nói riêng.

Rủi ro luật pháp

Văn bản pháp lý liên quan tới hoạt động của CTCP Công nghiệp Cao su Miền Nam là Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, Luật thuế thu nhập... Theo đó hệ thống các văn bản dưới luật còn đang trong giai đoạn hoàn thiện, với không ít điều khoản được thay đổi và chỉnh sửa, việc áp dụng vào thực tế còn nhiều khó khăn. Tuy nhiên, với lộ trình hội nhập vào WTO thì hệ thống pháp lý Việt Nam sẽ phải hoàn thiện cho phù hợp với các chuẩn mực pháp lý thế giới, các công ty có cơ hội làm ăn với cơ chế thông thoáng hơn và hiệu quả hơn.

Bên cạnh đó, Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh chủ yếu trong lĩnh vực công nghiệp chế biến cao su nên công ty cũng chịu nhiều ảnh hưởng từ các chính sách của Nhà nước đối với lĩnh vực trồng và chế biến cao su. Do đó, hoạt động kinh doanh của công ty ít nhiều cũng chịu những ảnh hưởng khi Nhà nước có sự điều chỉnh trong chính sách.



Rủi ro về tỷ giá

Hiện nay các sản phẩm của CSM không chỉ tiêu thụ nội địa mà còn xuất khẩu đến nhiều nước tại Châu Âu, Châu Á như các nước Asean, Trung Đông, Đức, Nga,... do đó rủi ro tỷ giá tác động trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Bên cạnh đó, trong tương lai công ty sẽ tiếp tục nhập khẩu máy móc thiết bị cho các giai đoạn tiếp theo của dự án Radial, biến động của tỷ giá sẽ ảnh hưởng đến chi phí đầu tư của công ty.

Rủi ro về lãi suất

Trong cơ cấu vốn kinh doanh của công ty thì tỷ trọng nợ khá cao so với các doanh nghiệp trong ngành. Trong 3 năm gần nhất, chi phí tài chính của công ty chiếm từ 2-3% doanh thu. Đòn bẩy tài chính ở mức 2 lần. Đây là một áp lực đối với công ty trước những biến động tăng của lãi suất thị trường.

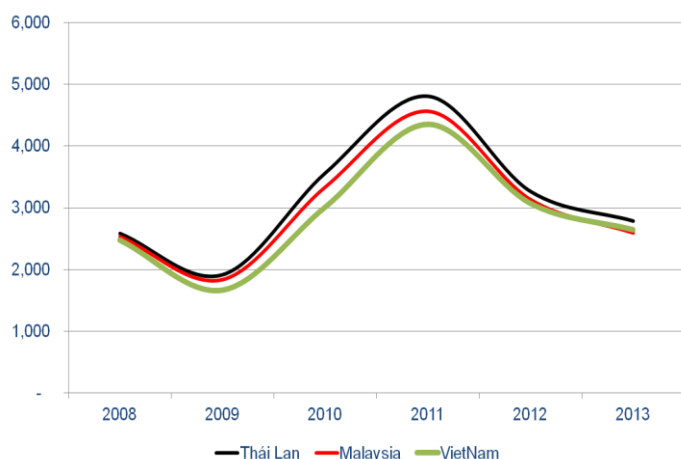
Rủi ro cạnh tranh của dòng lốp mới Radial toàn thép

Với tổng mức đầu tư khá lớn cho dự án, việc giải quyết bài toán đầu ra cho nhà máy Radial là một vấn đề rất quan trọng đối với sự tăng trưởng của CSM trong thời gian tới. Tâm lý ưa chuộng tiêu dùng hàng ngoại sẽ là trở ngại đối với CSM trước các hãng lốp nổi tiếng thế giới đang có mặt tại Việt Nam như Goodyear, Michellin, Maxxis, Chengshin, HanKook,... Ngoài ra, các nhóm sản phẩm giá rẻ, chất lượng thấp từ các nước láng giềng xâm nhập vào thị trường nội địa đã, đang và sẽ gây cản trở đến mức tiêu thụ của công ty.

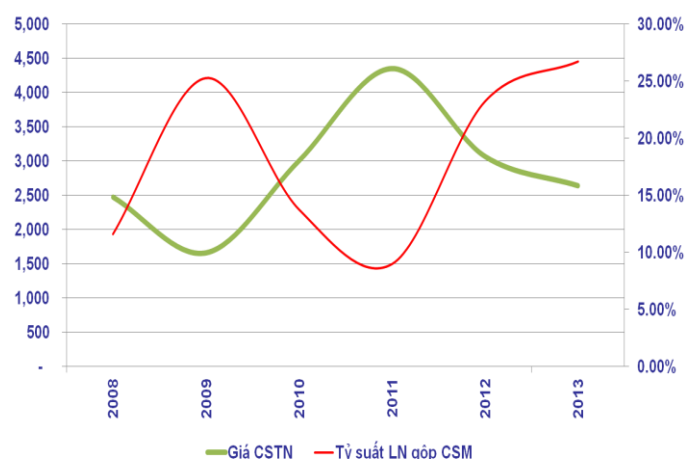
Mặc dù nhu cầu lốp radial toàn thép hiện đang vượt cung nhưng trong giai đoạn đầu cần có thời gian để thị trường chấp nhận sản phẩm, các chi phí về khấu hao, chi phí lãi vay, chi phí vận hành vẫn ở mức cao sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.



Diễn biến giá cao su thiên nhiên 2008-2013



Tương quan Tỷ suất LN gộp của CSM và Giá CSTN



Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Mặc dù Casumina có thể chủ động được nguồn cung cao su thiên nhiên trong nước tuy nhiên biến động giá vẫn là yếu tố đáng quan ngại do Việt Nam vẫn bị phụ thuộc rất nhiều vào giá cao su thiên nhiên thế giới. Bên cạnh cao su thiên nhiên thì cao su tổng hợp, than đen, hóa chất khác cũng là các thành phần quan trọng trong cấu thành sản phẩm. Các mặt hàng này CSM hoàn toàn phải nhập khẩu, trong khi đó giá cả sản phẩm này biến động theo giá dầu. Biến động giá cao su tác động trực tiếp đến tỷ suất lợi nhuận của CSM. Thực tế cho thấy trong xu hướng tăng dài hạn của giá cao su thiên nhiên giai đoạn 2009-2011 đã làm cho tỷ suất lợi nhuận gộp của công ty giảm liên tục qua các năm (hình bên). Đến giai đoạn sau đó 2012-2013, giá cao su thiên nhiên giảm mạnh đã tạo điều kiện nâng cao tỷ suất lợi nhuận của các doanh nghiệp sản xuất và Casumina cũng được lợi từ đó. Chính vì vậy, rủi ro nguyên vật liệu luôn là vấn đề đáng quan tâm của công ty trong thời gian tới.

Rủi ro khác

Hiện nay Việt Nam vẫn chưa có quy chuẩn hàng rào kỹ thuật quốc gia về mặt hàng sản phẩm nhập khẩu, vì vậy đây sẽ là trở ngại cho các doanh nghiệp sản phẩm trong nước trước nạn hàng nhái, hàng giả và thực trạng gian lận thương mại tồn tại trong nhiều năm qua.

Vấn đề này vẫn chưa có hướng giải quyết đã làm các doanh nghiệp sản phẩm trong nước mất đi lợi thế về thương hiệu và tăng sản lượng tiêu thụ

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- ❖ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
 - ❖ Tổ chức và nhân sự
 - ❖ Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện dự án
 - ❖ Dự án Radial
 - ❖ Đầu tư công ty con, liên doanh liên kết
 - ❖ Tình hình tài chính
 - ❖ Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
-

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2012		Năm 2013		
			KH	TH	%/KH	%2013/2012
Doanh thu	Tr đồng	3.043.815	3.252.000	3.133,789	96	103
Doanh thu SXCN	"	3.016.265	3.215.000	3.109.842	98	103
- Nội địa	"	2.250.919	2.381.000	2.198.190	92	98
- Xuất khẩu	"	760.346	834.000	911.652	109	120
Kim ngạch XNK	1.000 usd	79.055	85.466	111.365	130	141
Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	337.434	275.000	480.812	175	143
Lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	253.884	207.000	360.066	186	152
EPS	Đồng/CP	5.266	3.076	5.856	190	111

Trong năm qua công ty đạt tăng trưởng doanh thu thuần 3%, đạt 3.133 tỷ đồng, tương đương 96% kế hoạch năm, trong đó doanh thu nội địa giảm 2% so với cùng kỳ, riêng hoạt động xuất khẩu tăng 9% so với năm 2012, đạt 911 tỷ đồng, tương đương 43,4 triệu USD. Đóng góp lớn cho sự tăng trưởng trong năm qua chủ yếu nhờ vào tăng trưởng mạnh từ nhóm sản phẩm lốp ô tô tăng 16% và nhóm săm lốp xe máy tăng 13%. Với việc giảm giá của cao su thiên nhiên trong năm qua đã giúp cải thiện hiệu quả kinh doanh đáng kể cho công ty. Lợi nhuận trước thuế tăng 43% so với 2012 và vượt 75% kế hoạch cả năm. EPS đạt 5.856 đồng, tăng 11% so với cùng kỳ.

Bên cạnh đó là công tác quản trị, quản lý hàng tồn kho và các chi phí hoạt động đã được công ty thực hiện một cách quyết liệt và triển khai kịp thời giúp mang lại hiệu quả cao trong năm qua.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Họ tên	Chức danh	Năm sinh	Số CMND
1. Hội đồng quản trị			
Bùi Thế Chuyên	Chủ tịch HĐQT	1961	011565381
Phạm Hồng Phú	Thành viên	1966	023805873
Trần Văn Trí	Thành viên	1955	020089963
Nguyễn Minh Thiện	Thành viên	1964	020966147
Nguyễn Ngọc Phương	Thành viên	1982	023541495
2. Ban Giám Đốc			
Phạm Hồng Phú	Tổng Giám đốc	1966	023805873
Nguyễn Song Thao	Phó Tổng Giám đốc	1962	020167791
Nguyễn Đình Đông	Phó Tổng Giám đốc	1963	021454517
Nguyễn Minh Thiện	Phó Tổng Giám đốc-KTT	1964	020966147
3. Ban Kiểm Soát			
Lê Thị Hoàng	Trưởng ban kiểm soát	1954	020617544
Lê Thị Thu Thủy	Thành viên	1977	022972381
Vũ Thị Bích Ngọc	Thành viên	1985	201501574

BAN ĐIỀU HÀNH



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Bùi Thế Chuyên
Chủ tịch HĐQT



Ông Phạm Hồng Phú
Tv. HĐQT



Ông Nguyễn Minh Thiện
Tv. HĐQT



Ông Trần Văn Trí
Tv. HĐQT



Ông Nguyễn Ngọc Phương
Tv. HĐQT



1. Ông BUI THE CHUYEN

Chức vụ : Trưởng ban KHKD Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Chủ tịch HĐQT Casumina

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế, Thạc sĩ QTKD

Năm sinh : 1961

CMND : 011565381

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : H3 Thành Công – Ba Đình – Hà Nội

Quá trình công tác :

Từ năm 1989-2004: Trưởng phòng thị trường Công ty TNHH 1 TV Phân Đạm và HC Hà Bắc

Từ năm 2004-2010: Trưởng phòng kế hoạch tại Cục Công Nghiệp địa phương-Bộ Công Thương

Từ T3/2010-nay: Trưởng ban kế hoạch Kinh doanh tập Đoàn Hóa Chất Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng ban kế hoạch kinh doanh Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Vinachem) và Chủ tịch HĐQT Casumina.

Cổ phiếu nắm giữ : Cá nhân sở hữu : 7.084 CP – Tỷ lệ:0,011%
Đại diện vốn Nhà nước: 10.094.700 – Tỷ lệ: 15%

Họ tên người liên quan : Không có



2. Ông PHAM HONG PHU

Chức vụ : Tv.HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ kinh tế

Năm sinh : 1966

CMND : 023805873

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 141 Hai Bà Trưng, Q3, Tp.HCM

Quá trình công tác :

Thành viên Công ty cổ phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam (Casumina) từ năm 1990 ở vị trí nhân viên phòng tài vụ.

Từ năm 1996 đến năm 2008 ông công tác tại phòng tài chính kế toán và đảm nhiệm chức vụ kế toán trưởng trong khoảng thời gian từ 2001-2008.

Từ năm 2008-2010: Phó Tổng giám đốc– Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam

Từ tháng 6/2011 - nay: Tổng giám đốc– Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam

Chức vụ công tác hiện nay: Tv.HĐQT – Tổng Giám đốc Cty CP CN Cao Su Miền Nam

Cổ phiếu nắm giữ : Cá nhân sở hữu 141.680 CP-Tỷ lệ: 0,211%
Đại diện vốn nhà nước:14.132.580 CP-Tỷ lệ:21%

Họ tên người liên quan : Phạm Việt Hiếu - Em trai
Sở hữu: 2.576 - Tỷ lệ: 0,0038%



3. Ông TRẦN VĂN TRÍ

Chức vụ : **Tv.HĐQT**
kiêm GD Xí nghiệp cao su Hóc Môn

Trình độ chuyên môn : **Kỹ sư Hóa**

Năm sinh : **1955**

CMND : 020089963

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 216 Hồ Văn Huê, P9, Q Phú Nhuận, Tp.HCM

Quá trình công tác :

Từ năm 1977-1985: Kỹ sư hóa – Công ty Công Nghiệp Cao Su Miền Nam

Từ năm 1985-1992: Trưởng phòng KCS XN Cao Su Hóc Môn Công ty Công Nghiệp Cao Su Miền Nam

Từ năm 1992-1993: Trưởng phòng kế hoạch – Xí Nghiệp Cao Su Hóc Môn

Từ năm 1993-1996: Trưởng phòng kinh doanh – Xí Nghiệp Cao Su Hóc Môn

Từ năm 1996-1998: Phó giám đốc – Xí Nghiệp Cao Su Hóc Môn

Từ năm 1998-2005: Giám đốc – Xí Nghiệp Cao Su Hóc Môn

Từ năm 2006 đến nay: Thành viên HĐQT, Giám đốc Xí Nghiệp Cao Su Hóc Môn thuộc CTCP CN Cao Su Miền Nam,

Cổ phiếu nắm giữ : Cá nhân sở hữu 35.951 CP - Tỷ lệ: 0,053%
Đại diện vốn Nhà nước: 10.094.700 CP -Tỷ lệ: 15%

Họ tên người liên quan : Trần Thị Thanh Hằng – em Gái
Sở hữu: 13 CP- Tỷ lệ: 0,00002%



4. Ông NGUYỄN MINH THIỆN

Chức vụ : **Tv.HĐQT kiêm Phó TGD Tài chính**
và Kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn : **Cử nhân kinh tế**

Năm sinh : **1964**

CMND : 020966147

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 70D Lý Thường Kiệt, Q.Tân Bình, Tp.HCM

Quá trình công tác :

Năm 2007: phó phòng kế toán Công ty Cổ phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam.

Từ năm 2008 – 30/04/2011: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam.

Từ tháng 5/2011 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc và Kế Toán Trưởng Công ty Cổ phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam.

Cổ phiếu nắm giữ : Cá nhân sở hữu 30.619 CP - Tỷ lệ: 0,046%

Họ tên người liên quan : Không có





5. Ông NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG

Chức vụ : Tv.HĐQT kiêm Trưởng phòng vật tư

Trình độ chuyên môn : Thạc Sĩ

Năm sinh : 1982

CMND : 023541495

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 58/2/1 Lê Hồng Phong , P2, Q5 – Tp.HCM

Quá trình công tác :

2000-2004: Tốt nghiệp cử nhân công nghệ thông tin tại trường đại học Ngoại Ngữ - Tin Học , Quận 10 TPHCM.

2005-2008: Tốt nghiệp thạc sĩ công nghệ thông tin tại trường đại học James Cook của Úc tại Singapore

2009-2011: Tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh tại trường đại học Lincoln của Hoa Kỳ tại TPHCM

2009- đến nay: Thành viên HĐQT kiêm trưởng phòng vật tư tại CTCP CN Cao su Miền Nam

Cổ phiếu nắm giữ : 4.508 – Tỷ lệ: 0,007%

Họ tên người liên quan : Nguyễn Ngọc Tuấn - Cha - Chủ tịch đã từ nhiệm
Số hữu: 118.882 cp – Tỷ lệ: 0,17%

BAN GIÁM ĐỐC



Ông Phạm Hồng Phú
Tổng Giám đốc



Ông Nguyễn Song Thao
Phó Tổng Giám đốc



Ông Nguyễn Đình Đông
Phó Tổng Giám đốc



Ông Nguyễn Minh Thiện
Phó Tổng Giám đốc



1. Ông **PHẠM HỒNG PHÚ**: Tương tự phần Giới thiệu HĐQT
2. Ông **NGUYỄN MINH THIÊN**: Tương tự phần Giới thiệu HĐQT



3. Ông: **NGUYỄN SONG THAO**

Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc
kiêm Giám đốc XN Cao su Bình Dương

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí

Năm sinh : 1963

CMND : 020167791

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 28/21 Đặng Văn Ngữ P.10 Q.Phú Nhuận HCM

Quá trình công tác :

Từ năm 1991 đến 2007: đảm nhiệm nhiều chức vụ khác nhau thuộc bộ phận kỹ thuật Công ty Công nghiệp Cao Su Miền Nam.

Đến năm 2008: ông được phân công làm Giám đốc xí nghiệp Cao Su Bình Dương kiêm Trưởng phòng cơ năng Công ty cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam.

Từ năm 2009 đến nay: Phó tổng giám đốc công ty kiêm Giám đốc xí nghiệp cao Su Bình Dương.

Cổ phiếu nắm giữ : Cá nhân sở hữu 22.097 CP - Tỷ lệ: 0,033%

Họ tên người liên quan :

Nguyễn Thị Thanh Thiên Kim Loan: em Gái - Sở hữu 459 CP, Tỷ lệ: 0,001%

Nguyễn Thị Xuân: Vợ - Sở hữu 4.481 CP, Tỷ lệ: 0,007%



4. Ông: **NGUYỄN ĐÌNH ĐÔNG**

Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Hóa

Năm sinh : 1964

CMND : 021454517

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 85/2 Tổ 23 KP1, Thị Trấn Hóc Môn, TP.HCM

Quá trình công tác :

Là nhân viên phòng kỹ thuật trực thuộc Xí Nghiệp Cao Su Hóc Môn từ năm 1988;

Đến năm 2007 ông giữ chức vụ Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Cổ Phần công nghiệp Cao su Miền Nam.

Tháng 05/2009 – đến nay: Phó tổng giám đốc Công ty Cổ Phần Công nghiệp Cao Su Miền Nam.

Cổ phiếu nắm giữ : Cá nhân sở hữu 17.929 CP - Tỷ lệ: 0,027%

Họ tên người liên quan : Không có

BAN KIỂM SOÁT



Bà Lê Thị Hoàng
Trưởng Ban Kiểm soát



Bà Vũ Thị Bích Ngọc
Tv. Ban Kiểm soát



Bà Lê Thị Thu Thủy
Tv. Ban Kiểm soát





1. Bà: LÊ THỊ HOÀNG

Chức vụ : Trưởng Ban kiểm soát
Trình độ chuyên môn : Cao Đẳng kinh tế, Cử nhân Anh văn
Năm sinh : 1954
CMND : 020617544
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ thường trú : 146 Trần Quang Diệu, P 14, Q3, Tp.HCM
Quá trình công tác :

Từ năm 1980-2000: Nhân viên phòng tài vụ- Công ty Công Nghiệp Cao Su Miền Nam
Từ năm 2000-2005: Phó phòng TC-KT- Công ty Công Nghiệp Cao Su Miền Nam
Từ năm 2006-2009: Phó phòng TC-KT- Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam
Hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam

Cổ phiếu nắm giữ : Cá nhân sở hữu : 72.966 CP - Tỷ lệ: 0,108%
Đại diện vốn Nhà nước: Không có
Họ tên người liên quan :

Lê Thị Phương: chị gái, sở hữu: 19.392 CP – Tỷ lệ: 0,029%
Huỳnh Văn Trừ: chồng, sở hữu: 8.292 CP – Tỷ lệ: 0,012%
Lê Thanh Lân: em trai, sở hữu: 9 CP – Tỷ lệ: 0,000014%

2. Bà: LÊ THỊ THU THỦY



Chức vụ : Tv.Ban kiểm soát kiêm Trưởng Phòng Tổ chức
Trình độ chuyên môn : Cử nhân QTKD
Năm sinh : 1977
CMND : 022972381
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ thường trú : 121/12 Lê Thị Riêng, P Bến Thành, Q1, TP.HCM
Quá trình công tác :

Từ năm 2000 đến nay: Nhân viên phòng Tổ chức nhân sự - hành chính – Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên BKS kiêm Trưởng Phòng Tổ chức – Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam

Cổ phiếu nắm giữ : Cá nhân sở hữu : 770 CP - Tỷ lệ: 0,0011%
Đại diện vốn Nhà nước: Không có
Họ tên người liên quan :

Lê Toàn Thắng: anh trai, sở hữu: 9 CP – Tỷ lệ: 0,000013%



3. Bà: VŨ THỊ BÍCH NGỌC

Chức vụ : Tv.Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Năm sinh : 1985

CMND : 201501574

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : A4-149 Khu đô thị Nam Kim, Hoàng Mai, Hà Nội

Quá trình công tác :

Từ năm 2007-2008: Nhân viên kế toán tại Công Ty Chứng khoán thương mại và công nghiệp Việt Nam

Từ 2008 đến nay: Chuyên viên Ban tài chính kế toán Tập Đoàn Hoá Chất Việt Nam
Tv.Ban kiểm soát– Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam

Cổ phiếu nắm giữ : Cá nhân sở hữu : 4.508 – Tỷ lệ: 0,007%
Đại diện vốn Nhà nước: Không có

Họ tên người liên quan :

Nguyễn Thị Nho: mẹ, sở hữu: 1.591 CP – Tỷ lệ: 0,0024%

Những thay đổi trong ban điều hành: Không có

Họ tên cá nhân	Chức vụ liên quan	Ngày từ nhiệm	Ngày bỏ nhiệm
Nguyễn Ngọc Tuấn	Nguyên Chủ tịch	04/2013	-
Bùi Thế Chuyên	Chủ tịch	-	04/2013
Nguyễn Minh Thiện	Tv.HĐQT	-	04/2013
Lê Văn Trí	Tv.HĐQT	04/2013	-
Nguyễn Ngọc Phương	Tv.HĐQT	-	04/2013

Thống kê lao động

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ lao động	2.030	100
- Trình độ trên đại học	10	0,49
- Trình độ đại học, cao đẳng	332	16,35
- Khác	1.668	83,15
Theo loại hợp đồng lao động	2.030	100
- Hợp đồng không thời hạn	1.777	87,54
- Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	78	3,84
- Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	175	8,62

Chính sách lao động

Chính sách lương:

Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người.

Chính sách thưởng:

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp. Công ty có chính sách thưởng định kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể.

Bảo hiểm và phúc lợi:

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

Chế độ làm việc

Chế độ làm việc tại CSM được áp dụng theo đúng luật lao động. Công nhân viên làm việc 8 giờ/ngày được hưởng thù lao và các chế độ phù hợp

Tuyển dụng

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty. Đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng. song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản. cán bộ quản lý phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành, nhiệt tình, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu

cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.

Công tác đào tạo

Công ty luôn duy trì chính sách đào tạo hằng năm nhằm nâng cao trình độ đội ngũ lao động toàn công ty. Hình thức đào tạo chủ yếu được thực hiện dưới dạng đào tạo tại chỗ và đào tạo chuyên sâu với các nội dung :

- Tập trung và có kế hoạch đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng quản lý kinh tế và nghiệp vụ chuyên môn, đáp ứng tiêu chuẩn cán bộ, công nhân viên đối với từng chức danh quy định.
- Đối với cán bộ, công nhân viên chưa qua thực tiễn được thực hiện luân chuyển công việc, đưa xuống cơ sở một thời gian để rèn luyện, thử thách thêm trong thực tiễn.
- Đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt, được công ty chú trọng bồi dưỡng các kiến thức về quản lý kinh tế; về hợp tác, liên doanh, liên kết với nước ngoài; về quản lý và điều hành dự án; về pháp luật thuộc các lĩnh vực phụ trách; về tin học và ngoại ngữ. Đặc biệt ưu tiên đào tạo trình độ trên đại học để nâng cao về chuyên môn, phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ và định hướng chiến lược phát triển của công ty.
- Hằng năm các phòng ban, đơn vị trực thuộc tiến hành rà soát, kiểm điểm kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trong năm, xây dựng kế hoạch về công tác đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng cán bộ công nhân viên thuộc đơn vị mình cho năm sau và báo cáo cho Giám đốc để theo dõi, chỉ đạo.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Các dự án đang thực hiện

Dự án Liên doanh sản xuất than đen với Philips Carbon Black

Do gặp trở ngại trong việc hoàn tất thủ tục pháp lý của dự án, đến thời điểm hiện nay (02/2014) dự án sản xuất than đen vẫn đang trong giai đoạn tiền đầu tư. Với nhận định tác động từ dự án than đen này không ảnh hưởng đến hoạt động cốt lõi của Công ty, đồng thời với chủ trương tập trung và chuyên ngành sản xuất săm lốp xe các loại, Casumina đang lên kế hoạch tìm kiếm đối tác chuyển nhượng vốn và ưu tiên đàm phán thoái vốn với Philips Carbon.

Dự án Tòa nhà văn phòng Công ty

Do tình hình bất động sản đóng băng, nên dự án triển khai chậm. Công ty đã ký thoả thuận với Công ty Ba Đình về việc đồng ý để đối tác xin rút khỏi dự án.

Dự án căn hộ số 9 Nguyễn Khoái

Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng dự án sang Công ty Tân Thuận Việt và hiện đang hoàn tất các thủ tục để thoái vốn. Công ty thực hiện theo nguyên tắc bảo toàn vốn đầu tư.



Đã có quyết định phê duyệt giá trị quyền sử dụng đất của UBND Thành phố Hồ Chí Minh để Công ty thực hiện nghĩa vụ tài chính. Do tình hình bất động sản khó khăn nên Công ty chưa thực hiện nghĩa vụ này. Hiện Công ty đang cùng các đối tác chọn giải pháp phù hợp nhất trên tinh thần Công ty sẽ không tham gia góp vốn và hưởng lợi nhuận từ dự án, đồng Thời sẽ nhận được tiền đền bù và lãi khoản gọn.

Dự án hợp tác xin chuyển mục đích sử dụng và khai thác các mặt bằng: 146 Nguyễn Biểu Q5, Mặt bằng Xí nghiệp Bình Lợi và Xí nghiệp Việt Hưng tại Thủ Đức

Hiện Công ty Ba Đình đang tiếp tục các bước xin thủ tục cấp phép và quy hoạch của Thành phố. Do thị trường bất động sản trầm lắng nên tiến độ thực hiện chậm, hướng sắp tới sẽ không tiếp tục thực hiện khai thác các quỹ đất này và tiến hành đàm phán với các đối tác theo hướng thoái vốn, trên cơ sở tận dụng hiệu quả nhất lợi thế sử dụng đất tại các mặt bằng trên.

Dự án mua đất di dời các nhà máy và phát triển Công ty

Công ty đã ký hợp đồng với đối tác mua 16,8 ha đất tại Bình Dương. Hiện đã được chủ trương chấp thuận của UBND tỉnh Bình Dương về việc chuyển sở hữu sang Casumina khoảng 10ha.





Hạng mục	Giai đoạn 1	Giai đoạn 2	Giai đoạn 3
Thời gian xây dựng	2012-2013	2014-2015	2016-2017
Công suất thiết kế (lốp)	350.000	600.000	1.000.000

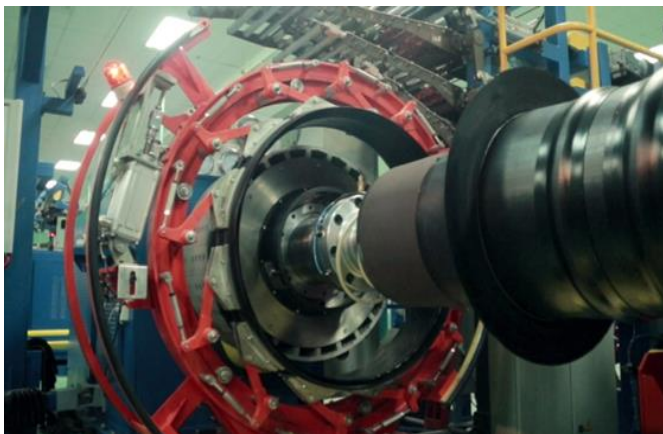
Dự án đầu tư nhà máy sản xuất 1.000.000 lốp ô tô Radial toàn thép

Dự án chia làm 3 giai đoạn. Công suất thiết kế đạt 1.000.000 lốp, tổng vốn đầu tư từ 3.380 tỷ đồng, được xây dựng tại KCN Nam Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Tổng diện tích là 12 ha.



RADIAL TIRE





Dự án tập trung vào lớp Radial dành cho xe tải nặng, chạy đường dài. Hiện tại dòng lớp này tại Việt Nam gần như 100% là phải nhập khẩu. Vì vậy, đây là dự án rất tiềm năng cho Casumina trong thời gian tới. Theo định hướng lâu dài, 60% sản lượng của nhà máy sẽ được xuất khẩu và 40% tiêu thụ nội địa, điều này hứa hẹn sẽ mang đến nguồn thu lớn và tạo sự tăng trưởng mạnh mẽ cho Casumina trong tương lai.

Công ty đã cơ bản hoàn thành việc lắp đặt thiết bị, vận hành dây chuyền và sản xuất sản phẩm thử nghiệm vào tháng 01/2014. Dự kiến nhà máy sẽ khánh thành và có sản phẩm chính thức cung cấp cho thị trường vào tháng 04/2014.

Trong giai đoạn tới, Công ty sẽ đẩy dần công suất lên theo nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu đạt công suất tối đa của nhà máy là 350.000 chiếc và triển khai giai đoạn 2 vào năm 2016.

Trong thời gian đầu khi nhà máy đi vào hoạt động sẽ phải chịu chi phí lãi vay và khấu hao cao, trong khi công suất vẫn ở mức thấp sẽ làm giảm tỷ suất lợi nhuận chung của toàn công ty. Tuy nhiên, khi đi vào ổn định, hứa hẹn nhà máy sẽ tạo động lực tăng trưởng mạnh về doanh thu và nâng cao tỷ suất lợi nhuận cho công ty.

Việc đầu tư nhà máy nằm trong định hướng phát triển và nâng cao khả năng cạnh tranh, mở rộng quy mô nhằm củng cố vị thế nhà sản xuất lớp hàng đầu tại Việt Nam của Casumina. Ngoài ra, đây là nhà máy mang tính chiến lược của Tập đoàn hóa chất Việt Nam trong kế hoạch phát triển ngành sản phẩm của Việt Nam trong tương lai.





Các công ty con, công ty liên kết

Tổ chức nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp tại Casumina

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKKD	Số lượng (CP)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ/ Vốn cổ phần (%)
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Vniachem)	1A Tràng Tiền - Hà Nội	835 TTg	29.845.200	298.452,2	51%
Tổng cộng					51%

Nguồn:CSM

Tổ chức Casumina nắm giữ trên 50% cổ phần: không có

Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề KD chính	VĐL (tỷ đồng)	% Sở hữu	Giá trị đã góp (tỷ đồng)	Thời điểm góp vốn
CTCP Philips Carbon Viet Nam	Khu CN Mỹ Xuân A, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Sản xuất than đen	333	8%	13,1	2008

Thông tin các công ty liên doanh, công ty liên kết

Nguồn:CSM

Công ty liên doanh than đen Phillips Carbon

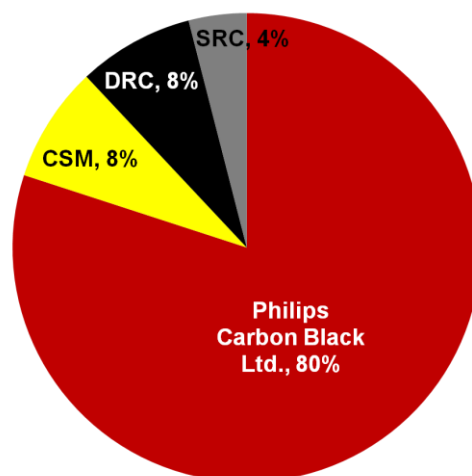
Ra đời năm 2008

Tổng vốn đầu tư cho dự án : 65.000.000 USD

Địa điểm đầu tư : Cảng Cái mép - Bà Rịa Vũng Tàu

Ngành nghề sản xuất : sản xuất than đen phục vụ nhu cầu cho thị trường nội địa và xuất khẩu

Công suất 110.000 tấn than đen các loại/năm



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Năm 2012	Năm 2013	% Tăng/Giảm
Tổng tài sản	1.847,1	2.920,8	158%
Vốn CSH	966,8	1.218,4	126%
Doanh thu thuần	3.043,8	3.133,8	103%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	333,5	473,2	142%
Lợi nhuận trước thuế	337,4	480,8	143%
Lợi nhuận sau thuế	253,9	360,1	142%
EPS (đồng)	5.266	5.856	111%

Trong năm 2013, tổng tài sản của Casumina đã tăng hơn 58%, nguyên nhân là do:

- (1) Casumina đã tiến hành đầu tư dự án nhà máy radial toàn thép.
- (2) Casumina tiến hành gia tăng thu mua, dự trữ nguyên vật liệu giá thấp vào cuối năm vừa qua đồng thời tăng mua nguyên liệu chuẩn bị cho sản xuất lốp radial.
- (3) Casumina linh hoạt trong chính sách bán hàng, gia tăng các khoản phải thu khách hàng nhằm hỗ trợ các đại lý tiêu thụ sản phẩm.

Về vốn chủ sở hữu: trong năm công ty đã tiến hành phát hành phát hành 8,78 triệu cổ phiếu trả cổ tức 15% của năm 2012. Theo đó, vốn điều lệ tăng từ 585,17 tỷ đồng lên 672,93 tỷ đồng. Ngoài ra, lợi nhuận giữ lại dự kiến năm 2013 sẽ tăng thêm hơn 187 tỷ đồng. Chính 2 yếu tố này đã giúp cho tổng vốn chủ sở hữu tăng hơn 26%.

Năm qua, doanh thu thuần của công ty tăng hơn 3% nhưng giá vốn giảm 2% so với cùng kỳ 2012 đã giúp cho lợi nhuận gộp tăng mạnh, theo đó tỷ suất lợi nhuận gộp/tổng doanh thu tăng từ 23% lên mức 27%. Chính sự cải thiện mạnh này đã giúp cho lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận sau thuế đều tăng 42% so với năm 2012, lần lượt đạt mức 473 tỷ đồng và 360 tỷ đồng theo kết quả năm 2013. Theo đó mức EPS 2013 đạt 5.856 đồng/CP, tăng 11,2% so với 2012.



Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2012	Năm 2013
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	28,9	49,8
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	71,1	50,2
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ /Tổng tài sản	%	47,7	58,3
	- Nợ/Vốn CSH	%	91,1	139,6
	- Đòn bẩy tài chính	Lần	1,9	2,2
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,7	0,7
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,9	1,7
4	Năng lực hoạt động			
	- Vòng quay HTK	Vòng	3,0	2,7
	- Vòng quay Tài sản	Vòng	1,8	1,3
5	Tỷ suất lợi nhuận (TSLN)			
	- ROA	%	15,1	15,1
	- ROE	%	32,0	32,9
	- LNST/Doanh thu thuần	%	8,3	11,4
	- EBITDA/Doanh thu thuần	%	15,7	18,6

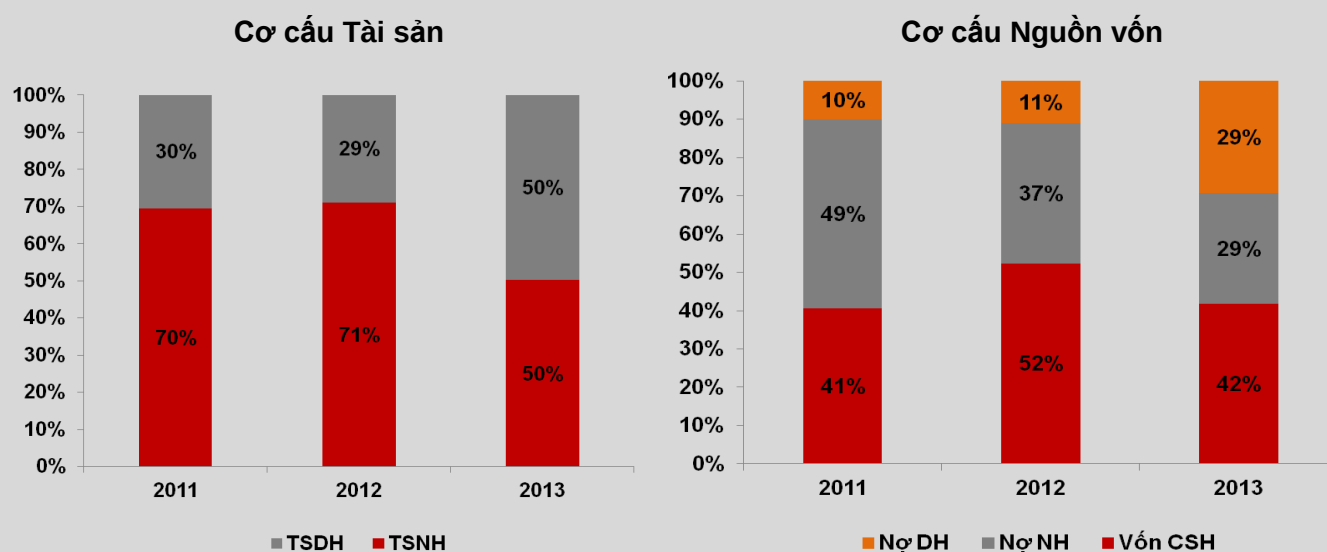
Cơ cấu tài sản

Trong giai đoạn 2010-2012, cơ cấu tài sản của Casumina phân theo tỷ lệ 30/70. Trong đó, TSDH chiếm 30%, 70% là TSNH. Trong năm 2013 vừa qua do công ty xây dựng nhà máy radial toàn thép làm gia tăng tài sản cố định, cơ cấu tài sản cũng thay đổi từ tỷ lệ 30/70 sang 50/50.

Trong tài sản ngắn hạn phần lớn tài sản phân bổ vào hàng tồn kho và các khoản phải thu. Hàng tồn kho bình quân chiếm 62% và các khoản phải thu khách hàng chiếm 27% tài sản ngắn hạn. Việc phân bổ tài sản ngắn hạn cũng nằm trong phương thức bán hàng của Casumina. Công ty luôn có những chính sách kịp thời và hỗ trợ sát sao đối với các đại lý trong việc gia hạn nợ, linh hoạt trong chính sách bán hàng, gia tăng ngày trả chậm hỗ trợ đại lý tiêu thụ duy trì tăng trưởng doanh số ổn định. Thực tế cho thấy tỷ lệ các khoản phải thu/doanh thu từ mức 6% lên hơn 10%. Ngoài ra, việc trữ nguyên vật liệu mỗi năm trong kế hoạch quản lý và điều tiết giá nguyên vật liệu đầu vào cũng làm cho tỷ lệ tồn kho của Casumina luôn ở mức cao trong các năm qua.

Cơ cấu nguồn vốn

Vì đặc trưng chung của ngành nghề kèm theo phương thức kinh doanh riêng của Casumina, công ty luôn duy trì tỷ lệ vay nợ cao so với các doanh nghiệp trong ngành. Bình quân 5 năm qua tỷ lệ nợ/tổng tài sản ở mức 52%. Đòn bẩy tài chính quanh mức 2 lần. Các tỷ lệ này đang có chiều hướng giảm dần do vừa qua công ty đã tiến hành tăng vốn điều lệ liên tục qua các năm. Với lộ trình tăng vốn nhằm tạo nguồn vốn đầu tư cho dự án radial đã giúp Casumina giảm dần tỷ lệ vay nợ, giảm chi phí tài chính và cải thiện dòng tiền cũng như khả năng thanh toán của công ty. Tạo nên cấu trúc vốn vững chắc cho công ty.



Khả năng thanh toán

Với việc tăng vốn trong các năm qua đã giúp Casumina chủ động hơn trong quản lý nguồn vốn kinh doanh của mình. Thêm vào đó cải thiện được các chỉ tiêu về thanh toán nhanh và thanh toán hiện hành. Kết thúc năm 2013 chỉ số thanh toán hiện hành và thanh toán nhanh của công ty đã cao hơn mức trung bình ngành (bao gồm DRC, CSM và SRC). Cụ thể chỉ số thanh toán hiện hành của CSM đạt 1,74 lần so với ngành là 1,66 lần; chỉ số thanh toán nhanh đạt 0,68 lần so với bình quân ngành là 0,55 lần. Đây là tín hiệu tốt trong khả năng thanh toán của công ty.

Năng lực hoạt động

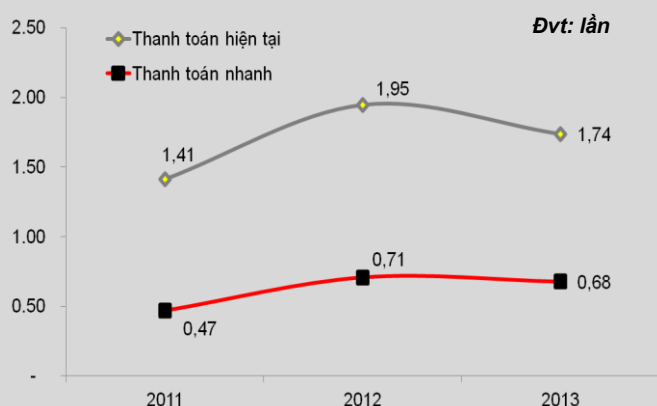
Trong năm qua giá cao su giảm hơn 18% giúp cho tỷ suất lợi nhuận gộp của công ty cải thiện từ 23% lên 27%. Giá vốn hàng bán giảm trong khi đó hàng tồn kho tăng 7% do công ty gia tăng trữ nguyên vật liệu tại những thời điểm giá thấp cuối năm 2013 nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh hiện tại và dự án Radial. Kết quả là vòng quay tồn kho giảm từ 3,0 vòng xuống 2,6 vòng.

Tuy vòng quay tồn kho giảm nhưng điều đó chỉ là do nguyên vật liệu tăng mạnh trong cuối năm, còn trong năm qua sản lượng tiêu thụ của công ty tăng trưởng khá tốt so với năm 2012. Diễn hình như lốp ô tô tăng 16%, săm ô tô tăng 42%, lốp xe đạp tăng 15%, săm xe máy tăng 13%. Điều này cho thấy hoạt động bán hàng và tiêu thụ sản phẩm của công ty vẫn tiến triển tốt.

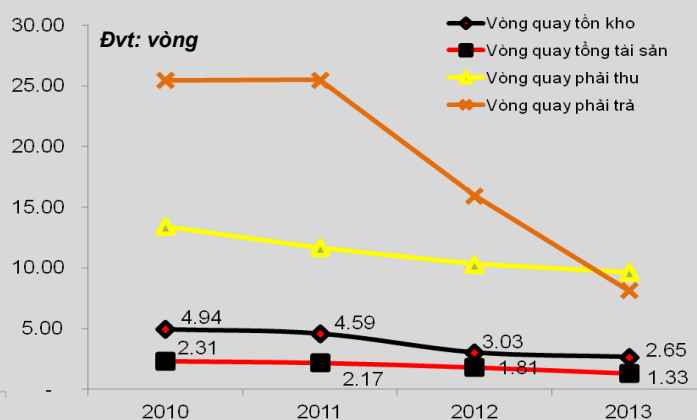
Trong 3 năm qua Casumina đã rất linh hoạt trong chính sách bán hàng nhằm hỗ trợ các đại lý tiêu thụ sản phẩm. Cụ thể cho thấy vòng quay phải thu của công ty giảm mạnh trong các năm qua. Đồng thời với việc gia tăng được thời gian trả chậm cho nhà cung cấp giúp công ty cân đối được dòng tiền nhằm hài hòa được chính sách bán hàng trong thời gian qua tạo điều kiện thuận lợi nhất để khách hàng tiếp cận và tiêu thụ sản phẩm.

Bên cạnh đó, trong năm 2013 công ty gia tăng đầu tư giai đoạn cuối vào dự án nhà máy Radial làm tài sản cố định tăng gần 3 lần so với 2012. Chính phần này đã làm cho tốc độ tăng trưởng của tổng tài sản nhanh hơn tăng trưởng của doanh thu, làm cho vòng quay tổng tài sản giảm từ 1,8 vòng xuống 1,3 vòng. Mặc dù vòng quay tổng tài sản giảm nhưng điều này vẫn cho thấy một mặt tích cực của công ty bởi khi nhà máy Radial đi vào hoạt động sẽ là cơ sở tạo tăng trưởng dài hạn và bền vững cho công ty trong tương lai sau này.

Chỉ số thanh toán giai đoạn 2011-2013



Năng lực hoạt động giai đoạn 2011-2013

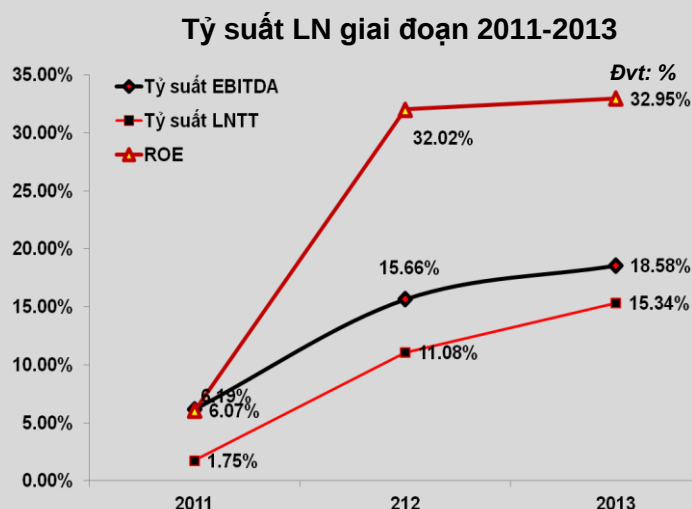
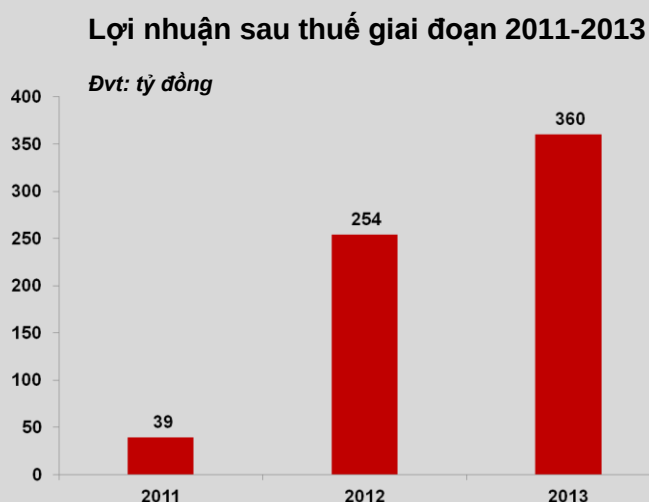
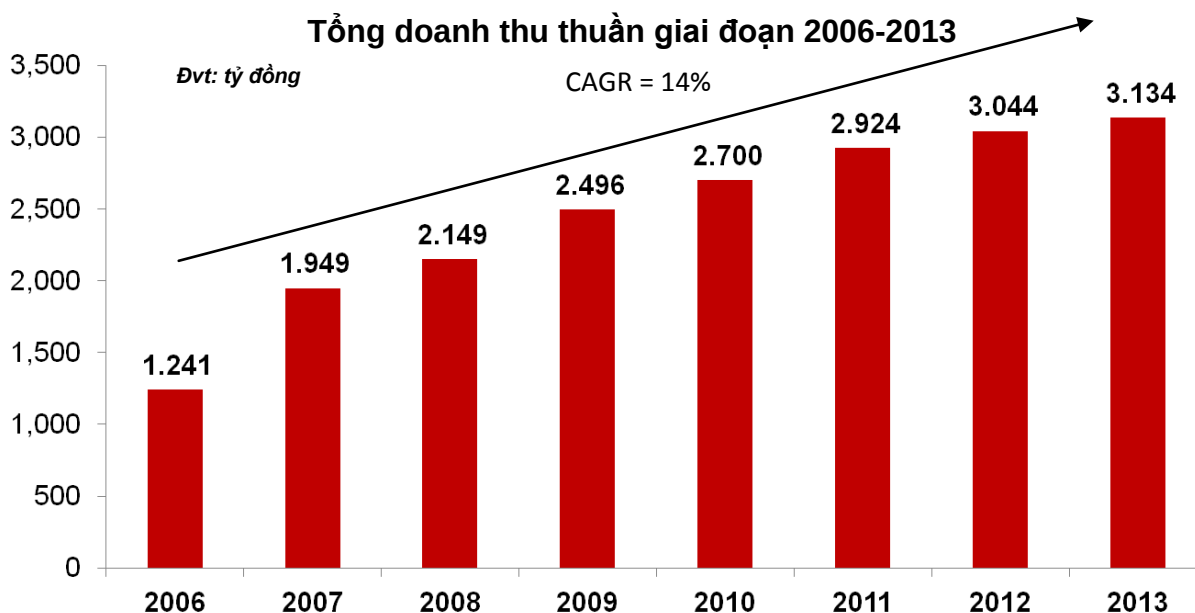


Tỷ suất lợi nhuận

Năm 2013 đánh dấu một năm Casumina đạt mức doanh thu và lợi nhuận cao nhất từ trước đến nay, đây là năm thứ 2 liên tiếp công ty vượt mốc 3.000 tỷ đồng. Tổng doanh thu thuần đạt 3.143 tỷ đồng tăng 3% so với năm 2012, đạt mức trưởng bình quân CAGR 14% giai đoạn 2006-2013.

Tỷ suất lợi nhuận đạt mức cao nhất trong 3 năm qua. Trong đó, tỷ suất lợi nhuận sau thuế tăng từ 15,7% lên mức 18,6% giúp ROE tăng từ mức 8,25% lên mức 11,37%. Theo đó, lợi nhuận gộp tăng gần 18% và lợi nhuận sau thuế tăng 42% so với năm 2012.

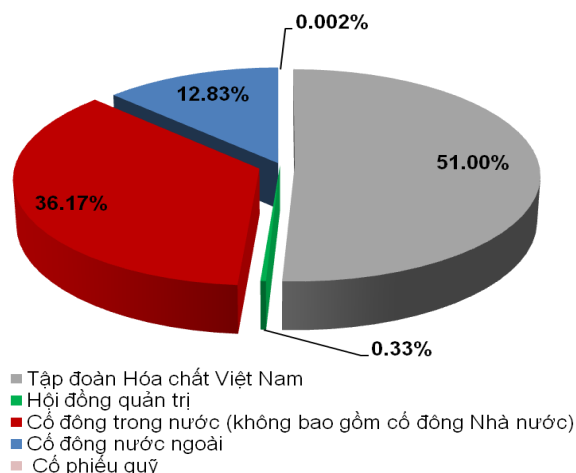
Một kết quả khá ấn tượng của Casumina trong năm 2013.



THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Vốn điều lệ: 672.932.050.000 đồng
Mã chứng khoán: CSM

Tổng số CP: 67.293.205 CP.
 Số lượng CP lưu hành: 67.292.000 CP.
 Số lượng CP tự do chuyển nhượng: 67.293.205 CP.
 Số lượng CP bị hạn chế chuyển nhượng: 0 CP.
 Số lượng CP quỹ: 1.205 CP.
 Giá trị sổ sách tại 31/12/2013: 18.107 đồng.



Cổ đông	Số CP nắm giữ	% Tỷ lệ
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	34.321.980	51,00%
Hội đồng quản trị	219.842	0,33%
Cổ đông trong nước (không bao gồm cổ đông Nhà nước)	24.338.283	36,17%
– Tổ chức	478.378	0,71%
– Cá nhân	23.859.905	35,46%
Cổ đông nước ngoài	8.632.942	12,83%
– Tổ chức	8.363.539	12,43%
– Cá nhân	269.403	0,40%
Cổ phiếu quỹ	1.205	0,002%
Tổng cộng	67.293.205	100%

Biến động giá cổ phiếu CSM



Tỷ lệ sở hữu của Ban điều hành (HĐQT, Ban TGD, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng) chốt tại tháng 07/2013

Họ tên cá nhân	Chức vụ liên quan	Số lượng CP nắm giữ Vốn NN	Cá nhân	Tỷ lệ %
Bùi Thế Chuyên	Chủ tịch HĐQT Trưởng ban KHKD tại Vinachem	10.094.700	7.048	15,01%
Phạm Hồng Phú	Tv.HĐQT - TGD	14.132.580	141.680	21,21%
Nguyễn Minh Thiện	Tv.HĐQT		30.619	0,046%
Trần Văn Trí	Tv.HĐQT	10.094.700	35.951	14,98%
Nguyễn Ngọc Phương	Tv.HĐQT		4.508	0,007%
Lê Thị Hoàng	Trưởng Ban KS		72.966	0,108%
Lê Thị Thu Thủy	Thành viên Ban KS		770	0,001%
Vũ Thị Bích Ngọc	Thành viên Ban KS		4.508	0,007%
Nguyễn Song Thao	Phó TGD		22.097	0,033%
Nguyễn Đình Đông	Phó TGD		17.929	0,027%
Vũ Quốc Anh	Trưởng phòng TCKT		3.828	0,006%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong tháng 07/2013, công ty đã tiến hành phát hành 8.775.458 cp để trả cổ tức 15% của năm 2012. Báo cáo kết quả phát hành xem chi tiết theo link bên dưới.

http://www.fpts.com.vn/FileStore2/File/2013/07/30/20130730_CSM_Bao_cao_kq_phat_hanh_CP_de_tra_co_tuc.pdf

- Số lượng cổ phiếu trước phát hành: 58.517.747 cp
- Số lượng sau khi phát hành: 67.293.205 cp

Vốn đầu tư chủ sở hữu sau các đợt phát hành là: 672.932.050.000 đồng

Giao dịch cổ phiếu quỹ: trong năm công ty không có giao dịch

Các giao dịch khác: Không có giao dịch





III. BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- ❖ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
 - ❖ Tình hình tài chính
 - ❖ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý
 - ❖ Kế hoạch phát triển tương lai
 - ❖ Giải trình của Ban Giám đốc với ý kiến kiểm toán
-



Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Khó khăn

- Sức cầu chung của thị trường nội địa giảm. Mức tiêu thụ đối với nhóm sản phẩm chủ lực của Công ty là lớp xe máy giảm, điều này làm cho Công ty mất lợi thế trong quá trình phát triển dòng sản phẩm mới cho nhóm sản phẩm này. Thị trường xuất khẩu bị thu hẹp đối với nhóm sản phẩm ống cao su dân dụng (chủ yếu phục vụ cho ngành công nghiệp ô tô).
- Việc duy trì thị phần các nhóm sản phẩm của Công ty đối với thị trường trong nước gặp khó khăn do áp lực cạnh tranh từ các đối thủ cùng ngành, đặc biệt là sản phẩm ngoại nhập.
- Việc chuyển đổi nhu cầu tiêu dùng của thị trường sang phân khúc sản phẩm công nghệ cao như lớp không săm, lớp xe tải bán thép, toàn thép... trong khi Công ty đang trong giai đoạn triển khai dự án nên chưa có sản phẩm đáp ứng thị trường.
- Việc triển khai “Hệ thống bán hàng chuyên nghiệp” bước đầu đã thực hiện tốt, tuy nhiên vẫn còn chậm chưa đạt tiến độ kế hoạch đề ra.

Thuận lợi

- Tính nhạy bén và phối hợp giữa các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty và HĐQT trong việc tiếp cận thị trường, đề ra những chiến lược ngắn hạn đã đem lại hiệu quả cho Công ty.
- Với mặt bằng giá nguyên vật liệu ổn định và có xu hướng giảm, đặc biệt là giá cao su thiên nhiên ít biến động, kết hợp với chính sách dự trữ hợp lý là một yếu tố thuận lợi cho Công ty trong việc tổ chức sản xuất và hoạch định chính sách bán hàng.
- Nhu cầu vốn lưu động bình quân giảm, lãi suất cho vay giảm và tỉ giá duy trì ổn định trong năm 2013 đã tiếp tục hỗ trợ Công ty giảm đáng kể chi phí tài chính, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Thị trường lớp ô tô tải nặng Bias được duy trì ổn định, mức tiêu thụ tăng so với cùng kỳ năm 2012. Đây là nhóm sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu cao và chiếm tỷ trọng doanh thu khá lớn trong tổng doanh thu của Công ty. Tuy nhiên, có thể đánh giá đây là nhóm sản phẩm tăng trưởng không bền vững do xu hướng tất yếu chuyển đổi nhu cầu tiêu thụ sang lớp Radial.
- Công ty đã sử dụng hợp lý, linh hoạt các chính sách trong quản lý tài chính, bán hàng, sản xuất, tồn kho ... đã đem lại hiệu quả.
- Đối với thị trường xuất khẩu: Năm 2013 có thể nói là năm thành công đối với việc mở rộng thị trường xuất khẩu của Công ty. Thị trường xuất khẩu của Công ty đã đạt được hai mục tiêu: Tăng trưởng doanh thu (tỷ trọng xuất khẩu đạt 29%) và đạt mức lợi nhuận cao. Điều này hết sức quan trọng và phù hợp với chiến lược phát triển bền vững của Công ty trong giai đoạn mức cầu của thị trường nội địa có nhiều bất ổn.
- Quá trình triển khai “Hệ thống bán hàng chuyên nghiệp” đã đem lại những hiệu quả nhất định: Thông tin từ thị trường được xử lý tốt hơn, khả năng đáp ứng nhu cầu thị trường tăng lên, khả năng bám sát khách hàng và phản hồi tích cực từ thị trường đối với thương hiệu Casumina tăng lên một bước.
- Việc phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh kịp thời, đúng thời điểm với sự hỗ trợ của chương trình ERP được duy trì liên tục đã giúp Công ty có lợi thế trong quá trình đề ra những chính sách hợp lý, đem lại hiệu quả cao.

Kết quả sản xuất kinh doanh 2013

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2012	Năm 2013			
			KH	TH	%/KH	%2013/2012
Giá trị SXCN	Tr đồng	1.055.995	1.116.000	1.121.161	100	106
Doanh thu	Tr đồng	3.043.815	3.252.000	3.133.789	96	103
Doanh thu SXCN	"	3.016.265	3.215.000	3.109.842	98	103
- Nội địa	"	2.250.919	2.381.000	2.198.190	92	98
- Xuất khẩu	"	760.346	834.000	911.652	109	120
Doanh thu KD khác	"	32.550	37.000	23.947	65	74
Lao động tiền lương						
Lao động	người	1.968	2.030	2.030	100	103
Lương bình quân	1000 đồng	8.706	9.490	9.618	101	110
Nộp ngân sách	Tr đồng	206.808	300.000	310.315	103	150
Kim ngạch XNK	1.000 usd	79.055	85.466	111.365	130	141
Đầu tư XD CB	Tr đồng	662.265	701.089	668.141	95	100
Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	337.291	275.000	480.812	175	143
Lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	253.884	207.000	360.066	186	152
Lãi cơ bản trên CP	Đồng	5.266	3.076	5.856	186	109

Nhận xét

- Doanh thu tăng trưởng 4% so với cùng kỳ năm 2012, trong đó doanh thu xuất khẩu có mức tăng trưởng 20% và doanh thu nội địa giảm 1%. Đối với thị trường xuất khẩu: Công ty đã tích cực trong việc đàm phán và tìm kiếm đối tác mới, chủ động trong việc điều chỉnh linh hoạt chính sách giá xuất khẩu và theo dõi sát diễn biến của thị trường xuất khẩu đã thúc đẩy việc tiêu thụ các nhóm sản phẩm tăng lên. Trong đó, đáng chú ý là nhóm lớp xe máy (tăng 14%), lớp ô tô (tăng 33%), sầm ô tô (tăng 43%); Đối với thị trường nội địa: Doanh thu giảm chủ yếu do chính sách giảm giá nhằm duy trì mức tiêu thụ ổn định và có tăng trưởng. Việc đánh đổi trong chính sách giảm giá trực tiếp trên sản phẩm không thông qua chính sách hoa hồng, khuyến mãi đã làm sản lượng tiêu thụ nội địa các nhóm sản phẩm tăng lên như: Sầm lớp xe đạp (tăng 5%), sầm xe máy (tăng 5%, đạt mức tiêu thụ cả năm là 22 triệu chiếc), lớp ô tô (tăng 7%, trong đó việc duy trì ổn định mức tiêu thụ lớp ô tô tải nặng đã đem lại lợi nhuận cao cho Công ty). Tóm lại, với nỗ lực đeo đuổi mục tiêu kinh doanh đã đặt ra trong năm 2013 bằng nhiều chính sách khác nhau áp dụng



cho cả thị trường nội địa và xuất khẩu đã làm cho sản lượng tiêu thụ các nhóm sản phẩm chủ lực đạt mức tăng trưởng kỳ vọng.

- Quá trình triển khai hệ thống bán hàng chuyên nghiệp đồng nghĩa với việc Công ty phải tuyển thêm đội ngũ nhân viên bán hàng, đồng thời tuyển mới lực lượng kỹ sư – công nhân chuẩn bị cho việc vận hành dự án lốp Radial toàn thép. Điều này đã làm lao động bình quân của Công ty trong năm 2013 tăng 3% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, đây là mức tăng trưởng hợp lý đồng bộ với mở rộng quy mô của Công ty. Mức tăng trưởng lương bình quân 10% là thể hiện rõ nét trong quá trình cải cách, tăng thu nhập ngang bằng với mức lương bình quân của ngành và phù hợp với mức sống tại thành phố Hồ Chí Minh. Đây là một yếu tố hết sức có ý nghĩa trong thời điểm các doanh nghiệp đều có mức sụt giảm về thu nhập, là một động lực thúc đẩy sự gắn bó, sáng tạo và cống hiến của kỹ sư, nhân viên Casumina.
- Kim ngạch xuất nhập khẩu có mức tăng trưởng cao so với cùng kỳ năm 2013 xuất phát từ hai yếu tố: Một là, luồng ngoại tệ chảy vào do Công ty đẩy mạnh xuất khẩu, đây là một yếu tố quan trọng giúp Công ty cân đối việc chi trả đối với các vật tư hóa chất nhập khẩu; Hai là, dòng ngoại tệ chảy ra chủ yếu thông qua nhập khẩu thiết bị phục vụ cho dự án lốp Radial toàn thép, đây là giai đoạn cao điểm để hoàn thiện dự án này nhằm thực hiện đúng tiến độ đã đặt ra (dự kiến khánh thành nhà máy vào tháng 03/2014).
- Lợi nhuận đạt ở mức cao trong có một số yếu tố chủ yếu sau: Giá vật tư giảm; Công ty đã thay thế nhà cung cấp và nghiên cứu vật tư thay thế cùng loại có giá thành rẻ hơn như vải màn, thép tanh, cao su tổng hợp, lợi thế từ giá bán đã được đàm phán đối với các hợp đồng xuất khẩu có kỳ hạn, sản lượng tiêu thụ tăng trưởng cao ở các nhóm sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao (săm lốp ô tô, sơm xe máy). Ngoài ra, Công ty đã triển khai các giải pháp kỹ thuật giảm giá thành các nhóm sản phẩm lốp xe máy, lốp xe đạp và sơm xe đạp, sơm ô tô.

Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

CHỈ TIÊU (triệu đồng)	NĂM 2012	NĂM 2013	% 2013/2012
Tổng tài sản	1.847.050	2.920.797	158,1%
Tài sản ngắn hạn	1.314.039	1.466.042	111,5%
<i>Phải thu ngắn hạn</i>	420.781	399.449	94,9%
<i>Hàng tồn kho</i>	836.646	894.932	106,9%
Tài sản dài hạn	533.011	1.454.755	272,9%

Tổng tài sản tăng 1.073 tỷ đồng tương ứng tăng 58% so với 2012, trong đó tài sản ngắn hạn tăng 11,5% và tài sản dài hạn tăng hơn 2,7 lần.

Tài sản ngắn hạn tăng xuất phát từ việc dự trữ hàng tồn kho tăng thêm 6,9% so với cùng kỳ 2012, do Công ty đã tăng mức tồn kho lên cao để dự trữ vật tư giá thấp và sử dụng hiệu quả vốn vay NH hiện đang ở mức lãi suất hấp dẫn. Đồng thời tăng thu mua nguyên liệu

phục vụ cho sản xuất lốp radial toàn thép. Ngoài ra, trong trong kỳ công ty có khoản thuế GTGT được khấu trừ là 117,6 tỷ đồng góp phần làm tăng tài sản ngắn hạn của công ty.

Nguyên nhân tài sản dài hạn tăng gần 2,7 lần so với năm 2012, với giá trị tăng là 921,7 tỷ đồng chủ yếu là do công ty đầu tư dự án toàn thép và dự kiến đưa và khai thác vào cuối tháng 04/2014.

Tình hình nợ phải trả

CHỈ TIÊU (triệu đồng)	NĂM 2012	NĂM 2013	% 2013/2012
Nợ phải trả	880.292	1.702.336	193,3%
Nợ ngắn hạn	675.170	844.428	125,1%
Vay và nợ ngắn hạn	381.135	444.288	116,6%
Phải trả người bán	93.503	196.020	209,6%
Nợ dài hạn	205.122	857.908	418,2%
Vay dài hạn	201.342	813.621	404,1%

Nợ ngắn hạn tăng 25% so năm 2012 bắt nguồn từ việc tăng vốn vay ngắn hạn để bổ sung tạm thời vốn lưu động, đáp ứng các đơn hàng gia tăng, nâng cao doanh số bán hàng. Mặt khác công ty đã tăng cường chiếm dụng vốn từ các khoản phải trả người bán tăng 209,6% so với năm 2012.

Vay nợ dài hạn tiếp tục tăng mạnh do công ty tích cực giải ngân để hoàn thành những công đoạn cuối cùng trong giai đoạn 1 của dự án toàn thép, nhằm đảm bảo tiến độ khánh thành nhà máy trong tháng 04/2014.



Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý

Công tác điều hành sản xuất

Với việc xây dựng mục tiêu và công tác dự báo năm 2013 phù hợp với tình hình thực tế: Giá nguyên vật liệu ổn định, lãi vay giảm. Ban lãnh đạo Công ty đã xây dựng các chính sách và quyết liệt trong triển khai, điều chỉnh phù hợp trong từng thời đoạn ngắn. Chính từ điều này đã đem lại hiệu quả trong hoạt động SXKD 2013.

- Với kinh nghiệm nhiều năm trong công tác dự trữ vật tư, Công ty đã thực hiện các chính sách quan trọng về tồn trữ vật tư và tìm kiếm các đối tác đảm bảo đủ nguồn cung, đảm bảo chất lượng, giá cả hợp lý. Đây là một yếu tố quan trọng thể hiện sự chuyên nghiệp và đem lại hiệu quả cao đối với hoạt động SXKD Công ty.
- Bài toán về tồn kho sản phẩm luôn được Công ty cân nhắc và kiểm soát chặt chẽ nhằm đáp ứng các yêu cầu: Vừa đảm bảo đủ sản phẩm cung cấp cho thị trường, đồng thời phải đảm bảo được tính ổn định trong sản xuất, tăng năng suất, giảm thiểu thời gian vận hành của thiết bị.
- Công tác tiết kiệm trong sản xuất đã được đề cao và triển khai tại các Xí nghiệp trực thuộc. Nhiều chương trình tiết kiệm được triển khai: Năng lượng, nguyên vật liệu, chi phí quản lý... Đây là công tác có ý nghĩa nhằm kết nối giữa người lao động và Công ty. Mục tiêu của các chương trình này giúp cho CB-CNV Công ty hiểu rõ rằng: Mỗi hành động tiết kiệm ở từng vị trí công tác làm tăng thu nhập và tăng hiệu quả hoạt động của Công ty. Tổng giá trị tiết kiệm gần 80 tỷ đồng, phần giá trị này đã góp phần vào tổng giá trị lợi nhuận của Công ty (481 tỷ đồng).
- Công tác phát triển sản phẩm mới tiếp tục được duy trì trong năm 2013: Nhóm lớp xe máy đã thiết kế và đưa ra thị trường hơn 100 quy cách lớp không sẫm với mã gai đẹp (dòng lớp Dragon, Fire King), nhận được sự phản hồi tích cực của thị trường.
- Công ty đã thực hiện thay đổi đơn pha chế nhằm làm tăng chất lượng sản phẩm cho nhóm sản phẩm lớp xe máy sử dụng sẫm đồng thời tiến hành thay đổi bao bì. Đối với nhóm lớp ô tô, Công ty đã thực hiện cân chỉnh thiết bị, nghiên cứu thay đổi kết cấu lớp nhằm tăng cường độ kháng mòn và thiết kế những mã gai phù hợp với cung đường khắc nghiệt phục vụ cho phân khúc hầm mỏ, đường rừng ... Điểm nổi bật là Công ty đã nghiên cứu và sản xuất thành công sẫm xe máy butyl chủ yếu đáp ứng nhu cầu thị trường xuất khẩu và dự kiến mở rộng quy mô sản xuất đối với nhóm sản phẩm này. Việc duy trì chất lượng sản phẩm theo đúng cam kết về chất lượng của Công ty đối với thị trường luôn được tuân thủ, công tác phân tích, kiểm tra chất lượng được thực hiện thường xuyên, liên tục dưới sự giám sát của bộ phận QA Công ty.
- Việc tìm kiếm và đánh giá nhà cung cấp được thực hiện định kỳ trong năm 2013 đã giúp Công ty tiếp cận được các nhà cung cấp đạt yêu cầu về chất lượng và giá cả hợp lý. Chính điều này đã góp phần không nhỏ vào thành công của Công ty trong năm 2013. Đồng thời, trong quá trình làm việc với các nhà cung cấp mới đã đem lại cơ hội cho Công ty tiếp cận với nguồn nguyên liệu mới, tiếp cận với công nghệ sản xuất ngành sẫm lớp tiên tiến trên thế giới.



Hoàn thiện hệ thống quản lý

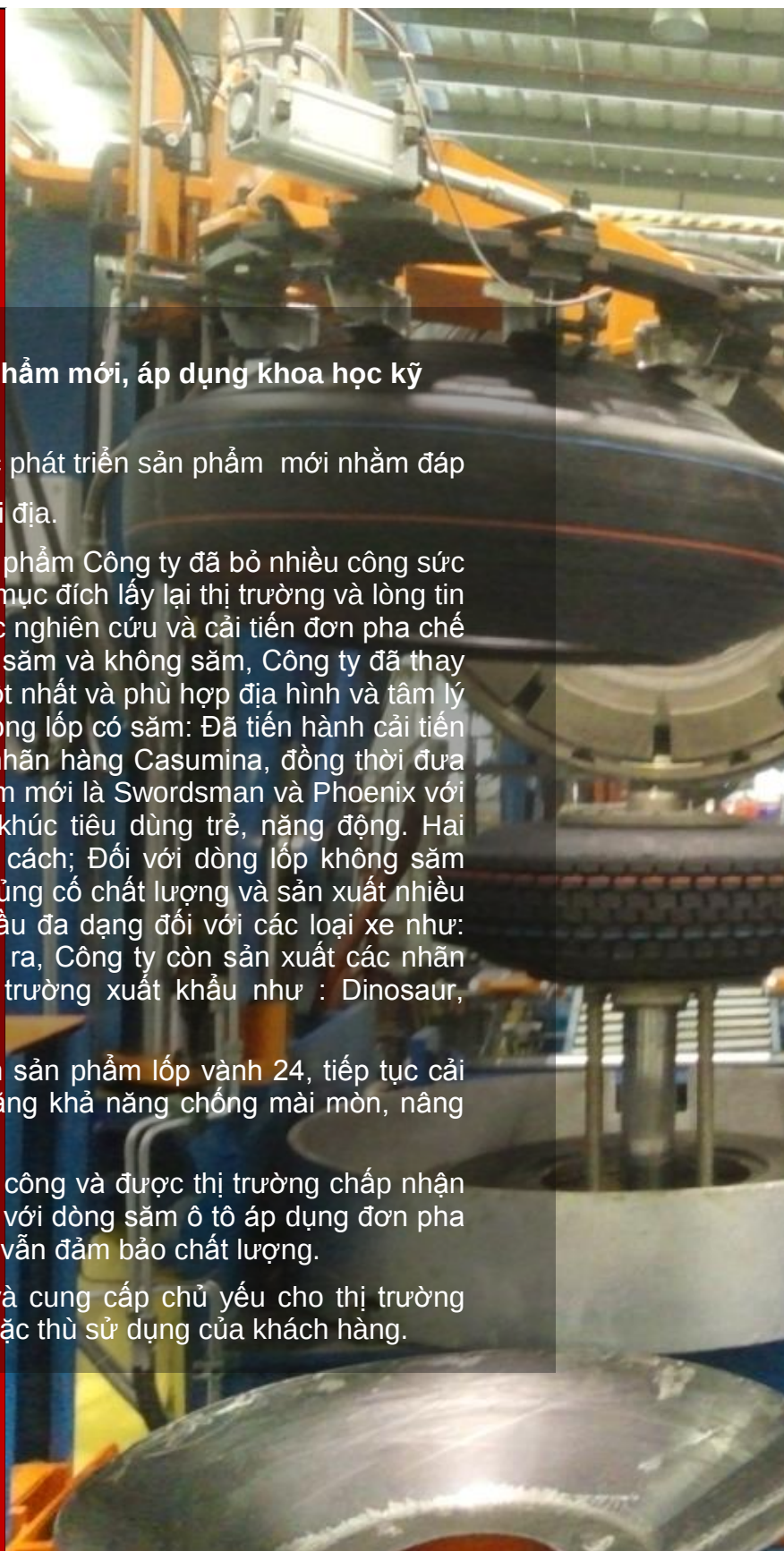
- Công ty tiếp tục duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001 và 14001, tiếp tục làm việc với các tổ chức tái cấp các chứng nhận có giá trị khu vực và quốc tế đối với ngành sản phẩm như: DOT, E4, SNI...
- Tiến hành xây dựng hệ thống đánh giá KPI đối với nhân viên gián tiếp của Xí nghiệp và Văn phòng Công ty. Đây là căn cứ quan trọng nhằm đánh giá năng lực của từng nhân viên và có chế độ lương, khen thưởng hợp lý theo đóng góp của nhân viên ở mỗi vị trí công tác.
- Công ty đã hoàn thành việc xây dựng hệ thống bán hàng theo hướng chuyên nghiệp ở khu vực phía Nam, tiếp tục thực hiện mô hình này đối với các khu vực còn lại và nhóm sản phẩm lớp ô tô (đặc biệt chú trọng đến lớp ô tô toàn thép) trong năm 2014.
- Công ty tiếp tục duy trì chương trình quản trị tổng thể (ERP) trong việc điều hành sản xuất, bán hàng, phân tích hoạt động SXKD, đồng thời triển khai các phân hệ mới như: Quản trị nhân sự – tiền lương, quản trị sản xuất, phân tích kết quả thí nghiệm và các tính năng cơ lý của sản phẩm nhằm giúp Công ty hoàn thiện hơn trong công tác quản lý.



Công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất

Công ty đặc biệt chú trọng đến công tác phát triển sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường xuất khẩu và nội địa.

- Đối với lốp xe máy: Đây là nhóm sản phẩm Công ty đã bỏ nhiều công sức và quyết tâm cải tiến chất lượng với mục đích lấy lại thị trường và lòng tin của người tiêu dùng trong nước. Việc nghiên cứu và cải tiến đơn pha chế được tiến hành ở cả hai dòng lốp có săm và không săm, Công ty đã thay đổi sử dụng những nguyên vật liệu tốt nhất và phù hợp địa hình và tâm lý người tiêu dùng Việt Nam. Đối với dòng lốp có săm: Đã tiến hành cải tiến chất lượng, thay đổi bao bì đối với nhãn hàng Casumina, đồng thời đưa ra thị trường hai nhãn hàng sản phẩm mới là Swordsman và Phoenix với chất lượng cao, tiếp cận với phân khúc tiêu dùng trẻ, năng động. Hai nhãn hàng này đã sản xuất 12 quy cách; Đối với dòng lốp không săm (nhãn hàng là **Euromina**): Tiếp tục củng cố chất lượng và sản xuất nhiều quy cách khác nhau đáp ứng nhu cầu đa dạng đối với các loại xe như: Lead, Vespa, Air Blade, SH ...Ngoài ra, Công ty còn sản xuất các nhãn hàng mới chuyên phục vụ cho thị trường xuất khẩu như : Dinosaur, Sharkmaster,...
- Đối với lốp ô tô: Sản xuất mới nhóm sản phẩm lốp vành 24, tiếp tục cải tiến độ sâu gai, đa dạng mẫu mã, tăng khả năng chống mài mòn, nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Đối với săm ô tô: Đã sản xuất thành công và được thị trường chấp nhận với mức tiêu thụ tăng vọt (135%) đối với dòng săm ô tô áp dụng đơn pha chế mới với giá bán thấp hơn nhưng vẫn đảm bảo chất lượng.
- Đối với săm xe máy: Đã sản xuất và cung cấp chủ yếu cho thị trường xuất khẩu săm xe máy phù hợp với đặc thù sử dụng của khách hàng.







Công tác đầu tư

- Thực hiện đúng tiến độ đề ra đối với dự án lốp Radial toàn thép: Hoàn tất các khâu còn lại trong dây chuyền sản xuất: Lắp đặt thiết bị, sản xuất thử nghiệm ...
- Đề xuất với đại diện 51% tiến hành đàm phán chuyển nhượng cổ phần liên doanh sản xuất than đen Phillips Carbon Việt Nam; Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thực hiện chuyển nhượng hoặc thanh lý các dự án bất động sản như: Dự án căn hộ số 9 Nguyễn Khoái, dự án số 504 Nguyễn Tất Thành... Riêng dự án tòa nhà văn phòng số 180 Nguyễn Thị Minh Khai đàm phán chuyển nhượng đầu tư 100% của Casumina với mục đích xây dựng trụ sở làm việc chính của Công ty.
- Tiếp tục đầu tư các thiết bị nhỏ lẻ, lắp đặt, sửa chữa máy móc thiết bị... nhằm củng cố, hoàn thiện và mở rộng quy mô sản xuất, lắp đặt thêm các dây chuyền sản xuất nhằm tăng sản lượng đối với những quy cách, chủng loại sản phẩm có mức tiêu thụ cao.

Công tác tiêu thụ

Công tác thị trường

- Nhìn chung năm 2013, giá cả nguyên vật liệu đầu vào tương đối ổn định, một số nguyên vật liệu có xu hướng giảm nhẹ tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty trong việc điều chỉnh giảm giá bán đầu ra để tăng sức cạnh tranh và mở rộng thị trường.
- Công ty đã hoàn tất mô hình bán hàng chuyên nghiệp đối với dòng lốp xe gắn máy, xe đạp, hiện tại đang triển khai dự án bán hàng chuyên nghiệp đối với dòng sản phẩm lốp ô tô.
- Công ty cũng đã đổi mới cơ chế bán hàng: Đánh giá năng lực vùng miền đi đôi với chính sách lương thưởng hợp lý. Duy trì và có những chính sách linh hoạt, đổi mới thúc đẩy mức sản lượng tiêu thụ của đại lý, tránh tình trạng bán phá giá, lấn vùng...
- Đẩy mạnh công tác bán hàng xuất khẩu. Tiếp tục đổi mới công tác quảng bá thương hiệu và xây dựng chính sách Marketing linh hoạt: Kết hợp với các đại lý tại nước ngoài tìm hiểu thị trường, quảng bá hình ảnh trên các kênh truyền hình tại nước ngoài, tham gia các hội chợ và xúc tiến thương mại có uy tín...



Phương thức bán hàng

- Công ty vẫn tiếp tục duy trì sản lượng giao kế hoạch năm, quý và tháng cho từng đại lý. Trên cơ sở tính toán hợp lý mức độ hoàn thành kế hoạch và khuyến khích các đại lý tập trung cao độ trong việc đẩy nhanh sản phẩm đến tay người tiêu dùng. Căn cứ vào kế hoạch tháng, các vùng miền công ty sẽ phân tích, tìm ra nguyên nhân và đề ra giải pháp để khắc phục những hạn chế đối với những đại lý không hoàn thành kế hoạch.
- Với phương thức bám sát thị trường, đội ngũ giám sát và nhân viên bán hàng đã trực tiếp đảm nhận việc bán và chào hàng cho các nhà phân phối. Điều này là một thay đổi quan trọng giúp Công ty nắm bắt được yêu cầu của thị trường và giảm được áp lực từ các khâu hậu cần của các nhà phân phối.
- Công tác họp giữa Ban tổng giám đốc và phụ trách bán hàng các vùng miền được duy trì tổ chức thường xuyên. Đây là cuộc họp quan trọng nhằm thống nhất chính sách bán hàng ngắn hạn trong từng tháng phù hợp với đặc điểm thị trường theo chu kỳ kinh doanh và những thay đổi trong chính sách kinh tế vĩ mô như: Lãi suất, giá xăng dầu, sản lượng tiêu thụ của các doanh nghiệp cùng ngành ...
- Chính sách công nợ linh hoạt tùy thuộc vào năng lực tài chính của từng đại lý tiếp tục được Công ty duy trì áp dụng trong năm 2013 đã phát huy tác dụng kích thích khả năng tìm kiếm khách hàng, tăng sản lượng tiêu thụ và tạo được sự ổn định, đồng thuận của các đại lý.
- Để đảm bảo giữ ổn định và có tăng trưởng thị trường trong nước, Công ty đã thực hiện chính sách giảm trực tiếp trên giá bán. Điều này sẽ tác động trực tiếp đến người tiêu dùng, các đại lý không thể áp đặt một mức giá khác nhau và đây là một yếu tố tương đối tốt có thể sử dụng trong ngắn hạn để cạnh tranh với các đối thủ cùng ngành. Kết quả là đa số các nhóm sản phẩm đều có mức tiêu thụ nội địa tăng, tuy nhiên tác động tiêu cực có thể ghi nhận là mức tăng doanh thu của Công ty giảm đi đáng kể.
- Công ty tiếp tục thực hiện chính sách khuyến mãi từng tháng đối với từng nhóm sản phẩm theo định hướng tăng trưởng của Công ty. Chính sách này tỏ ra có hiệu quả và cũng là một kênh thông tin quan trọng để đo lường mức độ uy tín của thương hiệu Casumina.





Công tác quảng bá và xúc tiến

- Sau khi hoàn thiện bộ nhận diện thương hiệu (vật phẩm văn phòng, tặng phẩm, đồng phục...) Công ty đã tiến hành thiết lập 10 panel quảng cáo lớn nằm trên các trục đường quốc lộ trải dài từ Nam ra Bắc nhằm thay đổi hình ảnh thương hiệu Casumina và tạo cách nhìn mới về các dòng sản phẩm khác nhau của Công ty, đặc biệt là dòng sản phẩm lốp Radial toàn thép chuẩn bị tung ra thị trường. Hướng đến tính đa dạng và chuyên nghiệp trong việc đáp ứng nhu cầu đối với các loại xe cao cấp, Công ty đã tài trợ chính cho chương trình truyền hình “Xe & phong cách” được tổ chức hàng tuần trên kênh VTV9. Công ty cũng đã tiến hành quảng bá các dòng sản phẩm mới bằng cách xây dựng các video clip với sự hỗ trợ của các Công ty quảng cáo uy tín.
- Tiếp tục hỗ trợ kinh phí và phương tiện quảng cáo cho thương hiệu Casumina tại các nước trong khu vực như: Campuchia, Myanmar. Mức độ thông dụng của sản phẩm Casumina dần quen thuộc tại thị trường các nước trong khu vực.
- Công ty định kỳ tổ chức gặp gỡ khách hàng nước ngoài tại Việt Nam và tổ chức chuyến du lịch nước ngoài đối với khách hàng nội địa. Có thể nói đây là một dịp để tăng tính hợp tác, thống nhất và duy trì hệ thống phân phối của Casumina trong nước và quốc tế.
- Công ty luôn giữ vững các danh hiệu do các tổ chức uy tín bình chọn: Hàng Việt Nam chất lượng cao, top 20 thương hiệu hạt giống, top 30 thương hiệu quốc gia.
- Trong năm được tặng Cờ thi đua Chính phủ dành cho các đơn vị đạt thành tích đặc biệt xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh và các phong trào khác.
- Công ty được Tập đoàn Hóa chất Việt Nam khen tặng là 1 trong 5 đơn vị có doanh thu cao nhất và hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả nhất trong năm 2013.

Kế hoạch phát triển tương lai

Đặc điểm tình hình chung năm 2014

Khó khăn:

- Theo dự báo của các chuyên gia kinh tế, năm 2014 bên cạnh những yếu tố thuận lợi thì nền kinh tế Việt Nam vẫn tiềm ẩn nhiều khó khăn, thách thức do tác động từ nền kinh tế thế giới, lạm phát cao vẫn có nguy cơ trở lại do ảnh hưởng của các khu vực Trung Đông, Đông Á... Bên cạnh đó còn tiềm ẩn những rủi ro của hệ thống ngân hàng, mặc dù tính thanh khoản của hệ thống ngân hàng đã được cải thiện, lãi suất cho vay tuy đã giảm nhưng vẫn còn cao và doanh nghiệp vẫn khó tiếp cận được nguồn vốn vay.
- Mức độ cạnh tranh của các doanh nghiệp cùng ngành trong và ngoài nước ngày càng khốc liệt, cùng với sự chuyển đổi nhu cầu của thị trường theo hướng tiếp cận với sản phẩm công nghệ cao cũng sẽ gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động SXKD.
- Nhà máy lớp Radial toàn thép bắt đầu đi vào sản xuất trong điều kiện không thuận lợi đối với thị trường nội địa : Sức mua thấp, khả năng cạnh tranh với các thương hiệu lớp Trung Quốc cùng loại gay gắt.
- Thị trường xuất cao su kỹ thuật dự báo tiếp tục gặp nhiều khó khăn do suy giảm của kinh tế thế giới và sự áp đảo của sản phẩm có xuất xứ từ Trung quốc với giá thành rẻ, chất lượng có thể chấp nhận được.

Thuận lợi:

- Một trong những mục tiêu của Chính phủ năm 2014 là tập trung cao cho ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát đồng thời tranh thủ thuận lợi, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, ổn định lãi vay... Những yếu tố then chốt trên là cơ hội lớn tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong hoạt động SXKD.
- Giá cao su nguyên liệu có xu hướng ổn định. Công ty mở rộng hạn mức tồn kho vật tư và tiếp tục tìm kiếm các đối tác cung cấp nguyên liệu có giá cả hợp lý và có chính sách linh hoạt trong việc dự trữ ổn định nguồn nguyên liệu.
- Thị trường xuất khẩu có nhiều dấu hiệu tích cực, đặc biệt là hai khu vực Đông Nam Á và Châu Phi vẫn chưa khai thác hết tiềm năng xuất khẩu.
- Các sản phẩm chủ lực của Công ty vẫn chiếm thị phần nhất định trong nước.
- Uy tín sản phẩm và thương hiệu của Công ty vẫn được khẳng định trên thị trường.
- Công ty đang dần xây dựng một đội ngũ Cán bộ lãnh đạo trẻ, năng động, có kinh nghiệm và kiến thức quản lý theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại.
- Đổi mới hệ thống đánh giá hiệu quả công việc dựa trên bảng đánh giá (KPI) được triển khai đến từng nhân viên là một công cụ kích thích nhân viên làm việc hiệu quả góp phần đẩy mạnh hoạt động SXKD của công ty.



Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2014

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014

STT	Chỉ tiêu	Đvt	TH Năm 2013	Năm 2014	
				KH	%2014/2013
1	Giá trị SXCN	Tr đồng	1.121.161	1.250.000	112
2	Doanh thu	Tr đồng	3.133.789	3.350.000	107
2.1	Doanh thu SXCN	"	3.109.842	3.290.000	106
2.1.1	- Nội địa	"	2.198.190	2.290.000	104
2.1.2	- Xuất khẩu	"	911.652	1.000.000	110
2.2	Doanh thu KD	"	23.947	60.000	251
3	Sản lượng hiện vật				
3.1	Lốp xe máy	1.000 Ch	3.929	4.200	106
3.2	Săm xe máy	"	22.027	22.100	100
3.3	Lốp xe đạp	"	3.609	3.600	100
3.4	Săm xe đạp	"	6.332	6.500	103
3.5	Lốp công nghiệp	"	553	600	108
3.6	Lốp ô tô, máy kéo	"	860	910	107
3.7	Săm ô tô	"	650	670	104
3.8	Yếm ô tô	"	361	380	104
3.9	Găng tay	1.000 đôi	4.917	4.900	100
3.10	Ống cao su dân dụng	Tấn	146	130	89
4	Lao động tiền lương				
4.1	Lao động bình quân	người	2.030	2.200	108
4.2	Lương bình quân	1.000 đ	9.618	9.900	103

5	Nộp ngân sách	Tr đ	310.315	250.000	73
6	Kim ngạch XNK	1.000usd	111.365	116.000	104
7	Đầu tư XD CB	Tr đ	668.141	405.661	61
8	Lợi nhuận trước thuế	Tr đ	480.812	300.000(*)	62
9	Cổ tức tiền mặt	%	20%	>12%	

(*): Lợi nhuận kế hoạch 2014 chưa tính hiệu quả từ chuyển nhượng dự án bất động sản.

Một số giải pháp thực hiện

Quản trị Công ty và điều hành sản xuất:

- Điều hành sản xuất tại các Xí nghiệp đúng tiến độ, theo hướng tinh gọn và tiết kiệm, tiết giảm chi phí sản xuất ở mức thấp nhất. Mở rộng quy mô sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường đối với những chủng loại quy cách có mức tăng trưởng cao.
- Có chính sách đồng bộ linh hoạt giữa tồn kho sản phẩm, tồn kho vật tư và mức độ tiêu thụ theo yếu tố đặc thù mùa vụ, theo dự báo và sự biến động của thị trường.
- Tiếp tục công tác cân đối giữa sản xuất và bán hàng, cân đối lượng tồn kho sản phẩm hợp lý không để phát sinh sản phẩm chậm luân chuyển – ngoài kế hoạch.
- Tiếp tục thực hiện các dự án cải tiến sản phẩm, cải tiến đơn pha chế với mục đích giảm giá thành, nâng cao chất lượng, đa dạng hóa mẫu mã sản phẩm.
- Quản lý và sử dụng lao động có hiệu quả. Giảm hao phí lao động, rà soát và định biên lại lao động trên các dây chuyền sản xuất và so sánh tương quan lao động giữa các Xí nghiệp trong cùng một công đoạn sản xuất.
- Tiếp tục điều chỉnh và cải tiến phương thức trả lương cho khu vực bán hàng theo doanh thu nhằm mục đích phát huy tính chủ động của nhân viên bán hàng và đẩy nhanh sản lượng ra thị trường.
- Tiến hành thiết lập KPI đối với đội ngũ lãnh đạo Công ty, Xí nghiệp, các Phòng ban và nhân viên, qua đó đánh giá năng lực từng vị trí công việc phục vụ cho việc sắp xếp nhân sự và trả lương hợp lý.
- Tiếp tục triển khai hệ thống bán hàng chuyên nghiệp tại khu vực Miền Tây, Miền Trung và Miền Bắc. Đặc biệt chú trọng đến hệ thống tiêu thụ lốp Radial toàn thép (TBR). Duy trì và phát huy tính hiệu quả của hệ thống quản lý ISO 9001 (2000) và ISO 14001.
- Duy trì việc phân tích và đề ra những chính sách sản xuất, bán hàng, tài chính hợp lý, linh hoạt với sự hỗ trợ của chương trình quản lý tổng thể doanh nghiệp (ERP).
- Thiết lập hệ thống kho tàng và vận chuyển tập trung nhằm giảm thiểu chi phí lưu kho và



chi phí vận chuyển.

- Duy trì tốt công tác phòng chống cháy nổ, bảo hộ lao động, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.

Công tác đầu tư XDCB:

- Tiếp tục hoàn thiện các khâu còn lại trong dây chuyền sản xuất lốp Radial toàn thép.
- Tiếp tục đầu tư và hoàn thiện một số công đoạn trong dây chuyền sản xuất: Lốp xe máy, săm xe máy, lốp ô tô, săm ô tô...
- Cân nhắc và dời dự án di dời các nhà máy trong nội thành thành phố Hồ Chí Minh trong quy hoạch tổng thể của Công ty đến năm 2020.
- Hoàn tất việc chuyển nhượng các dự án bất động sản và các mặt bằng sở hữu của Công ty trong nội thành Thành phố Hồ Chí Minh.
- Hoàn thiện các thủ tục chuyển đổi mục đích và chủ đầu tư 100% của Casumina đối với dự án văn phòng làm việc số 180 Nguyễn Thị Minh Khai.
- Hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng và thoái vốn dự án than đen Philips Carbon Việt Nam.
- Hoàn thiện việc xây dựng trung tâm nghiên cứu sản phẩm mới. Xây dựng và phát triển hệ thống cơ năng bảo trì các thiết bị chuyên dùng và chế tạo những chi tiết theo công nghệ của công ty.

Chiến lược sản phẩm:

- Tập trung toàn lực sản xuất lốp Radial toàn thép (TBR) đạt chất lượng, thiết lập hệ thống phân phối và quảng bá cho dòng lốp này nhằm thâm nhập thị trường và có mức tiêu thụ tăng trưởng như mục tiêu Công ty đã đặt ra.
- củng cố và tập trung nhân lực chiếm lĩnh thị trường đối với dòng sản phẩm lốp xe tay ga cao cấp Dragon, Fire King. Thâm nhập thành công và tăng sản lượng tiêu thụ đối với dòng lốp sử dụng săm Swordsman và Phoenix, đồng thời mở rộng tiêu thụ đối với các dòng lốp xe máy phục vụ riêng cho thị trường xuất khẩu.
- Tiếp tục mở rộng và thâm nhập vào các thị trường mới với những sản phẩm đặc thù mang thương hiệu Casumina như: Nam Mỹ, Châu Phi...
- Tiếp tục hợp tác với các đối tác có uy tín trên thế giới trong việc cung cấp sản phẩm mang thương hiệu có giá trị gia tăng cao như: Continental (Đức) và các đối tác khác.
- củng cố và có chính sách đối với thị trường lắp ráp ô tô Việt Nam.
- Hoàn thiện và mở rộng dòng sản phẩm giá rẻ nhưng vẫn đảm bảo chất lượng: Săm ô tô tái sinh, xe máy butyl. Dòng sản phẩm này đang có nhu cầu xuất khẩu khá lớn.

Công tác tiếp thị và bán hàng:

- Tiếp tục khai thác và mở rộng thị trường xuất khẩu tập trung vào các khách hàng Đông Nam Á, Châu Phi, đặc biệt là nhóm sản phẩm lốp Radial toàn thép.
- Tiếp tục thực hiện và đổi mới chính sách bán hàng linh hoạt về chế độ thanh toán, công nợ, khuyến mãi.... cho từng đại lý nhằm tạo sự đồng thuận và hợp tác đôi bên cùng có lợi.
- Tiếp tục duy trì hệ thống nhận diện thương hiệu theo hướng hiện đại, đồng bộ.
- Triển khai hệ thống bán hàng chuyên nghiệp khắp các tỉnh thành, tăng cường các chế độ chăm sóc khách hàng.
- Tập trung vào công tác quảng bá sản phẩm mới theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại.
- Thực hiện công tác điều tra, phân tích thị trường theo từng vùng miền, từng nhóm sản phẩm chuyên biệt, đề ra những chính sách phù hợp mang lại hiệu quả cao.



IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ❖ Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty
 - ❖ Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty
 - ❖ Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2014
-





Đánh giá chung các mặt hoạt động của công ty

Tình hình kinh tế trong nước 2013 vẫn chưa đạt mức tăng trưởng như kỳ vọng, sức cầu chung giảm, hoạt động SXKD của các doanh nghiệp bị thu hẹp đáng kể. Ngành sấm lốp có thuận lợi là giá vật tư nguyên vật liệu ổn định. Tuy nhiên, tác động từ sức cầu giảm và mức độ cạnh tranh của các doanh nghiệp cùng ngành rất gay gắt đã tác động trực tiếp vào sản lượng tiêu thụ các nhóm sản phẩm chủ lực của Công ty. Trong điều kiện thị phần trong nước bị thu hẹp, Công ty đã đẩy mạnh chiến lược mở rộng thị trường xuất khẩu cả về chiều rộng lẫn chiều sâu.

Với việc phân tích và dự báo đúng diễn biến của thị trường, HĐQT Công ty đã đề ra các chiến lược căn cơ, đặt ra mục tiêu cho từng quý cùng với sự quyết tâm của Ban Tổng giám đốc trong quá trình điều hành hoạt động SXKD, tìm ra các giải pháp nhằm phát huy được nội lực của Công ty như: Cải thiện hình ảnh của Công ty thông qua thay đổi mẫu mã bao bì sản phẩm đi đôi cùng chất lượng, thiết kế những mẫu gai mới phù hợp với nhu cầu tiêu dùng, thực hiện chính sách hậu mãi theo hướng chuyên nghiệp, triển khai hệ thống bán hàng theo hướng bám sát khách hàng, đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng... Ngoài ra, tiếp tục duy trì các giải pháp trong quản trị: Tồn kho hợp lý, công tác tiết kiệm năng lượng và giảm thiểu hao hụt nguyên vật liệu, bố trí hợp lý dây chuyền sản xuất nhằm nâng cao năng suất Sản xuất kinh doanh của Công ty đã đạt kết quả tốt: Doanh thu 3.134 tỷ đồng (tăng 3% so với cùng kỳ năm 2012), lợi nhuận trước thuế 2013 đạt 480 tỷ (tăng 43% so với cùng kỳ năm 2012), lương bình quân đạt 9,6 triệu đồng/người (tăng 10% so với cùng kỳ năm 2012). Công ty tiếp tục khẳng định vị thế là một doanh nghiệp sản xuất sấm lốp hàng đầu trong nước và có uy tín tại khu vực Đông Nam Á.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Với mục tiêu đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị tổ chức chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện các giải pháp giảm chi phí sản xuất, nâng cao công tác quản trị, nâng cấp chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh công tác bán hàng, thu xếp vốn và triển khai hoặc thoái vốn đối với các dự án đầu tư.

Qua kiểm điểm công tác cho thấy Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện các nghị quyết và kết luận của Hội đồng quản trị với nỗ lực cao. Chính vì vậy, hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty đạt được hiệu quả cao trong năm 2013.

Báo cáo chi phí thù lao của Hội đồng quản trị

- | | |
|---------------------------------|-----------------------|
| - Chủ tịch Hội đồng quản trị : | 72.000.000 đồng/năm. |
| - Thành viên Hội đồng quản trị: | 522.000.000 đồng/năm. |

Tổng số tiền thù lao đã chi năm 2013: 594.000.000 đồng bằng mức duyệt chi tại đại hội cổ đông năm 2013.

Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2014

Trên cơ sở dự báo tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam, căn cứ kế hoạch phát triển Công ty đến năm 2015 có tính đến năm 2020, Hội đồng quản trị đề ra kế hoạch SXKD năm 2014 và phương hướng quản trị, điều hành gồm một số nội dung chính như sau :

Chỉ tiêu kế hoạch SXKD 2014

Tổng doanh thu: 3.350 tỷ đồng, bằng 107 % so với thực hiện năm 2013.

Lợi nhuận trước thuế : 300 tỷ đồng, bằng 62% so với thực hiện năm 2013.

Chia cổ tức: Mức tối thiểu là 12%.

Tập trung chỉ đạo và hỗ trợ Ban Tổng giám đốc

- Tiếp tục xây dựng hệ thống bán hàng chuyên nghiệp, triển khai các khu vực còn lại và lấp ô tô. Mở rộng và đạt mức tăng trưởng cao đối với thị trường xuất khẩu, chú trọng đến các thị trường tiềm năng là Châu Phi.
- Duy trì việc triển khai các giải pháp giảm chi phí sản xuất và tiết kiệm.
- Đẩy mạnh công tác tiêu thụ nhóm sản phẩm lốp xe máy, thiết kế nhiều kiểu gai mới đáp ứng nhu cầu thị trường. Triển khai và thâm nhập thành công vào thị trường đối với nhóm lốp Radial toàn thép với thương hiệu Casumina.
- Tiếp tục nâng cấp chương trình quản lý tổng thể ERP, nâng cao công tác quản trị.
- Triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với các dự án đầu tư đúng tiến độ, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
- Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện đúng các Quy chế, Quy định của Công ty.

Trên đây là báo cáo tóm tắt hoạt động của Hội đồng quản trị về thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông năm 2013 và phương hướng hoạt động năm 2014.





V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ❖ Hội đồng quản trị
 - ❖ Ban Kiểm soát
 - ❖ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát
 - ❖ Các hoạt động liên quan
-



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Tên thành viên	Chức vụ	Tư cách thành viên	Chức vụ tại công ty khác
01	Bùi Thế Chuyên	Chủ tịch HĐQT	Độc lập	Trưởng ban Kế hoạch, kinh doanh tại Vinachem
02	Phạm Hồng Phú	Tv.HĐQT	Điều hành	Không có
03	Trần Văn Trí	Tv.HĐQT	Điều hành	Không có
04	Nguyễn Minh Thiện	Tv.HĐQT	Điều hành	Không có
05	Nguyễn Ngọc Phương	Tv.HĐQT	Điều hành	Không có

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị bao gồm 05 thành viên và đã tổ chức 06 cuộc họp (từ tháng 4/2013 đến tháng 12/2013). Cụ thể như sau:

Ngày	Số nghị quyết, quyết định	Nội dung
25/4/2013	14/2013/ BBH-HĐQT	- Bầu Chủ tịch HĐQT từ năm 2013-2016 (NK 2011-2016)
24/5/2013	15/2013/ BBH-HĐQT	- Báo cáo thực hiện SXKD quý II; Ước thực hiện 5 tháng 2013; - Công tác SXKD tháng 6 và Quý III/2013; - Báo cáo thời điểm chi trả cổ tức năm 2012; - Thay đổi thư ký Công ty; - Báo cáo sửa đơn giá tiền lương; - Báo cáo thực hiện đầu tư XD CB quý II, ước thực hiện 5t/2013; - Báo cáo tiến độ thực hiện dự án lớp toàn thép Radial; - Các vấn đề liên quan khác.
05/7/2013	16/2013/ BBH-HĐQT	- Báo cáo thực hiện SXKD quý II và 6 tháng đầu năm 2013; - Công tác SXKD tháng 7 và Quý III/2013; - Báo cáo tình hình kiểm tra các XN 6 tháng đầu năm 2013 của BKS; - Báo cáo tiến độ thực hiện dự án lớp toàn thép Radial; - Cử người đại diện và quản lý vốn của Casumina tại Cty Cổ phần Thương mại Địa ốc Tân Thuận Việt; - Các vấn đề liên quan khác.
14/10/2013	17/2013/ BBH-HĐQT	- Báo cáo thực hiện SXKD quý III và kế hoạch quý IV-2013; - Báo cáo tình hình kiểm tra các XN của BKS; - Báo cáo tiến độ thực hiện dự án lớp Radial toàn thép; - Tờ trình về Kế hoạch đầu tư xây dựng điều chỉnh năm 2013; - Tờ trình về kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2014; - Tờ trình về triển khai thực hiện gói thầu số 63: Nguyên vật liệu cho sản xuất thử dự án lớp Radial toàn thép;

		- Tờ trình về Quỹ Phát triển Khoa học công nghệ; - Các vấn đề liên quan khác.
20/11/2013	18/2013/ BBH-HĐQT	- Tờ trình huy động tăng vốn điều lệ để bổ sung hồ sơ thay đổi giấy ĐKKD; - Sửa đổi điều 5 của Điều lệ Công ty.
03/12/2013	19/2013/ BBH-HĐQT	- Tờ trình về việc thành lập Hội đồng Khoa học công nghệ; - Phê duyệt điều lệ Quỹ Phát triển KHCN & quy chế hoạt động của Hội đồng Khoa học công nghệ.

Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị

Trong năm, Hội đồng quản trị đã ban hành 23 Nghị quyết và 7 Quyết định liên quan đến công tác điều hành sản xuất kinh doanh, trả cổ tức, quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh mà Hội đồng quản trị năm 2013 đã phê duyệt. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều được thống nhất, đồng thuận của các thành viên và phù hợp với Điều lệ công ty.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Tên thành viên	Hoạt động
Bùi Thế Chuyên	Điều hành hoạt động của HĐQT và tham gia một số hoạt động của Công ty Casumina. Kiến nghị Nhà nước xây dựng một số chính sách về thuế, hàng rào kỹ thuật, tổ chức hoạt động chống hàng giả, nhập lậu và gian lận thương mại nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước sản xuất các sản phẩm từ cao su trong đó có Casumina.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp: **Không có.**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:

STT	Tên thành viên	Chức vụ
01	Bùi Thế Chuyên	Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban KHKD tại Vinachem
02	Phạm Hồng Phú	Tv.HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
03	Trần Văn Trí	Tv.HĐQT
04	Nguyễn Minh Thiện	Tv.HĐQT
05	Nguyễn Ngọc Phương	Tv.HĐQT



BAN KIỂM SOÁT

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát Công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Ban trong năm 2013 như sau:

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Các cuộc họp Ban kiểm soát

Năm 2013 Ban kiểm soát đều có các buổi họp định kỳ hàng quý, để đề ra nội dung kế hoạch làm việc theo tiến trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát đã có nhiều kiến nghị, đề xuất về việc thực hiện chế độ, quy định, quy chế tài chính; chi trả tiền lương, thưởng, kiểm soát lao động, tiết kiệm vật tư đã được Ban lãnh đạo Công ty nghiêm túc xem xét, chỉnh sửa để hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả tốt hơn và giảm thiểu rủi ro.

Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát năm 2013: bằng mức duyệt chi tại đại hội cổ đông năm 2013.

Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị

- Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 25/4/2013, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty đã có sự thay đổi và bổ nhiệm mới. Việc thay đổi đã thực hiện đúng theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam.
- Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2013 đã thông qua một số chỉ tiêu chính:
 - Doanh thu: 3.100 tỷ đồng . Thực hiện năm 2013 là 3.166 tỷ đồng đạt 102%.
 - Lãi trước thuế: 275 tỷ đồng. Thực hiện năm 2013 là 481 tỷ đồng đạt 175%.
 - Đầu tư: Ban lãnh đạo Công ty đã đầu tư thiết bị, máy móc và xây dựng cơ bản hoàn thành Nhà máy sản xuất Lốp xe tải Radial toàn thép. Tổng chi phí đầu tư xây dựng cơ bản là 1.122 tỷ đồng gấp 9 lần so với đầu năm (124 tỷ đồng).
- Năm 2013, Hội đồng Quản trị đã có nhiều phiên họp với nội dung và hình thức phù hợp với điều lệ của Công ty. Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều đáp ứng kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc

Năm 2013 tình hình kinh tế của cả nước vẫn còn trì trệ, nhiều Doanh nghiệp nhỏ và vừa phải phá sản hoặc hoạt động cầm chừng. Trước bối cảnh đó, Ban Tổng giám đốc đã vận dụng được nhiều yếu tố thuận lợi: lãi suất vay Ngân hàng giảm, giá nguyên vật liệu đầu vào giảm thấp ... đã đề ra được nhiều giải pháp linh động, chỉ đạo tốt về sản xuất, tiết giảm chi phí, vận dụng được lãi vay Ngân hàng vào từng thời điểm thích hợp. Ban Tổng giám đốc đã có sự phối hợp nhịp nhàng, chính sách bán hàng linh hoạt, cải tiến mẫu mã, đơn pha chế để nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường nội địa và xuất khẩu. Chế độ lương, thưởng đối với Người lao động được quan tâm tích cực. Nhờ vậy, năm 2013 so với Nghị quyết doanh thu và lợi nhuận của Công ty đều đạt khá.

Kiểm soát công nợ

- Tổng số nợ phải thu ngắn hạn đến thời điểm 31/12/2013 là: 399,448 tỷ đồng, trong đó dự phòng khó đòi là 11,95 tỷ đồng, chiếm 3%. Tỷ trọng nợ phải thu trên tổng doanh thu năm 2013 (3.166 tỷ đồng) là 12,6%, có giảm so với năm 2012 (13,8%) là 1,2%.
- Công ty có thực hiện đối chiếu công nợ với khách hàng, tuy nhiên cần có biện pháp thích hợp, kể cả sử dụng hệ thống pháp lý để thu hồi vốn, giảm tỷ lệ dư nợ, tăng nhanh vòng quay vốn, giảm bớt nợ khó đòi, tránh rủi ro về tài chính.

Công tác quản lý định mức tiêu hao vật tư và định mức tỷ lệ phế phẩm:

Năm 2013 công tác quản lý định mức tiêu hao vật tư và định mức tỷ lệ phế phẩm: đã được Ban Tổng giám đốc quan tâm, tuy nhiên tỷ lệ phế phẩm ở một số sản phẩm vẫn còn cao.

Tình hình bảo toàn vốn

Công ty cũng đã bảo toàn được vốn hoạt động của mình. Năm 2013, tại thời điểm 31/12/2013 vốn điều lệ của Công ty là 672.932.050.000 đồng tăng 87.754.580.000 đồng so với năm 2012.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TGD VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

Đvt: đồng					
STT	Họ và tên	Lương + thù lao	Thưởng	Ghi chú	Cho Công ty vay Vay của Công ty
1	Hội đồng quản trị				Không có phát sinh
	Nguyễn Ngọc Tuấn	167.473.000	240.939.000	Đã từ nhiệm	
	Bùi Thế Chuyên	70.000.000	95.000.000	Chủ tịch HĐQT đương nhiệm	
	Lê Văn Trí	124.775.000	189.324.000	Đã từ nhiệm	
	Phạm Hồng Phú	563.562.000	388.747.000		
	Trần Văn Trí	423.692.308	210.614.057		
	Nguyễn Minh Thiện	398.529.000	216.942.000		
	Nguyễn Ngọc Phương	182.285.000	154.165.000		
2	Ban kiểm soát				
	Lê Thị Hoàng	66.000.000	69.100.000		
	Lê Thị Thu Thủy	204.156.000	203.295.000		
	Vũ Thị Bích Ngọc	36.000.000	33.000.000		
3	Ban điều hành				
	Phạm Hồng Phú	Như trên	Như trên		
	Nguyễn Song Thao	375.949.000	213.858.000		
	Nguyễn Đình Đông	374.786.000	222.935.000		
	Nguyễn Minh Thiện	Như trên	Như trên		

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ năm 2013

(HĐQT, Ban TGD, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên trong năm 2012).

Không có

Giao dịch cổ đông lớn

Tên cổ đông	Chức vụ/Liên quan	Số lượng CP trước giao dịch	Giao dịch (Mua/Bán, Cho Tặng)	Số lượng CP đã giao dịch	Số lượng CP sau giao dịch
Deutsche Bank	Cổ đông lớn	3.173.075	Mua	369.042	3.542.117

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ : không có



Báo cáo đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị trong năm 2013

Năm 2013 đã có sự kết hợp chặt chẽ giữa Ban kiểm soát và Ban lãnh đạo Công ty để thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2013.

Ban kiểm soát theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, có kiến nghị đề xuất kịp thời đã được Ban lãnh đạo Công ty nghiêm túc xem xét và chỉ đạo các bộ phận liên quan chỉnh sửa để hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ngày càng được hoàn thiện.

Nhận xét & khuyến nghị

Năm 2013 với nhiều yếu tố thuận lợi như: lãi vay giảm, tỷ giá ổn định, giá nguyên vật liệu đầu vào giảm, Công ty đã kịp thời đưa ra thị trường nhiều sản phẩm thích hợp. Công tác quản trị Doanh nghiệp có nhiều tiến bộ, chính sách bán hàng linh hoạt, mẫu mã được cải tiến đã nâng cao được chất lượng sản phẩm thương hiệu Casumina, tăng sức cạnh tranh trên thị trường nội địa và xuất khẩu, lương, thưởng cho người lao động được nâng cao. Công tác triển khai dự án Lốp Radial đã thực hiện tốt, khả năng có sản phẩm xuất bán ra thị trường quý 2/2014.

Tuy nhiên, để hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 đạt kết quả khả quan, Ban kiểm soát có một số kiến nghị:

1. Về công nợ:
 - Tiếp tục đối chiếu công nợ khách hàng theo từng tháng để giảm thiểu rủi ro.
 - Có biện pháp thích hợp để thu hồi nợ đối với từng khách hàng. Xử lý, giải quyết dứt điểm, tránh để nợ tồn đọng, dây dưa kéo dài.
 - Thực hiện vay vốn hợp lý để dự trữ vật tư, nguyên vật liệu cần thiết thích hợp theo từng thời điểm nhằm giảm giá thành sản phẩm.
2. Về Bán hàng:

Trước tình hình cạnh tranh ngày càng khốc liệt trên thị trường nội địa và thị trường xuất khẩu Đông Nam Á nhiều tiềm năng, Ban lãnh đạo Công ty cần nắm bắt và xử lý thông tin thị trường nhanh nhạy hơn nữa, tiếp tục đưa ra những chính sách bán hàng thật linh hoạt, kèm theo phương thức thanh toán thích hợp để tránh công nợ dây dưa. Tính năng động các khu vực, vùng miền phải được tích cực phát huy để kịp thời cung cấp cho thị trường khi có nhu cầu.
3. Về sản xuất đầu tư:
 - Tiếp tục duy trì sản xuất ổn định, đầu tư công nghệ mới, luôn cải tiến chất lượng sản phẩm, mẫu mã, cố gắng tiết kiệm năng lượng, giảm tỷ lệ phế.
 - Hoàn chỉnh và xuất xưởng sản phẩm Lốp Radial ra thị trường vào quý 2/2014.

Kế hoạch hoạt động năm 2014 của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát Công ty thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty, cụ thể :

- Nhằm tạo điều kiện cho Hội đồng quản trị chủ động chọn lựa đơn vị kiểm toán độc lập với các tiêu chuẩn về tính chuyên nghiệp, chi phí hợp lý... Ban Kiểm soát sau khi thống nhất với Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua, căn cứ vào năng lực, trình độ và đội ngũ kiểm toán viên của các Công ty kiểm toán độc lập, đạt tiêu chuẩn kiểm toán các Công ty niêm yết trên sàn giao dịch do của Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận, Ban Kiểm soát xin được trình Đại hội cổ đông 4 Công ty Kiểm toán sau:
 - Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS)
 - Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC)
 - Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA)
 - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)
- Ban Kiểm soát sẽ tiến hành kiểm soát định kỳ hàng quý thời gian cụ thể sẽ được thông báo tới Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các phòng ban chức năng chuẩn bị hồ sơ tài liệu trước ít nhất 05 (năm) ngày làm việc. Ngoài ra, nếu thấy có dấu hiệu vi phạm chế độ và điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát sẽ tiến hành làm việc kịp thời để có thông báo với Hội đồng quản trị và báo cáo với Đại hội đồng cổ đông.
 - Thẩm định báo cáo tài chính năm 2014.
 - Xem xét tính hợp lý của các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành trong năm.
 - Báo cáo quá trình quản lý công ty của HĐQT và điều hành của ban Tổng giám đốc; quá trình hoạt động kiểm soát theo điều lệ của Công ty trước Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Ban kiểm soát tự đánh giá

Với sự hỗ trợ và phối hợp tốt của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các phòng nghiệp vụ và tập thể người lao động trong Công ty, Ban Kiểm soát tự đánh giá đã hoàn thành nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ Công ty.

Ban Kiểm soát xin cam kết trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và tập thể người lao động sẽ phấn đấu hơn nữa để đáp ứng yêu cầu kiểm soát Công ty trong thời gian tới.



CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN



Hướng đến cộng đồng

Hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động xã hội là hai hoạt động không thể tách rời trong quá trình phát triển bền vững của một doanh nghiệp. Thông qua tuân thủ các chuẩn mực về luật pháp, bảo vệ môi trường, đảm bảo quyền lợi người lao động và phát triển cộng đồng. Đây cũng là định hướng đã và đang được nghiêm túc thực hiện tại Casumina.

Với sứ mệnh cống hiến cho xã hội sự an toàn, hạnh phúc, hiệu quả và thân thiện, Casumina đang ngày một hoàn thiện mình trước sự phát triển bền vững của công ty và cộng đồng.

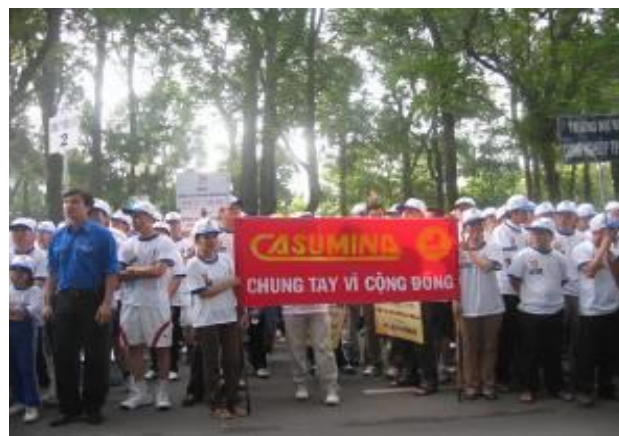
Mặc dù kinh tế biến động, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, Casumina vẫn ưu tiên chú trọng hoạt động công tác xã hội.

Bên cạnh việc vinh dự được nhận giải thưởng Thương hiệu Việt, Công ty có doanh thu và lợi nhuận trong top 5 của Tập đoàn hóa chất Việt Nam (Vinachem) ... Casumina thường xuyên tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện nhằm giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn trong xã hội. Góp một phần nhỏ công sức đem đến niềm vui cho mọi người, mọi nhà.



TGĐ Casumina gặp gỡ Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải trong buổi ra mắt sản phẩm lốp Radial

Hoạt động xã hội và nội bộ công ty



Xác nhận người đại diện trước pháp luật



Phạm Hồng Phú

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM

Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP
CAO SU MIỀN NAM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2013 kết thúc ngày 31/12/2013
đã được kiểm toán



ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA
NAM - AASCS**

MỤC LỤC



NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	06 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10 - 11
- Lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
- Thuyết minh báo cáo tài chính	14 - 58

11729-
CÔNG TY
HIỆN HỮU H
TỰ V
H KẾ T
KIỂM TOÁN
MIỀN NAM
P. HỒ C



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Thông tin pháp lý

Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam được chuyển từ Công ty Công nghiệp Cao su Miền Nam theo Quyết định số 3240/QĐ – BCN ngày 10 tháng 10 năm 2005 của Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Công nghiệp Cao su Miền Nam thành Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam, theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ty cổ phần số 0300419930 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 11 tháng 12 năm 2013.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 vốn điều lệ của Công ty là: 672.932.050.000 VND, tương đương 67.293.205 cổ phần (mệnh giá 10.000 VND/cổ phần). Trong đó:

- Cổ phần Nhà nước là: 34.321.980 cổ phần, chiếm 51 % vốn Điều lệ.
- Cổ phần bán cho các đối tượng khác là 32.971.225 cổ phần, chiếm 49% vốn Điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty tại 180 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 6, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam gồm có các đơn vị trực thuộc sau:

- Xí nghiệp Cao su Đồng Nai
- Xí nghiệp Cao su Hóc Môn
- Xí nghiệp Cao su Bình Lợi
- Xí nghiệp Cao su Bình Dương

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm cao su công nghiệp, cao su tiêu dùng.
- Mua bán sản phẩm cao su công nghiệp, cao su tiêu dùng. Mua bán nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thiết bị ngành công nghiệp cao su.
- Kinh doanh bất động sản.

Kết quả hoạt động

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2013 là 360.066.339.275 VND (năm 2012 lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp là 253.883.813.578 VND).



- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2013 là 418.718.165.396 VND (Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến năm 31/12/2012 là 280.880.302.565 VND).

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty bao gồm:

Nghị quyết đại hội cổ đông 2013 của Công ty CP Công nghiệp Cao su Miền Nam, ngày 25/04/2013.

Họ và tên	Chức vụ	Ngày từ nhiệm	Ngày nhận chức
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Chủ tịch	25/04/2013	
Ông Bùi Thế Chuyên	Chủ tịch		25/04/2013
Ông Phạm Hồng Phú	Thành viên		
Ông Trần Văn Trí	Thành viên		
Ông Lê Văn Trí	Thành viên	25/04/2013	
Ông Nguyễn Minh Thiện	Thành viên		25/04/2013
Ông Nguyễn Ngọc Phương	Thành viên		25/04/2013

Ban kiểm soát

Các thành viên của Ban kiểm soát Công ty bao gồm:

Bà Lê Thị Hoàng	Trưởng ban
Bà Lê Thị Thu Thủy	Thành viên
Bà Vũ Thị Bích Ngọc	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày từ nhiệm
Ông Phạm Hồng Phú	TGD điều hành	
Ông Lê Văn Trí	Phó Tổng Giám đốc	25/04/2013
Ông Nguyễn Song Thao	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đình Đông	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Minh Thiện	Phó Tổng Giám đốc kiêm kế toán trưởng	

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc đối với báo cáo tài chính



Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ.

Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý, thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ; không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải được công bố và giải thích trong các báo cáo tài chính này;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực và hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và bảo đảm rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ đầu năm 2013 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền nam phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty.

Phê duyệt của Hội đồng Quản trị
Chủ tịch

Bùi Thế Chuyên

Tp. HCM, ngày 17 tháng 03 năm 2014

Tổng giám đốc



Phạm Hồng Phú

350117
CÔNG T
CH NHIỆM
CH VỤ T
CHÍNH K
À KIỂM T
PHÍA N
- TP. HCM

Số 118 BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : - Cổ đông Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam
- Hội đồng Quản trị
- Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam, được lập ngày 17 tháng 01 năm 2014 từ trang 06 đến trang 58, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp Hồ Chí Minh, Ngày 7 tháng 3 năm 2014

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**

Tổng Giám đốc



Đỗ Khắc Thanh

Số giấy CNDKHN kiểm toán: 0064-2013-142-1

Kiểm toán viên

Lê Kim Ngọc

Số giấy CNDKHN kiểm toán: 0181-2013-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.466.041.842.146	1.314.039.161.882
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	35.295.375.818	30.415.808.642
1. Tiền	111		35.295.375.818	30.415.808.642
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		11.350.000.000	1.900.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	2	11.350.000.000	1.900.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		399.448.754.773	420.781.500.572
1. Phải thu khách hàng	131	3	315.694.345.120	340.952.672.110
2. Trả trước cho người bán	132	4	89.368.337.934	85.777.603.416
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	5	6.336.936.161	6.089.845.850
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	6	(11.950.864.442)	(12.038.620.804)
IV. Hàng tồn kho	140		894.932.219.260	836.646.602.511
1. Hàng tồn kho	141	7	894.932.219.260	836.646.602.511
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		125.015.492.295	24.295.250.157
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	6.629.066.785	2.531.793.509
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	9	117.598.833.832	19.713.943.856
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154	10	941.866	
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	786.649.812	2.049.512.792
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.454.755.303.801	533.011.693.960
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	218			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 58 là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
II. Tài sản cố định	220		1.440.372.589.744	482.161.618.731
1. TCSĐ hữu hình	221	12	146.849.054.939	181.829.578.536
- Nguyên giá	222		728.167.907.756	706.471.140.327
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(581.318.852.817)	(524.641.561.791)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	13	13.501.392.919	16.573.807.375
- Nguyên giá	225		20.781.346.310	20.781.346.310
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(7.279.953.391)	(4.207.538.935)
3. TSCĐ vô hình	227	14	158.237.160.464	158.943.521.775
- Nguyên giá	228		167.775.584.804	167.574.584.804
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(9.538.424.340)	(8.631.063.029)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	15	1.121.784.981.422	124.814.711.045
III. Bất động sản đầu tư	240			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		13.157.415.319	47.783.462.319
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	16	13.157.415.319	20.898.225.319
3. Đầu tư dài hạn khác	258			53.309.310.860
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			(26.424.073.860)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.225.298.738	3.066.612.910
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	755.145.892	2.450.060.064
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268	18	470.152.846	616.552.846
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		<u>2.920.797.145.947</u>	<u>1.847.050.855.842</u>

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 58 là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã Thuyết		Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	số	minh		
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.702.335.998.069	880.293.145.441
I. Nợ ngắn hạn	310		844.427.730.666	675.170.326.281
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	19	444.288.263.161	381.135.086.297
2. Phải trả người bán	312	20	196.020.173.003	93.502.512.008
3. Người mua trả tiền trước	313	21	2.543.620.553	2.264.887.069
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	22	39.807.850.676	24.314.179.208
5. Phải trả người lao động	315	23	91.842.012.751	80.052.831.271
6. Chi phí phải trả	316	24	40.118.565.339	57.620.834.940
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng				
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	25	9.373.048.159	25.758.650.200
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	26	20.434.197.024	10.521.345.288
II. Nợ dài hạn	330		857.908.267.403	205.122.819.160
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	27	3.895.725.000	3.668.475.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	28	813.620.804.711	201.342.045.637
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	29	391.737.692	112.298.523
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	30	40.000.000.000	
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.218.461.147.878	966.757.710.401
(400 = 410 + 430)				
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.218.461.147.878	966.757.710.401
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	31	672.932.050.000	585.177.470.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414	32	(12.050.000)	(12.050.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	33	722.613.288	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	34	87.143.849.589	74.449.658.910
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	35	38.956.519.605	26.262.328.926
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	36	418.718.165.396	280.880.302.565
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.920.797.145.947	1.847.050.855.842

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 58 là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính)

5. Ngoại tệ các loại

1.2

\$116.370,32

\$137.782,88

- USD

€ 412,09

€ 98,22

- EUR

6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án

Người lập biểu



Đỗ Anh Dũng

Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Chiến

Ngày 17 tháng 01 năm 2014

Tổng Giám đốc



Phạm Hồng Phú



(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 58 là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính)

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**Năm 2013**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh V.	Năm 2013	Năm 2012
			4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	37	3.166.282.125.064	3.078.464.141.884
2. Các khoản giảm trừ	02	38	32.493.177.374	34.649.385.422
+ Chiết khấu			31.004.431.334	32.941.436.111
+ Giảm giá hàng bán			0	0
+ Hàng bán bị trả lại			1.488.746.040	1.707.949.311
+ Thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp				
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		3.133.788.947.690	3.043.814.756.462
4. Giá vốn hàng bán	11	39	2.296.387.280.882	2.336.699.122.787
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		837.401.666.808	707.115.633.675
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	40	45.299.184.979	6.531.071.857
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	41	101.914.724.871	110.476.022.345
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		40.635.661.235	77.363.825.051
8. Chi phí bán hàng	24	42	97.142.449.449	108.890.339.249
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	43	210.430.846.259	160.813.076.425
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		473.212.831.208	333.467.267.513
11. Thu nhập khác	31	44	14.828.974.345	20.536.436.098
12. Chi phí khác	32	45	7.230.287.000	16.569.885.333
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		7.598.687.345	3.966.550.765
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		480.811.518.553	337.433.818.278

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 58 là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính)

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**Năm 2013**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
		V.		
1	2	3	4	5
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	46	120.465.740.109	83.437.706.177
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	47	279.439.169	112.298.523
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	48	360.066.339.275	253.883.813.578
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	49	5.856	5.266

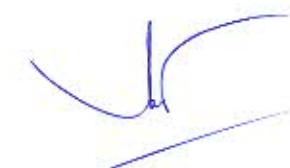
Người lập biểu

Kế toán

Ngày 17 tháng 01 năm 2014

Tổng Giám đốc


 Đỗ Anh Dũng


 Nguyễn Minh Chiến


 Phạm Hồng Phú

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
I	2	3	4
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	480.811.518.553	337.433.818.278
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	64.960.083.723	69.342.823.995
- Các khoản dự phòng	03	(26.511.830.222)	1.942.462.944
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	722.613.288	
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(59.970.214.381)	(27.073.577.105)
- Chi phí lãi vay	06	40.635.661.235	77.363.825.051
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	500.647.832.196	459.009.353.163
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	(66.349.680.699)	(152.434.208.796)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	(58.285.616.749)	(127.770.409.402)
- Tăng giảm tài sản ngắn hạn khác			
- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	90.212.787.036	147.613.197.928
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	(1.832.019.076)	(310.559.857)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(40.635.661.235)	(77.363.825.051)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(124.602.800.342)	(69.334.693.336)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	45.650.246.466	5.634.369.888
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(11.397.853.350)	(15.904.061.345)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20	333.407.234.247	169.139.163.182
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.023.741.394.764)	(189.465.209.467)
2. Tiền thu để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		70.140.371.600
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ	23	0	(1.900.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (số dư được kết chuyển từ tài khoản 222)	25	(9.450.000.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (số dư được kết chuyển từ tài khoản 128, 228)	26	61.050.120.860	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia, lãi đầu tư chứng khoán	27	55.956.480.895	5.130.731.162
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(916.184.793.009)	(116.094.106.705)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	87.754.580.000	162.679.100.000

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 58 là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Chi tiêu	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Năm 2013	Năm 2012
1	2	3	4
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	0	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	840.647.833.712	2.034.690.985.594
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(165.215.897.774)	(2.199.830.362.320)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(175.529.390.000)	(62.679.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	587.657.125.938	(65.139.376.726)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20 + 30 + 40)	50	4.879.567.176	(12.094.320.249)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	30.415.808.642	42.504.059.741
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0	6.069.150
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50 + 60 + 61)	70	35.295.375.818	30.415.808.642

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 17 tháng 01 năm 2014

Tổng Giám đốc





Đỗ Anh Dũng

Nguyễn Minh Thiện

Phạm Hồng Phú

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam được chuyển từ Công ty Công nghiệp Cao su Miền Nam theo Quyết định số 3240/QĐ – BCN ngày 10 tháng 10 năm 2005 của Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Công nghiệp Cao su Miền Nam thành Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam, theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ty cổ phần số 0300419930 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 11 tháng 12 năm 2013.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 vốn điều lệ của Công ty là: 672.932.050.000 VND, tương đương 67.293.205 cổ phần (mệnh giá 10.000 VND/cổ phần). Trong đó:

- Cổ phần Nhà nước là: 34.321.980 cổ phần, chiếm 51 % vốn Điều lệ.
- Cổ phần bán cho các đối tượng khác là 32.971.225 cổ phần, chiếm 49% vốn Điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty tại 180 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 6, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất sản phẩm cao su công nghiệp, cao su tiêu dùng.
- Mua bán sản phẩm cao su công nghiệp, cao su tiêu dùng. Mua bán nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thiết bị ngành công nghiệp cao su.
- Kinh doanh bất động sản.

3. Tổng số lao động : 2.125 người.

- Trong đó: Lao động gián tiếp: 966 người, lao động trực tiếp: 1.159 người.

4. Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình kinh doanh trong năm

Không có ảnh hưởng quan trọng đến tình hình kinh doanh trong năm.

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. Chế độ kế toán áp dụng

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết Định số 15/2006 – QĐ/BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam là Nhật ký chung.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc, xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm phát sinh được hạch toán theo tỷ giá thực tế phát sinh của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá theo phương pháp sản phẩm hoàn thành tương đương.

Hàng tồn kho luân chuyển giữa Công ty và các xí nghiệp, giá hàng tồn kho được xác định và ghi nhận theo giá bình quân gia quyền (doanh thu nội bộ và giá gốc hàng tồn kho được ghi nhận theo giá bình quân gia quyền).

Cuối kỳ kế toán, Công ty xác định giá trị nguyên vật liệu và bán thành phẩm dở dang, chênh lệch giữa giá trị dở dang cuối kỳ và đầu kỳ được phân bổ vào giá thành của tất cả các sản phẩm sản xuất trong kỳ theo tỷ lệ nguyên vật liệu chính.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho:

Giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng đối với từng loại nguyên vật liệu, vật tư, thành phẩm tồn kho.

2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Trong kỳ, Công ty không lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.1. Nguyên tắc ghi nhận:

Số dư các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là tài sản ngắn hạn nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một năm

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

(hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).

- Là tài sản dài hạn nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).

3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Tại thời điểm lập báo cáo cuối kỳ, Công ty đã trích dự phòng các khoản phải thu khó đòi.

4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

4.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

4.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo quyết định số 203/2009/QĐ/BTC ngày 20/10/2009 và thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013.

5. Hợp đồng thuê tài chính

5.1. Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

5.2. Nguyên tắc và phương pháp khấu hao TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

6. Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

6.1. Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

6.2. Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

7. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

7.1. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hóa.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

7.2. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí khác

7.2.1. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hóa vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

7.2.2. Chi phí khác

Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hóa vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

7.3. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

8. Kế toán các khoản đầu tư tài chính

8.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

8.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo được phân loại và ghi nhận trên báo cáo tài chính như sau:

- Là khoản “tương đương tiền” nếu có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.
- Là một tài sản đầu tư ngắn hạn nếu có thời gian thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh.
- Là một tài sản đầu tư dài hạn nếu có thời gian thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh.

8.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác

Các khoản đầu tư khác tại thời điểm báo cáo được phân loại và ghi nhận trên báo cáo tài chính như sau:

- Là khoản “tương đương tiền” nếu có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.
- Là một tài sản đầu tư ngắn hạn nếu có thời gian thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh.
- Là một tài sản đầu tư dài hạn nếu có thời gian thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh.

8.4. Nguyên tắc lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, và các khoản vay tại thời điểm báo cáo, được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh.
- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm hoặc trên một

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

chu kỳ sản xuất kinh doanh.

Số dư của các tài sản thừa chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Số dư của thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

10. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Đối với những TSCĐ đặc thù, việc sửa chữa có tính chu kỳ thì chi phí sửa chữa lớn những tài sản này được trích trên cơ sở dự toán hoặc theo kế hoạch đã thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý và được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh.

11. Ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn và các chi phí dịch vụ khác phân bổ trong thời gian sử dụng;

12. Nguồn vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Theo quy chế tài chính của công ty.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

13.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

13.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

13.3 Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013

nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

16. Công cụ tài chính:

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua tiền, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Xem trong thuyết minh báo cáo tài chính.

Nợ phải trả tài chính: Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh báo cáo tài chính, thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận. Tất cả khoản nợ tài chính được ghi nhận lần đầu theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan. Nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác và các khoản vay ngắn hạn và dài hạn. Xem trong thuyết minh báo cáo tài chính.

17. Báo cáo bộ phận:

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý: là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2013 Ngoại tệ	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<u>1. Tiền</u>		<u>35.295.375.818</u>	<u>30.415.808.642</u>
<u>1.1. Tiền mặt tại quỹ (TK 111)</u>		<u>1.546.562.161</u>	<u>3.299.304.546</u>
<u>Tiền VND</u>		<u>1.546.562.161</u>	<u>3.299.304.546</u>
- Văn phòng TP.Hồ Chí Minh		1.139.436.436	1.244.720.312
- Xí nghiệp Đồng Nai		24.693.953	133.667.478
- Xí nghiệp Hóc Môn		181.408.002	1.452.904.565
- Xí nghiệp Bình Lợi		81.754.434	212.009.644
- Xí nghiệp Bình Dương		119.269.336	256.002.547
Tiền mặt tồn quỹ khớp với biên bản kiểm kê thực tế			
<u>1.2. Tiền gửi ngân hàng (TK 112)</u>		<u>33.748.813.657</u>	<u>27.116.504.096</u>
<u>Tiền VND</u>		<u>31.283.107.425</u>	<u>24.243.954.885</u>
<u>Văn phòng Tp.HCM</u>		<u>13.637.318.513</u>	<u>832.061.712</u>
Trong đó:			
- Sở giao dịch II NH Công Thương - CN TP.HCM		1.187.533.794	224.116.443
- NH Ngoại thương - CN TP.HCM		10.810.164.334	141.266.803
- HSBC Bank - VND		177.566.763	147.011.294
<u>Xí nghiệp Đồng Nai</u>		<u>15.022.118.614</u>	<u>22.099.676.694</u>
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh ngân hàng Công Thương khu Công nghiệp Biên Hòa		5.007.181.017	8.316.069.287
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Khu Công nghiệp Biên Hòa, Đồng Nai		9.764.138.566	10.782.198.655
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đồng Nai		250.799.031	3.001.408.752
<u>Xí nghiệp Hóc Môn</u>		<u>363.861.050</u>	<u>245.024.479</u>
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Chi nhánh TP.HCM		360.517.796	228.711.320
- Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - Phòng giao dịch Thới An		3.343.254	16.313.159
<u>Xí nghiệp Bình Lợi</u>		<u>440.289.486</u>	<u>519.159.864</u>
- NH Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Thạnh		440.289.486	519.159.864
<u>Xí nghiệp Bình Dương</u>		<u>1.819.519.762</u>	<u>548.032.136</u>
- NH Ngoại thương VN		1.819.519.762	548.032.136
<u>Ngoại tệ</u>		<u>2.465.706.232</u>	<u>2.872.549.211</u>
<u>Văn phòng Tp.HCM</u>	<u>USD 116.370,32</u>	<u>2.448.047.456</u>	<u>2.869.870.478</u>

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2013	31/12/2013	01/01/2013
	Ngoại tệ	VND	VND
	<u>EUR 412.09</u>	<u>17.658.776</u>	<u>2.678.733</u>
<u>Trong đó:</u>			
- NH Ngoại thương - USD - CN TP.HCM	USD 114.685,73	2.412.529.016	493.816.467
- NH Ngoại thương - EUR - CN TP.HCM	EUR 313,75	14.976.668	
Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2013 phù hợp với các xác nhận số dư của Ngân hàng			
<u>2. Đầu tư ngắn hạn (TK 128)</u>		<u>11.350.000.000</u>	<u>1.900.000.000</u>
<u>Văn phòng Tp.HCM</u>		<u>11.350.000.000</u>	<u>1.900.000.000</u>
- Công ty Tài Chính cổ phần Hóa Chất Việt Nam		10.000.000.000	1.900.000.000
- Công ty CP Thương mại Địa ốc Tân Thuận Việt		1.350.000.000	
<u>3. Phải thu khách hàng (TK 131)</u>		<u>315.694.345.120</u>	<u>340.952.672.110</u>
<u>Văn phòng Tp.HCM</u>		<u>304.907.173.633</u>	<u>328.196.443.779</u>
+ Trong nước:		189.125.237.436	217.476.687.299
+ Ngoài nước:		115.781.936.197	110.719.756.479
<u>Xí nghiệp Đồng Nai</u>		<u>10.111.482.514</u>	<u>7.447.931.577</u>
<u>Xí nghiệp Hóc Môn</u>		<u>635.364.997</u>	<u>5.002.891.674</u>
<u>Xí nghiệp Bình Lợi</u>		<u>40.323.976</u>	<u>305.405.080</u>
Xem chi tiết đối tượng trong các báo cáo bộ phận			
<u>4. Trả trước cho người bán (TK 331)</u>		<u>89.368.337.934</u>	<u>85.777.603.416</u>
<u>Văn phòng Tp.HCM</u>		<u>89.014.140.230</u>	<u>85.747.603.416</u>
+ Trong nước:		31.528.341.551	7.097.423.194
+ Ngoài nước:		57.485.798.679	78.650.180.222
<u>Xí nghiệp Đồng Nai</u>		<u>300.397.704</u>	
<u>Xí nghiệp Bình Lợi</u>		<u>3.800.000</u>	
<u>Xí nghiệp Bình Dương</u>		<u>50.000.000</u>	<u>30.000.000</u>
Xem chi tiết đối tượng trong các báo cáo bộ phận			

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2013 Ngoại tệ	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
5. Phải thu khác		6.336.936.161	6.089.845.850
5.1. Phải thu khác (TK 1388)		5.501.178.472	5.716.944.667
Văn phòng Tp.HCM		5.197.247.005	5.473.316.837
Phải thu khác (TK13881)		5.197.247.005	4.412.095.896
Thuế GTGT hàng nhập khẩu chờ khấu trừ (TK 13885)			1.061.220.941
Thuế GTGT hàng nhập khẩu đã nộp, chờ hàng về có đủ chứng từ đơn vị sẽ kết chuyển vào 133			
Xí nghiệp Đồng Nai		90.092.685	14.587.340
Phải thu chi phí thí nghiệm XN (TK 13882)		90.092.685	14.587.340
Xí nghiệp Hóc Môn		49.555.025	37.650.189
Phải thu chi phí thí nghiệm XN (TK 13882)		49.555.025	37.650.189
Xí nghiệp Bình Lợi		94.965.526	169.299.476
Phải thu khác (TK 13881)			124.858.910
Phải thu chi phí thí nghiệm XN (TK 13882)		94.965.526	44.440.566
Xí nghiệp Bình Dương		69.318.231	22.090.825
Phải thu khác (TK 13881)		54.792.220	103.950
Phải thu chi phí thí nghiệm XN (TK 13882)		14.526.011	21.986.875
Xem chi tiết đối tượng trong các báo cáo bộ phận			
5.2. Phải thu khác (TK338)		835.757.689	372.901.183
Văn phòng Tp.HCM		621.728.070	205.068.773
- Bảo hiểm xã hội (TK 3383)		515.550.093	205.068.773
- Phải trả, phải nộp khác (TK 33889)		106.177.977	
Xí nghiệp Đồng Nai		95.326.995	82.380.725
- Bảo hiểm xã hội (Tk 3383)		79.771.949	71.965.392
- Bảo hiểm y tế (Tk 3384)		15.555.046	10.415.333
Xí nghiệp Bình Dương		118.702.624	85.451.685
- Bảo hiểm xã hội (Tk 3383)		84.872.245	61.881.230
- Bảo hiểm y tế (Tk 3384)		24.720.992	16.012.413
- Bảo hiểm thất nghiệp (Tk 3389)		9.109.387	7.558.042
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (TK 139)		(11.950.864.442)	(12.038.620.804)
Các khoản phải thu khó đòi của Văn phòng Tp.HCM		(11.950.864.442)	(12.038.620.804)

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2013	31/12/2013	01/01/2013
	Ngoại tệ	VND	VND
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi trong nước		(11.518.210.372)	(10.708.410.450)
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi nước ngoài		(432.654.070)	(1.330.210.354)
Xem chi tiết đối tượng trong các báo cáo bộ phận			
<u>7. Hàng tồn kho</u>		<u>894.932.219.260</u>	<u>836.646.602.511</u>
<u>Nguyên liệu, vật liệu (TK 152)</u>		<u>626.373.989.676</u>	<u>525.506.182.121</u>
<u>Văn phòng Tp.HCM</u>		<u>131.409.429.553</u>	<u>170.567.289.712</u>
- Nguyên vật liệu chính (TK 1521)		120.539.897.973	159.517.567.055
- Vật liệu phụ (TK 1522)		1.602.640.506	1.834.945.327
- Nhiên liệu các loại (TK 1523)		6.997.759	6.940.264
- Phụ tùng thay thế (TK 1524)		9.259.891.020	9.207.834.771
- Vật liệu khác (TK 1525)		2.295	2.295
<u>Xí nghiệp Đồng Nai</u>		<u>23.478.409.297</u>	<u>21.402.540.050</u>
- Nguyên vật liệu chính (Tk 1521)		22.077.955.006	19.855.234.562
- Vật liệu phụ (Tk 1522)		258.775.821	196.144.518
- Nhiên liệu các loại (Tk 1523)		22.860.652	179.244.641
- Phụ tùng thay thế (Tk 1524)		1.118.817.796	1.171.916.329
- Vật liệu khác (TK 1525)		22	
<u>Xí nghiệp Hóc Môn</u>		<u>10.354.260.364</u>	<u>10.286.453.519</u>
- Nguyên vật liệu chính (TK 1521)		8.908.263.950	9.204.784.231
- Vật liệu phụ (TK 1522)		523.807.011	442.974.013
- Nhiên liệu các loại (TK 1523)		124.519.583	185.410.316
- Phụ tùng thay thế (TK 1524)		797.669.820	453.284.959
<u>Xí nghiệp Bình Lợi</u>		<u>15.072.839.772</u>	<u>17.362.944.063</u>
- Nguyên liệu, vật liệu chính (TK 1521)		12.816.537.568	15.355.551.478
- Nguyên liệu, vật liệu phụ (TK 1522)		326.194.853	406.515.825
- Nhiên liệu các loại (TK 1523)		369.818.719	179.681.263
- Phụ tùng thay thế (TK 1524)		1.560.288.632	1.421.195.497
<u>Xí nghiệp Ô tô Radian</u>		<u>21.332.023.276</u>	
- Nguyên liệu, vật liệu chính (TK 1521)		18.241.000.996	
- Nguyên liệu, vật liệu phụ (TK 1522)		3.079.322.283	

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2013 Ngoại tệ	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
- Nhiên liệu các loại (TK 1523)		11.699.997	
<u>Xí nghiệp Bình Dương</u>		<u>424.727.027.414</u>	<u>305.886.954.777</u>
- Nguyên vật liệu chính (Tk 1521)		421.899.768.466	303.648.436.629
- Vật liệu phụ (Tk 1522)		1.730.823.430	1.141.123.848
- Nhiên liệu các loại (Tk 1523)		411.639.710	224.714.685
- Phụ tùng thay thế (Tk 1524)		684.795.426	872.344.700
- Vật liệu khác (Tk 1525)		382	334.915
Công cụ, dụng cụ (TK 153)		5.379.252.193	5.162.127.253
<u>Văn phòng Tp.HCM</u>		<u>323.469.160</u>	<u>454.632.708</u>
- Công cụ dụng cụ (TK 1531)		200.603.771	265.363.223
- Bao bì luân chuyển, băng keo các loại (TK 1532)		122.865.389	189.269.485
<u>Xí nghiệp Đồng Nai</u>		<u>1.571.719.648</u>	<u>1.535.759.550</u>
- Công cụ, dụng cụ (Tk 1531)		276.178.476	438.907.711
- Bao bì luân chuyển (Tk 1532)		1.295.541.172	1.096.851.839
<u>Xí nghiệp Hóc Môn</u>		<u>2.539.955.357</u>	<u>2.442.573.192</u>
- Công cụ, dụng cụ (Tk 1531)		223.791.997	327.533.202
- Bao bì luân chuyển (Tk 1532)		2.316.163.360	2.115.039.990
<u>Xí nghiệp Bình Lợi</u>		<u>895.136.476</u>	<u>659.882.469</u>
- Công cụ, dụng cụ (Tk 1531)		542.980.319	225.387.497
- Bao bì luân chuyển (Tk 1532)		352.156.157	434.494.972
<u>Xí nghiệp Bình Dương</u>		<u>48.971.552</u>	<u>69.279.334</u>
- Công cụ, dụng cụ (Tk 1531)		39.596.552	42.104.134
- Bao bì luân chuyển (Tk 1532)		9.375.000	27.175.200
Thành phẩm (TK 155)		262.308.638.749	302.717.959.892
Văn phòng Tp.HCM		46.197.127.655	49.811.297.954
Xí nghiệp Đồng Nai		78.940.459.454	85.373.255.744
Xí nghiệp Hóc Môn		70.871.873.448	99.586.803.883
Xí nghiệp Bình Lợi		64.799.184.706	67.182.113.171
Xí nghiệp Bình Dương		1.499.993.486	764.489.140

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2013 Ngoại tệ	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Hàng hóa (TK 156)		<u>870.338.642</u>	<u>3.260.333.245</u>
Văn phòng Tp.HCM		734.858.245	3.190.002.448
Xí nghiệp Hóc Môn		90.288.510	57.810.823
Xí nghiệp Đồng Nai		45.191.887	12.519.974
8. Chi phí trả trước ngắn hạn (Tk 142)		<u>6.629.066.785</u>	<u>2.531.793.509</u>
<u>Chi phí chờ kết chuyển (Tk 1422)</u>		<u>6.629.066.785</u>	<u>2.531.793.509</u>
<u>Xí nghiệp Đồng Nai</u>		<u>2.225.436.420</u>	<u>1.452.066.238</u>
- Khuôn lốp xe		2.225.436.420	1.452.066.238
<u>Xí nghiệp Hóc Môn</u>		<u>1.946.960.500</u>	<u>0</u>
- Chi phí phân bổ khuôn (TK 1422)		1.946.960.500	
<u>Xí nghiệp Bình Lợi</u>		<u>2.456.669.865</u>	<u>1.079.727.271</u>
- Phân bổ chi phí khuôn mới		1.734.791.662	923.374.991
- Công cụ dụng cụ phục vụ sản xuất		551.506.668	
- Trống thành hình V16, đệm trống (PCK0710/0208)			67.042.834
- Chi phí bảo hiểm		124.226.537	
- Chi phí kiểm định thiết bị		46.144.998	22.936.439
- Hợp đồng bảo hiểm cháy nổ HCM2.DOL.CFL			66.373.007
9. Thuế GTGT được khấu trừ (TK133)		<u>117.598.833.832</u>	<u>19.713.943.856</u>
- Thuế GTGT được khấu trừ (TK 133)		117.598.833.832	19.713.943.856
Ghi chú: Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.			
10. Thuế và các khoản phải thu nhà nước		<u>941.866</u>	
<u>Văn phòng Tp.HCM</u>		<u>941.866</u>	
- Thuế xuất nhập khẩu (TK 3333)		941.866	
11. Tài sản ngắn hạn khác		<u>786.649.812</u>	<u>2.049.512.792</u>
<u>11.1 Tam ứng (Tk 141)</u>		<u>315.520.342</u>	<u>694.441.892</u>
<u>Văn phòng Tp.HCM</u>		<u>166.256.892</u>	<u>414.378.892</u>
Trong đó:			

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2013 Ngoại tệ	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Hoàng Lê Bình		166.256.892	166.256.892
<u>Xí nghiệp Đồng Nai</u>		<u>0</u>	<u>13.900.000</u>
<u>Xí nghiệp Bình Lợi</u>		<u>9.000.000</u>	<u>154.000.000</u>
- Trương Thúy Hồng		9.000.000	9.000.000
- Trần Thị Hoa			70.000.000
- Nguyễn Thị Thảo			75.000.000
<u>Xí nghiệp Bình Dương</u>		<u>140.263.450</u>	<u>112.163.000</u>
- Châu Minh Khoa		10.000.000	9.500.000
- Huỳnh Trọng Tích			15.000.000
- Nguyễn Thiện Vũ		5.000.000	75.663.000
- Đinh Văn Thạch		2.000.000	5.000.000
- Nguyễn Vũ Trọng Đức		6.000.000	7.000.000
- Nguyễn Mạnh Triết		10.000.000	
- Hoàng Đăng Phái		27.140.000	
- Nguyễn Phạm Thanh Long		2.000.000	
- Phan Thị Hải Yến		78.123.450	
<u>11.2 Thế chấp, ký quỹ, ký cược (Tk 144)</u>		<u>471.129.470</u>	<u>1.355.070.900</u>
<u>Văn phòng Tp.HCM</u>		<u>459.910.379</u>	<u>1.348.070.900</u>
- Thế chấp ký quỹ, ký cược ngắn hạn VND (TK 1441)		459.910.379	1.348.070.900
+ Ký quỹ tại công ty chứng khoán SSI		8.090.974	34.851.495
+ Tiền ký quỹ đấu thầu găng tay của XN - Ngân hàng Công thương		430.200.000	1.291.600.000
+ Bệnh viện Nguyễn Trãi		6.695.750	6.695.750
+ Sở GD II NHCT Việt Nam		3.923.655	3.923.655
+ Bệnh viện 115		6.000.000	6.000.000
+ Tiền cọc thuê máy foto - CTy Minh Đại Lợi		5.000.000	5.000.000
<u>Xí nghiệp Bình Lợi</u>		<u>11.219.091</u>	<u>7.000.000</u>
- Ký quỹ mở LC (Đặt cọc tiền thuê máy văn phòng với công ty Kỹ Nguyên)		7.000.000	7.000.000
- Đặt cọc tiền nước uống Công ty Toa xe lửa Sài Gòn		4.219.091	

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

Tài sản cố định

12. Tài sản cố định hữu hình (TK 211)

Nhóm TSCĐ	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH					
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng	
I. Nguyên giá TSCĐ						
1. Số dư đầu kỳ	149.989.192.930	534.820.001.758	18.423.570.235		3.238.375.404	706.471.140.327
2. Số tăng trong kỳ	11.392.768.232	13.753.756.155	195.000.000		1.228.600.000	26.570.124.387
Trong đó: - Mua sắm mới	11.392.768.232	13.753.756.155	195.000.000		1.228.600.000	26.570.124.387
3. Số giảm trong kỳ (Thanh lý)		3.603.512.809	58.071.429		1.211.772.720	4.873.356.958
Trong đó: - Thanh lý, nhượng bán						
- Chuyển sang công cụ, dụng cụ theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013		3.603.512.809	58.071.429		1.211.772.720	4.873.356.958
4. Số dư cuối kỳ	161.381.961.162	544.970.245.104	18.560.498.806		3.255.202.684	728.167.907.756
II. Giá trị hao mòn						
1. Số dư đầu kỳ	96.454.779.784	412.454.988.185	12.725.413.085		3.006.380.737	524.641.561.791
2. Số tăng trong kỳ	9.704.948.504	49.456.497.051	1.563.801.525		255.060.876	60.980.307.956
Trong đó: - Tăng mới	9.704.948.504	49.456.497.051	1.563.801.525		255.060.876	60.980.307.956
3. Số giảm trong kỳ		3.408.563.887	58.071.429		836.381.614	4.303.016.930
- Chuyển sang công cụ, dụng cụ theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013		3.408.563.887	58.071.429		836.381.614	4.303.016.930
4. Số dư cuối kỳ	106.159.728.288	458.502.921.349	14.231.143.181		2.425.059.999	581.318.852.817
III. Giá trị còn lại						
1. Số dư đầu kỳ	53.534.413.146	122.365.013.573	5.698.157.150		231.994.667	181.829.578.536
2. Số dư cuối kỳ	55.222.232.874	86.467.323.755	4.329.355.625		830.142.685	146.849.054.939

- Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2013 của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản cho vay: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ đến ngày 31/12/2013 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 309.050.728.332 VND

- Nguyên giá TSCĐ đến ngày 31/12/2013 chờ thanh lý: 0 VND

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

Tài sản cố định đang sử dụng tại các xí nghiệp

Nguyên giá tại ngày 31/12/2013

Nhóm TSCĐ	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH				
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
1. Văn phòng công ty	8.163.763.899	20.737.181.773	8.918.241.349	1.993.438.512	39.812.625.533
2. Xí nghiệp Cao su Đồng Nai (Đồng Nai 1)	13.961.120.182	39.098.571.809	1.574.836.756	644.140.279	55.278.669.026
3. Xí nghiệp Cao su Đồng Nai (Đồng Nai 2)	27.301.273.021	110.262.215.172	494.969.000	35.068.000	138.093.525.193
4. Xí nghiệp Cao su Hóc Môn	32.999.432.779	97.286.035.647	1.725.643.200	317.195.110	132.328.306.736
5. Xí nghiệp Cao su Điện Biên	15.800.000	118.711.095			134.511.095
6. Xí nghiệp Cao su Tân Bình	4.600.057.716	588.859.032	50.000.000	67.580.909	5.306.497.657
7. Xí nghiệp Cao su Việt Hưng	1.207.858.813	11.496.810.310	455.052.720		13.159.721.843
8. Xí nghiệp Cao su Bình Lợi	19.011.073.564	72.812.558.260	1.974.599.290	197.779.874	93.996.010.988
9. Xí nghiệp Cao su Bình Dương	54.121.581.188	192.569.302.006	3.367.156.491		250.058.039.685
Cộng toàn công ty	161.381.961.162	544.970.245.104	18.560.498.806	3.255.202.684	728.167.907.756



V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

13. Tài sản cố định thuê tài chính

Nhóm TSCĐ	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH		
	Máy móc thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ			
1. Số dư đầu kỳ	20.781.346.310		20.781.346.310
2. Số tăng trong kỳ			
Trong đó: - Mua sắm mới			
3. Số giảm trong kỳ			
4. Số dư cuối kỳ	20.781.346.310		20.781.346.310
II. Giá trị hao mòn			
1. Số dư đầu kỳ	4.207.538.935		4.207.538.935
2. Số tăng trong kỳ	3.072.414.456		3.072.414.456
3. Số giảm trong kỳ			
4. Số dư cuối kỳ	7.279.953.391		7.279.953.391
III. Giá trị còn lại			
1. Số dư đầu kỳ	16.573.807.375		16.573.807.375
2. Số dư cuối kỳ	13.501.392.919		13.501.392.919

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)



V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

14. Tài sản cố định vô hình

Nhóm TSCĐ	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH				Tổng cộng
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tài sản cố định vô hình khác		
I. Nguyên giá TSCĐ					
1. Số dư đầu kỳ	159.589.978.555	1.348.864.155	6.635.742.094		167.574.584.804
2. Số tăng trong kỳ		201.000.000			201.000.000
3. Số giảm trong kỳ					
4. Số dư cuối kỳ	159.589.978.555	1.549.864.155	6.635.742.094		167.775.584.804
II. Giá trị hao mòn					
1. Số dư đầu kỳ	1.317.562.718	1.147.898.809	6.165.601.502		8.631.063.029
2. Số tăng trong kỳ	377.124.120	145.203.389	385.033.802		907.361.311
3. Số giảm trong kỳ					
4. Số dư cuối kỳ	1.694.686.838	1.293.102.198	6.550.635.304		9.538.424.340
III. Giá trị còn lại					
1. Số dư đầu kỳ	158.272.415.837	200.965.346	470.140.592		158.943.521.775
2. Số dư cuối kỳ	157.895.291.717	256.761.957	85.106.790		158.237.160.464

Giá trị còn lại TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay, nợ : 154.114.938.020 VND

Trong đó:

Quyền sử dụng đất Bình Dương: 7.777.828.632 VND

Quyền sử dụng đất số 9 Nguyễn Khoái, quận 4, Tp.Hồ Chí Minh: 146.337.109.388 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2013	31/12/2013	01/01/2013
	Ngoại tệ	VND	VND
15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (TK 241)		1.121.784.981.422	124.814.711.045
<u>Văn phòng Tp.HCM</u>		<u>1.120.983.561.382</u>	<u>123.991.209.043</u>
<u>Mua sắm TSCĐ (TK 2411)</u>		<u>603.017.695.991</u>	
Dự án lớp Radial toàn thép		598.601.440.161	
- Máy cắt bố thép sản xuất lớp toàn thép SCM-K1400		52.812.230.992	
- Máy luyện cao su F305(RADIAL BD)		78.098.689.104	
- Máy ép suất tấm (RADIAL BD)		5.887.746.637	
- Máy đẩy lớp bố vỏ xe cấp độ không		26.949.028.129	
- Máy cán tráng màng thép		40.662.178.968	
- Máy làm nguội BTP của máy luyện CS 370L		7.825.786.820	
- Máy đúc ép kép mặt bên lớp xe		260.984.438	
- Máy đúc ép kép ta lông lớp xe		59.052.240.000	
- Máy cân đong HC tự động cho máy luyện CS		16.505.363.179	
- Máy chia cuộn vải nhiều dao		65.601.299	
- Dây chuyền làm tanh		15.586.363.470	
- Máy đẩy lớp bố vỏ xe cấp độ không		211.937.120	
- Máy thành hình lớp Radial 3 trống số 3		2.642.724.083	
- Máy thành hình Radial 3 trống (Radial)		38.034.291.661	
- Máy luyện cao su XKY-660B1 số 1		53.562.730	
- Máy luyện cao su XKY-660B1 số 2		9.436.749.600	
- Máy kiểm tra lớp xe RADIAL		13.842.562.569	
- Máy thành hình lớp xe RADIAL		2.660.656.218	
- Máy thành hình lớp xe Radial 3 trống số 4 (TK1332)		38.423.828.764	
- Máy luyện cao su XKR-66B (số 2) RADIAL TK1828		3.363.797.037	
- Máy luyện cao su XKR-660B (RADIAL) TK1709		3.048.573.238	
- Máy đo độ cân bằng lớp xe FDBR (RADIAL) TK1622		13.491.102.719	
- Máy luyện XKR-660A(SỐ 1) RADIAL		38.102.207	
- Máy luyện XKR-660A(SỐ 2) RADIAL		5.668.880.000	
- Máy luyện cao su F305 (RADIAL BD)		94.793.000	
- Máy lưu hóa double khuôn lớp cao su (số 5) RADIAL		4.508.496.790	
- Máy lưu hóa double khuôn lớp cao su (số 4) RADIAL		9.017.155.142	
- Bộ phận làm nguội BTP cho máy luyện (8 cái) RADIAL		277.832.081	
- Thiết bị làm nguội BTP cho hệ thống máy luyện (8 cái) RADIAL		13.585.284.310	

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2013 Ngoại tệ	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
- Bộ phận tự động đóng mở khuôn máy LH (11 bộ) RADIAL		11.794.325.481	
- Trạm động lực lưu hóa lớp cao su (RADIAL)		17.667.970.589	
- Máy luyện XKR-660A (SỐ 4) RADIAL		40.228.915	
- Máy luyện XKR-660A (SỐ 3) RADIAL		5.652.836.000	
- Máy lưu hóa double khuôn lớp cao su (số 1) RADIAL		9.014.225.682	
- Máy lưu hóa double khuôn lớp cao su (số 6) RADIAL		9.006.064.285	
- Phụ tùng thay thế 10mm (50 C) RADIAL TK 2106		66.931.825	
- Thiết bị kiểm tra độ cứng bằng lớp máy gia công cao su (RADIAL) TK 2186		1.342.138.914	
- Máy lưu hóa double khuôn lớp cao su (số 8) RADIAL		4.499.305.836	
- Máy luyện cao su XKR-660B (RADIAL) (SỐ 1) TK 2127		3.037.398.370	
- Máy luyện cao su XKR-660B (SỐ 2) RADIAL TK 2082		3.037.398.370	
- Phụ tùng máy LH cao su băng tải chuyển lớp sau LH (2 bộ) RADIAL TK 2104		2.906.584.011	
- Phụ tùng thay thế 10mm (50c) RADIAL TK 2106		1.703.916	
- Máy lưu hóa double khuôn lớp cao su (số 9) RADIAL		4.501.365.643	
- Máy lưu hóa double khuôn lớp cao su (số 9) RADIAL		4.503.108.870	
- Máy lưu hóa double khuôn lớp cao su (số 11) RADIAL		9.004.095.141	
- Máy làm lạnh nước ly tâm 3 giai đoạn 1& 2 (RADIAL)		16.585.093.839	
- Bảng điều khiển trung tâm (RADIAL) TK 2733		9.412.315.734	
- Khuôn đúc máy lưu hóa RADIAL (11.00R20 CA604A) (2C)		6.058.792.455	
- Máy lưu hóa double khuôn lớp cao su (số 15) RADIAL		4.506.997.156	
- Máy lưu hóa double khuôn lớp cao su (số 16) RADIAL		4.504.182.974	
- Khuôn đúc cao su CA663D RADIAL (2 bộ) TK 2805		9.351.833.850	
Máy móc sản xuất của các xí nghiệp		4.416.255.830	
- Máy cân tự động lưu huỳnh (XNBD)		1.450.289.809	
- Máy sản xuất săm WG910-350(HM) TK1750		1.628.621.289	
- Máy mài dụng cụ công nghiệp (BD) TK 2491		177.504.959	
- Máy ép xăm cao su (HM) TK 2806		1.159.839.773	
Xây dựng cơ bản (TK 2412)		517.965.865.391	123.991.209.043
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của phòng cơ năng		9.808.559.343	670.847.082
Công trình nhà văn phòng 180 NTMK Q3		17.066.698.796	14.417.898.452
Dự án lớp Radial toàn thép		491.090.607.252	108.902.463.509

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2013 Ngoại tệ	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<u>Xí nghiệp Đồng Nai</u>		<u>22.096.040</u>	<u>83.484.000</u>
<u>Chi phí xây dựng cơ bản (TK 2412)</u>		<u>22.096.040</u>	<u>83.484.000</u>
<u>Xí nghiệp Hóc Môn</u>		<u>779.324.000</u>	<u>227.828.242</u>
<u>Chi phí xây dựng cơ bản (TK 2412)</u>		<u>779.324.000</u>	<u>227.828.242</u>
- Sửa chữa lớn 2 máy cooter sang yoko			227.828.242
- Máy mài từ nisco 200x600		54.500.000	
- Máy phòng cháy chữa cháy PA/KTCN/ĐT		101.500.000	
- Hệ thống PCCC		623.324.000	
<u>Xí nghiệp Bình Dương</u>			<u>512.189.760</u>
<u>16. Đầu tư vào công ty liên kết liên doanh</u>		<u>13.157.415.319</u>	<u>20.898.225.319</u>
<u>Văn phòng Tp.HCM</u>			
- Góp vốn liên doanh (TK 222) - Cty Lớp YOKOHAMA Việt Nam			7.740.810.000
Trong năm, công ty LD lớp Yokohama giải thể, căn cứ theo quyết định số:			
- Công ty CP Phillips Carbon Black VN		13.157.415.319	13.157.415.319
<u>17. Chi phí trả trước dài hạn (TK 242)</u>		<u>755.145.892</u>	<u>2.450.060.064</u>
<u>Văn phòng Tp.HCM</u>			<u>416.877.615</u>
- Chi phí khuôn			416.877.615
<u>Xí nghiệp Hóc Môn</u>			<u>946.850.000</u>
- Chi phí phân bổ khuôn (TK 242)			946.850.000
<u>Xí nghiệp Bình Dương</u>		<u>755.145.892</u>	<u>1.086.332.449</u>
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ		472.325.063	942.615.743
- Phí bảo hiểm tài sản cố định		282.820.829	143.716.706
<u>18. Tài sản dài hạn khác</u>		<u>470.152.846</u>	<u>616.552.846</u>
<u>Ký quỹ, ký cược dài hạn (TK244)</u>		<u>470.152.846</u>	<u>616.552.846</u>
<u>Văn phòng Tp.HCM</u>		<u>470.152.846</u>	<u>616.552.846</u>
+ Tiền ký quỹ Kios - Cty CP An Bình			32.400.000
+ Ký quỹ điện kế - Cty điện lực Sài Gòn		10.152.846	10.152.846
+ HD 232/2008/HD-CTTC (Hà Nội)			114.000.000
+ HD 20/2012/TSC-CTTC (ký quỹ thuê tài chính)		460.000.000	460.000.000

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2013 Ngoại tệ	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<u>19. Vay và nợ ngắn hạn</u>		<u>444.288.263.161</u>	<u>381.135.086.297</u>
<u>Văn phòng Tp.HCM</u>		<u>444.288.263.161</u>	<u>381.135.086.297</u>
<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>USD 2.145.894</u>	<u>440.890.571.161</u>	<u>376.111.254.340</u>
<u>Vay hạn mức bằng VND (TK 3111)</u>		<u>395.749.539.928</u>	<u>196.012.166.721</u>
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN CN TPHCM		319.741.905.418	154.407.666.721
+ Ngân hàng HSBC		15.280.638.627	41.604.500.000
+ Ngân hàng Đầu tư phát triển BIDV		20.593.965.000	
+ Ngân hàng IINDO CN Bến Thành		2.985.944.500	
+ Ngân hàng ShinHan		37.147.086.383	
<u>Vay hạn mức tín dụng bằng ngoại tệ (TK 3112)</u>	<u>USD 2.145.894</u>	<u>45.141.031.233</u>	<u>180.099.087.619</u>
+ Ngân hàng Ngoại thương VN CN TPHCM	USD 1.310.754,30	27.573.027.455	73.515.341.295
+ Ngân hàng Indovina			75.348.065.539
+ Ngân hàng HSBC			14.232.124.393
+ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	USD 211.680,00	4.452.900.480	17.003.556.392
+ Ngân hàng IINDO CN Bến Thành	USD 430.139,94	9.048.423.778	
+ Ngân hàng ShinHan	USD 193.320,00	4.066.679.520	
<u>Nợ dài hạn đến hạn trả (TK 315)</u>		<u>3.397.692.000</u>	<u>5.023.831.957</u>
+ Ngân hàng Indovina			1.418.404.800
+ HD 232/2008/HD-CTTC			207.735.157
+ HD 20/2012/TSC-CTTC (ký quỹ thuế tài chính)		3.397.692.000	3.397.692.000
<u>20. Phải trả cho người bán (TK 331)</u>		<u>196.020.173.003</u>	<u>93.502.512.008</u>
<u>Văn phòng Tp.HCM</u>		<u>188.047.289.254</u>	<u>87.640.214.464</u>
+ Trong nước:		111.305.907.091	79.440.689.080
+ Ngoài nước:		76.741.382.163	8.199.525.384
<u>Xí nghiệp Đồng Nai</u>		<u>2.879.261.255</u>	<u>4.360.832.512</u>
<u>Xí nghiệp Hóc Môn</u>		<u>3.520.454.525</u>	<u>313.406.000</u>

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2013	31/12/2013	01/01/2013
	Ngoại tệ	VND	VND
<u>Xí nghiệp Bình Lợi</u>		<u>1.288.764.269</u>	<u>635.962.999</u>
<u>Xí nghiệp Bình Dương</u>		<u>284.403.700</u>	<u>552.096.033</u>
Xem chi tiết đối tượng trong các báo cáo bộ phận			
<u>21. Người mua trả tiền trước (TK 131)</u>		<u>2.543.620.553</u>	<u>2.264.887.069</u>
<u>Văn phòng Tp.HCM</u>		<u>2.267.635.829</u>	<u>2.051.604.021</u>
+ Trong nước:		315.510.361	622.699.855
+ Ngoài nước:		1.952.125.468	1.428.904.166
<u>Xí nghiệp Đồng Nai</u>		<u>123.044.725</u>	<u>48.394.874</u>
<u>Xí nghiệp Hóc Môn</u>		<u>52.666.999</u>	<u>164.615.174</u>
<u>Xí nghiệp Bình Lợi</u>		<u>100.273.000</u>	<u>273.000</u>
Xem chi tiết đối tượng trong các báo cáo bộ phận			
<u>22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</u>		<u>39.807.850.676</u>	<u>24.314.179.208</u>
<u>Văn phòng Tp.HCM (Tk 333)</u>		<u>38.733.718.769</u>	<u>23.941.473.210</u>
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu (TK 33312)			1.061.220.941
- Thuế xuất nhập khẩu (TK 3333)			29.013.404
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (TK 3334)		37.892.110.039	22.534.054.048
- Thuế thu nhập cá nhân (TK 3335)		841.608.730	317.184.817
- Các loại thuế khác			
<u>Xí nghiệp Đồng Nai</u>		<u>595.559.474</u>	<u>119.954.439</u>
- Thuế thu nhập cá nhân (TK 3335)		595.559.474	119.954.439
<u>Xí nghiệp Hóc Môn</u>		<u>283.452.926</u>	<u>170.928.847</u>
- Thuế thu nhập cá nhân (TK 3335)		283.452.926	170.928.847
<u>Xí nghiệp Bình Lợi</u>		<u>109.273.550</u>	<u>44.391.958</u>
- Thuế thu nhập cá nhân (TK 3335)		109.273.550	44.391.958
<u>Xí nghiệp Bình Dương</u>		<u>85.845.957</u>	<u>37.430.754</u>
- Thuế thu nhập cá nhân (TK 3335)		85.845.957	37.430.754

Ghi chú: Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2013 Ngoại tệ	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<u>23. Phải trả người lao động (TK 334)</u>		<u>91.842.012.751</u>	<u>80.052.831.271</u>
Văn phòng Tp.HCM		75.038.863.855	62.208.405.985
Xí nghiệp Đồng Nai		7.407.478.547	8.137.551.358
Xí nghiệp Hóc Môn		4.580.371.314	5.247.822.589
Xí nghiệp Bình Lợi		2.212.807.757	2.211.323.098
Xí nghiệp Bình Dương		2.602.491.278	2.247.728.241
<u>24. Chi phí phải trả (TK 335)</u>		<u>40.118.565.339</u>	<u>57.620.834.940</u>
Chi phí tiêu thụ của Văn phòng Tp.HCM		37.771.621.521	51.224.179.627
Chi phí tiêu thụ của Xí nghiệp Đồng Nai		740.712.950	3.104.247.315
Chi phí tiêu thụ và chi phí điện Xí nghiệp Hóc Môn		56.240.330	2.600.572.674
Chi phí điện, nước sản xuất của Xí nghiệp Bình Lợi		612.035.681	271.625.800
Chi phí sản xuất của Xí nghiệp Bình Dương		937.954.857	420.209.524
Ghi chú: Các khoản chi phí trích trước vào TK335 đã được đơn vị thanh toán vào tháng 01, 02 năm 2014.			
Xem chi tiết nội dung trong các báo cáo bộ phận			
<u>25. Các khoản phải trả, phải nộp khác (TK 338)</u>		<u>9.373.048.159</u>	<u>25.758.650.200</u>
<u>25.1 Phải trả khác (TK 138)</u>		<u>135.000.000</u>	
Xí nghiệp Đồng Nai		135.000.000	
Phải thu khác (TK13881)		135.000.000	
<u>25.2 Phải trả khác (TK 338)</u>		<u>9.238.048.159</u>	<u>25.758.650.200</u>
Văn phòng Tp.HCM		7.644.295.663	24.157.020.607
Giữ hộ tiền quỹ công đoàn (TK 3381)		81.769.400	90.936.400
Kinh phí công đoàn (TK 33821)		2.937.606.001	3.957.733.640
Trả về cổ phần hóa - Phải trả Tổng Công ty (TK 3385)		174.835.866	174.835.866
Phải trả, phải nộp khác (TK 3388)		4.450.084.396	19.933.514.701
+ Phải trả khác (TK 33881)		4.450.084.396	19.933.514.701
Trong đó:			
Chi phí dự án		910.785.940	1.972.217.993
Chi phí khác		3.539.298.456	2.463.701.345

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2013 Ngoại tệ	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Nhà cung cấp SEILIM CORPORATION (mở L/C VNM203541)			9.300.564.000
Tiền góp vốn liên doanh Yokohama			6.197.031.363
Xem chi tiết đối tượng trong các báo cáo bộ phận			
<u>Xí nghiệp Đồng Nai</u>		<u>808.452.182</u>	<u>793.886.814</u>
- Kinh phí công đoàn (Tk 33821)		729.307.620	312.632.498
- Nhập quỹ công đoàn (Tk 33822)		66.534.358	469.971.181
- Bảo hiểm thất nghiệp		12.610.204	11.283.135
<u>Xí nghiệp Hóc Môn</u>		<u>501.218.686</u>	<u>539.844.128</u>
- Giữ hộ tiền quỹ công đoàn (Tk 3381)		450.000.000	450.000.000
- Kinh phí công đoàn (TK 33821)		51.218.686	84.184.449
- Phải trả khác (TK 3388)		0	5.659.679
<u>Xí nghiệp Bình Lợi</u>		<u>63.439.155</u>	<u>78.802.150</u>
- Giữ hộ tiền quỹ công đoàn (TK 3381)		27.500.000	52.500.000
- Kinh phí công đoàn (TK 33821)		14.301.155	26.302.150
- Phải trả, phải nộp khác (TK 3388)		21.638.000	
<u>Xí nghiệp Bình Dương</u>		<u>220.642.473</u>	<u>189.096.501</u>
- Giữ hộ tiền quỹ công đoàn (TK 3381)		169.266.473	176.700.901
- Khoản phải trả khác (Tk 33881)		51.376.000	12.395.600
<u>26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi</u>		<u>20.434.197.024</u>	<u>10.521.345.288</u>
<u>Quỹ khen thưởng (TK 3531)</u>		<u>11.511.892.997</u>	<u>4.536.423.398</u>
- Văn phòng TP.Hồ Chí Minh		9.731.456.989	2.939.985.401
- Xí nghiệp Đồng Nai		698.810.672	750.455.011
- Xí nghiệp Hóc Môn		504.064.010	527.496.660
- Xí nghiệp Bình Lợi		173.009.226	107.124.226
- Xí nghiệp Bình Dương		404.552.100	211.362.100
<u>Quỹ phúc lợi (TK 35321)</u>		<u>8.922.304.027</u>	<u>5.984.921.890</u>
- Văn phòng TP.Hồ Chí Minh		7.231.282.843	4.534.420.145
- Xí nghiệp Đồng Nai		789.986.995	616.113.495
- Xí nghiệp Hóc Môn		535.341.846	529.778.807
- Xí nghiệp Bình Lợi		126.467.128	158.140.228

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2013 Ngoại tệ	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
- Xí nghiệp Bình Dương		239.225.215	146.469.215
27. Phải trả dài hạn khác		3.895.725.000	3.668.475.000
<u>Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (Tk 344)</u>		<u>3.895.725.000</u>	<u>3.668.475.000</u>
<u>Văn phòng Tp.HCM</u>		<u>3.895.725.000</u>	<u>3.668.475.000</u>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn của khách hàng trong nước (TK 344)		3.895.725.000	3.668.475.000
Xem chi tiết đối tượng trong các báo cáo bộ phận			
28. Vay và nợ dài hạn		813.620.804.711	201.342.045.637
<u>Văn phòng Tp.HCM</u>			
<u>Vay dài hạn (TK 341)</u>		<u>809.090.557.049</u>	<u>193.414.105.975</u>
Vay dài hạn dự án Radian (TK 34111)-VND- NH TMCP		222.639.043.664	
Ngoại thương			
Vay dài hạn dự án Radian (TK 34112)-USD- NH TMCP	USD 21.461.405,70	451.462.130.305	54.752.570.586
Ngoại thương			
Vay trung dài hạn NH ngoại thương (TK 3412)		57.175.000.000	80.045.000.000
Vay ngân sách nhà nước (TK 3415)		857.627.240	857.627.240
Vay vốn CBCNV (TK 3416)		76.956.755.840	55.394.898.718
Vay dài hạn NH Indovina (TK 3417)			2.364.009.431
<u>Nợ dài hạn (TK 342)</u>		<u>4.530.247.662</u>	<u>7.927.939.662</u>
Vay thuê mua tài chính (TK 3421)		4.530.247.662	7.927.939.662
- HD 20/2012/TSC-CTTC		4.530.247.662	7.927.939.662
29. Thuế TNDN hoãn lại phải trả (TK 347)		391.737.692	112.298.523
a) Khoản chênh lệch tỷ giá của các khoản tiền, tiền gửi ngân hàng, nợ phải thu do đánh giá số dư cuối năm ngày 31/12/2013:	1.566.950.766		
b) Tỷ suất tính thuế TNDN:	25%		
c) Thuế TNDN hoãn lại phải trả: a x b		391.737.692	

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	31/12/2013 Ngoại tệ	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<u>30. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ</u>		<u>40.000.000.000</u>	<u>0</u>
<u>33. Chênh lệch tỷ giá (TK 413)(= 33.1 + 33.2)</u>		<u>722.613.288</u>	<u>0</u>
<u>33.1. Số dư cuối kỳ bên Nợ</u>		<u>(559.686.587)</u>	
- Chênh lệch tỷ giá của các số dư khoản phải trả (TK331)		(72.795.510)	
- Chênh lệch tỷ giá của các số dư khoản vay (TK341)- Dự án Radial		(486.891.077)	
<u>33.2. Số dư Có</u>		<u>1.282.299.875</u>	
- Chênh lệch tỷ giá của các số dư khoản phải trả (TK331)- Dự án Radial		1.282.299.875	



(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thế hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính
A	31	32	36	34	35
Số dư đầu năm trước	422.498.370.000	(12.050.000)	98.257.021.400	72.486.467.850	24.299.137.866
Tăng vốn trong năm trước	162.679.100.000				
+ Phát hành chứng khoán	100.000.000.000				
+ Tăng vốn điều lệ từ cổ tức được chia năm 2011	62.679.100.000		(62.679.100.000)		
Cổ phiếu quỹ					
Lãi trong năm trước			253.883.813.578		
Trích quỹ đầu tư phát triển			(1.963.191.060)	1.963.191.060	
Trích quỹ dự phòng tài chính			(1.963.191.060)		1.963.191.060
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi			(3.141.105.696)		
Chia cổ tức					
Giảm khác			(1.513.944.597)		
Số dư cuối năm trước	585.177.470.000	(12.050.000)	280.880.302.565	74.449.658.910	26.262.328.926
Tăng vốn trong năm nay	87.754.580.000		(87.754.580.000)		
Cổ phiếu quỹ					
Lãi trong năm nay			360.066.339.275		
Trích quỹ đầu tư phát triển			(12.694.190.679)	12.694.190.679	
Trích quỹ dự phòng tài chính			(12.694.190.679)		12.694.190.679
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi			(21.310.705.086)		
Trích khen thưởng cho Ban quản lý từ lợi nhuận					
Chia cổ tức			(87.774.810.000)		
Tăng khác					
Giảm khác					
Số dư cuối năm nay	672.932.050.000	(12.050.000)	418.718.165.396	87.143.849.589	38.956.519.605

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

Vốn chủ sở hữuChi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của nhà nước

- Vốn góp của các đối tượng khác

Số lượng cổ phiếu

34.321.980

32.971.225

31/12/2013

343.219.800.000

329.712.250.000

Tỷ lệ

51,00%

49,00%

Số lượng cổ phiếu

29.845.200

28.672.547

01/01/2013

298.452.000.000

286.725.470.000

Tỷ lệ

51,00%

49,00%

Cộng

67.293.205

672.932.050.000

100%

58.517.747

585.177.470.000

100%

- Giá trị trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu trong năm

- Số lượng cổ phiếu quỹ

1.205

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<u>37. Doanh thu bán hàng</u>	<u>3.166.282.125.064</u>	<u>3.078.464.141.884</u>
<u>Văn phòng Tp.HCM</u>	<u>2.830.695.675.389</u>	<u>2.616.932.339.174</u>
- Doanh thu bán hàng hóa (TK 51111)	12.969.343.592	16.184.200.869
- Doanh thu vật tư bán ngoài (TK 51112)	4.536.597.444	13.521.018.655
- Doanh thu sản phẩm xuất khẩu (TK 51122)	912.142.183.272	760.337.664.733
- Doanh thu sản phẩm HH-KM có thuế (TK 51128)	7.677.327.843	2.367.241.785
- Doanh thu sản phẩm nội địa (TK 51129)	1.890.670.833.889	1.822.941.333.618
- Doanh thu cung cấp dịch vụ (TK 5113)	548.069.746	340.644.385
- Doanh thu hàng ủy thác (TK 5114)	2.151.319.603	1.240.235.129
<u>Xí nghiệp Đồng Nai</u>	<u>235.593.782.206</u>	<u>291.647.978.157</u>
Doanh thu vật tư bán ngoài (TK 5111)	95.368.160	50.831.457
Doanh thu bán các thành phẩm (TK 5112)	235.498.414.046	291.597.146.700
<u>Xí nghiệp Hóc Môn</u>	<u>98.946.528.523</u>	<u>167.032.927.614</u>
Doanh thu bán hàng hóa (Tk 5111)	938.984.700	1.051.063.050
Doanh thu bán các thành phẩm (Tk 5112)	98.007.543.823	165.981.864.564
<u>Xí nghiệp Bình Lợi</u>	<u>1.046.138.946</u>	<u>2.850.896.939</u>
Doanh thu bán hàng hóa (TK 51111)	60.188.946	100.262.944
Doanh thu sản phẩm nội địa (TK 51129)	985.950.000	2.750.633.995
<u>38. Các khoản giảm trừ doanh thu</u>	<u>32.493.177.374</u>	<u>34.649.385.422</u>
<u>Văn phòng Tp.HCM</u>	<u>23.897.718.700</u>	<u>19.235.924.199</u>
- Chiết khấu thương mại	22.434.181.270	17.776.065.706
- Thành phẩm bị trả lại	1.463.537.430	1.459.858.493
<u>Xí nghiệp Đồng Nai</u>	<u>3.893.195.810</u>	<u>7.533.324.227</u>
- Chiết khấu thành phẩm	3.893.195.810	7.473.391.409
- Thành phẩm bị trả lại		59.932.818
<u>Xí nghiệp Hóc Môn</u>	<u>4.702.262.864</u>	<u>7.880.136.996</u>
- Chiết khấu thành phẩm	4.677.054.254	7.691.978.996
- Thành phẩm bị trả lại	25.208.610	188.158.000

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
39. Giá vốn hàng bán (Tk 632)	<u>2.296.387.280.882</u>	<u>2.336.699.122.787</u>
Văn phòng Tp.HCM	2.057.261.320.771	1.994.095.477.244
Xí nghiệp Đồng Nai	168.017.017.745	216.707.834.718
Xí nghiệp Hóc Môn	70.705.440.306	124.584.540.611
Xí nghiệp Bình Lợi	403.502.060	1.311.270.214
40. Doanh thu hoạt động tài chính (Tk 515)	<u>45.299.184.979</u>	<u>6.531.071.857</u>
Văn phòng Tp.HCM	<u>45.141.240.036</u>	<u>6.350.242.473</u>
- Tiền thu từ lãi tiền gửi (TK 5151)	7.536.330.867	1.491.659.871
- Tiền thu từ lãi các khoản đầu tư vào đơn vị khác (TK 5152)	4.323.155.000	2.870.310.000
+ Lãi cổ tức Công ty CP Cao su Phước Hòa (năm 2012)	505.965.000	
+ Lãi nhận được từ liên doanh Yokohama	3.817.190.000	
- Doanh thu tài chính khác (TK 5153)	33.281.754.169	1.988.272.602
+ Bán chứng khoán công ty CP Cao su Phước Hòa (956.770 Cổ phiếu)	30.933.373.333	
+ Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	1.566.950.766	
+ Doanh thu tài chính khác (chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ)	781.430.070	
<u>Xí nghiệp Đồng Nai</u>	<u>109.408.785</u>	<u>108.105.085</u>
- Tiền thu từ lãi tiền gửi (Tk 5151)	109.408.785	108.105.085
<u>Xí nghiệp Hóc Môn</u>	<u>21.024.659</u>	<u>36.801.594</u>
- Tiền thu từ lãi tiền gửi (Tk 5151)	21.024.659	36.801.594
<u>Xí nghiệp Bình Lợi</u>	<u>10.684.600</u>	<u>13.786.060</u>
- Tiền thu từ lãi tiền gửi	10.684.600	13.786.060
<u>Xí nghiệp Bình Dương</u>	<u>16.826.899</u>	<u>22.136.645</u>
- Tiền thu từ lãi tiền gửi	16.826.899	22.136.645
41. Chi phí hoạt động tài chính (Tk 635)	<u>101.914.724.871</u>	<u>110.476.022.345</u>

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<u>Văn phòng Tp.HCM</u>	<u>96.054.432.334</u>	<u>101.949.568.622</u>
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái (TK 6351)	2.788.818.578	365.567.659
- Chi phí lãi vay (TK 6352)	40.635.661.235	77.363.825.051
- Chi phí từ hoạt động tài chính (TK 6353)	26.964.247.074	(1.811.842.345)
+ Giá vốn 956.770 Cổ phiếu công ty CP Cao su Phước Hòa	53.309.310.860	
+ Chi phí lưu ký SSI	79.010.074	
+ Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(26.424.073.860)	
- Chiết khấu thanh toán (TK 6354)	25.665.705.447	26.032.018.257
<u>Xí nghiệp Đồng Nai</u>	<u>3.950.870.552</u>	<u>5.162.039.566</u>
- Chiết khấu thanh toán (TK 6354)	3.950.870.552	5.162.039.566
<u>Xí nghiệp Hóc Môn</u>	<u>1.909.421.985</u>	<u>3.364.414.157</u>
- Chiết khấu thanh toán (TK 6354)	1.909.421.985	3.364.414.157
<u>42. Chi phí bán hàng (Tk 641)</u>	<u>97.142.449.449</u>	<u>108.890.339.249</u>
Chi phí bán hàng của Văn phòng Tp.HCM	93.425.074.709	106.061.094.078
Chi phí bán hàng của Xí nghiệp Đồng Nai	2.314.014.679	1.235.560.820
Chi phí bán hàng của Xí nghiệp Hóc Môn	1.144.996.183	1.221.386.207
Chi phí bán hàng của Xí nghiệp Bình Lợi	258.363.878	372.298.144
<u>43. Chi phí quản lý doanh nghiệp (Tk 642)</u>	<u>210.430.846.259</u>	<u>160.813.076.425</u>
<u>Văn phòng Tp.HCM</u>	<u>210.426.882.441</u>	<u>160.808.206.625</u>
- Chi phí nhân viên quản lý (TK 6421)	119.308.126.443	104.837.217.408
- Chi phí vật liệu quản lý (TK 6422)	4.073.494.083	7.582.020.655
- Chi phí đồ dùng văn phòng (TK6423)	2.070.707.411	3.567.071.146
- Chi phí khấu hao TSCĐ (TK 6424)	12.519.611.254	12.848.466.209
- Thuế, phí và lệ phí (TK 6425)	3.357.802.342	5.697.630.693
- Chi phí dịch vụ mua ngoài (TK 6427)	1.434.613.971	1.294.109.008
- Chi phí bằng tiền khác (TK 6428)	67.662.526.937	24.981.691.506
<u>Xí nghiệp Bình Lợi</u>	<u>3.963.818</u>	<u>4.869.800</u>

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
<u>44. Thu nhập khác (Tk 711)</u>	<u>14.828.974.345</u>	<u>20.536.436.098</u>
<u>Văn phòng Tp.HCM</u>	<u>13.055.571.856</u>	<u>18.963.861.635</u>
Trong đó		
- Thanh lý tài sản		17.157.265.042
- Bán phế liệu	1.874.651.267	1.172.366.909
- Công Ty Tín Thành - Bồi thường thiệt hại		200.000.000
- Thu nhập khác từ giải thể liên doanh Yokohama	10.815.240.859	
- Shandong gaotian metal, Trả lại tiền hàng bị hỏng	346.687.185	
- Thu nhập khác	18.992.545	8.181.300
<u>Xí nghiệp Đồng Nai</u>	<u>892.030.120</u>	<u>668.790.015</u>
- Thu bán phế liệu	892.030.120	668.790.015
<u>Xí nghiệp Hóc Môn</u>	<u>10.000.000</u>	
- Thu bán phế liệu	10.000.000	
<u>Xí nghiệp Bình Lợi</u>	<u>871.372.369</u>	<u>903.784.448</u>
Trong đó		
- Bù trừ công nợ khoản vi phạm hợp đồng số S0601 với Cty ACE		11.803.176
- Tiền bồi thường thiệt hại của công ty Tiến Thành	108.588.156	190.803.709
- Thu bán phế liệu	733.046.713	701.177.563
- Công ty bảo vệ bồi thường vật tư	28.800.000	
- Công ty bảo hiểm bồi thường tai nạn lao động	937.500	
<u>45. Chi phí khác (Tk 811)</u>	<u>7.230.287.000</u>	<u>16.569.885.333</u>
<u>Văn phòng Tp.HCM</u>	<u>7.230.287.000</u>	<u>16.569.885.333</u>
- Thanh lý lò hơi , hệ thống truyền dẫn hơi (VH)		439.438.471
- Thanh lý TSCE		16.130.446.862
- Trích bổ sung Thuế thu nhập doanh nghiệp 2012 theo biên bản thanh tra tài chính ngày 11/06/2013	121.758.610	
- Trích bổ sung Thuế thu nhập doanh nghiệp 2012 theo biên bản thanh tra tài chính ngày 11/06/2013	576.221.052	
- Trích bổ sung thuế TNDN năm 2012 theo biên bản kiểm tra thuế của Tổng cục Thuế ngày 18/11/2013	2.614.539.640	

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
- Trích bổ sung thuế VAT đầu ra năm 2012 theo biên bản kiểm tra thuế của Tổng cục Thuế ngày 18/11/2013	3.511.149.027	
- Trích bổ sung thuế VAT và thuế TNCN của XN Đồng Nai theo biên bản kiểm tra thuế ngày 15/11/2013	406.618.671	
<u>46. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành(=d-e)</u>	<u>120.465.740.109</u>	<u>83.437.706.177</u>
a. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	<u>480.811.518.553</u>	<u>337.433.818.278</u>
b. Khoản thu nhập loại trừ không phải tính thuế TNDN	<u>6.506.280.597</u>	<u>3.682.993.570</u>
- Lãi cổ tức cao su Phước Hòa	505.965.000	
- Lãi nhận được từ liên doanh Yokohama	3.817.190.000	
- Điều chỉnh theo Thanh tra BTC 2012 theo BB thanh tra tài chính ngày 11/06/2013	2.183.125.597	
c. Khoản chi phí không được trừ khi tính thu nhập tính thuế	<u>7.108.528.390</u>	
- Điều Chỉnh theo Tổng cục Thuế 2012 theo BB Tổng cục Thuế theo BB kiểm tra thuế ngày 18/11/2013 và BB Tổng cục Thuế theo BB kiểm tra thuế ngày 15/11/2013	6.532.307.338	
- Trích bổ sung Thuế thu nhập doanh nghiệp 2012 theo biên bản thanh tra tài chính ngày 11/06/2013	576.221.052	
d. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế trừ khoản thu nhập loại trừ của toàn công ty(a - b+c)	<u>481.413.766.346</u>	<u>333.750.824.708</u>

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
e. Chi phí thuế TNDN hiện hành của toàn công ty = c x 25%	120.353.441.586	83.437.706.177
e. Chi phí thuế TNDN hoãn lại (Hoàn nhập)	(112.298.523)	
<u>47. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</u>	<u>279.439.169</u>	<u>112.298.523</u>
<u>47.1) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả:</u>	<u>(112.298.523)</u>	
<u>47.2) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:</u>	<u>391.737.692</u>	
a) Khoản chênh lệch tỷ giá của các khoản tiền, tiền gửi ngân hàng, nợ phải thu do đánh giá số dư cuối năm ngày 31/12/2013:	1.566.950.766	
b) Tỷ suất tính thuế TNDN:	25%	
c) Thuế TNDN hoãn lại phải trả: a x b	391.737.692	
<u>48. Lợi nhuận sau thuế TNDN (= a-b-c)</u>	<u>360.066.339.275</u>	<u>253.883.813.578</u>
a. Lợi nhuận kế toán trước thuế = 480.811.518.553 đ		
b. Thuế TNDN toàn công ty = 120.465.740.109đ		
c. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại = 279.439.169đ		
<u>49. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</u>	<u>5.856</u>	<u>5.266</u>
Cổ phiếu bình quân (61.490.447 cổ phiếu)		
(58.517.747cp*360ngày+ 8.775.458cp*122ngày-1.205cp*360ngày)/360ngày = 61.490.447 cổ phiếu		
Cổ phiếu quỹ: 1.205 cổ phiếu		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
(360.642.560.327)/ 61.490.447 = 5.865đ		
<u>50. Nợ khó đòi đã xử lý</u>	<u>2.522.175.093</u>	<u>734.987.079</u>
DNTN Phát Hưng - 750001	734.987.079	734.987.079

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lê Chí Hoà - BHND - 710002	894.097.480	
Nguyễn Hồng Sơn - BHND - 550002	32.677.477	
Nguyễn Thị Diễm Thúy - BHND - 560004	1.151.092	
Trần Ngọc Tiến - BHND - 500001	13.356.992	
CTy Phương Trinh - BHND - 284005	9.999.995	
CTy Phương Trinh CN Bình Dương - BHND - 284006	10.000.000	
Đặng Thúy Quỳnh - Điện Biên - 044009	45.160.400	
DNTN Hoàng Vỹ - Điện Biên - 044010	24.980.000	
Đinh Mạnh Cường - Điện Biên - 044012	34.540.000	
Đinh Thị Phương Thảo - Điện Biên - 044013	56.799.000	
Nguyễn Thị Oanh - Điện Biên - 044014	40.879.400	
Anh Quang - Điện Biên - 044015	56.970.400	
Huỳnh Tiên Hà - Điện Biên - 044016	59.080.000	
Phạm Văn Thành - Điện Biên - 044022	88.592.178	
CTy TNHH Cơ Khí Quang Trung - Điện Biên - 044023	35.178.000	
CTy CP Cơ Khí Cao Su - Điện Biên - 044024	52.767.000	
CTy CP CHIEN YOU Việt Nam - Điện Biên - 044026	59.199.800	
Phan Thị Bích Nga - Điện Biên - 044030	50.879.400	
Đặng Thị Thúy Liễu - Điện Biên - 030045	50.879.400	
Nguyễn Hữu Nghĩa - Điện Biên - 044036	170.000.000	



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VI. Những thông tin khác.

1. Thông tin về các khoản nợ tiềm tàng và các cam kết khác:

- Đến ngày 31/12/2013, Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam có khoản công nợ phải thu đối tượng là Nguyễn Minh Phú giá trị 5.838.001.277 VND là khoản nợ phải thu khó đòi. Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 5.838.001.277 VND

2. Thông tin về hoạt động liên tục:

Đến ngày 31/12/2013, Công ty không có ý định hoặc yêu cầu phải giải thể, ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động, tìm kiếm sự bảo hộ từ các chủ nợ theo pháp luật và quy định hiện hành.

3. Thông tin về giao dịch các bên liên quan

- Đơn vị không bị kiểm soát bởi Công ty mẹ, công ty con.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết trong nghị quyết đại hội cổ đông của doanh nghiệp, trong năm không phát sinh ảnh hưởng nào đến hoạt động của doanh nghiệp
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, trong năm không phát sinh các sự việc bất thường

- Trong năm 2013, Công ty phát sinh các giao dịch với các bên có liên quan:

Bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số tiền
+ Công ty Lớp Yokohama Việt Nam Công ty liên doanh		Liên doanh với công ty Lớp Yokohama giải thể, Công ty Casumina nhận được các khoản sau:	
		- Vốn góp ban đầu	7.740.810.000
		- Lợi nhuận đã nhận được	3.817.190.000
		- Thu nhập khác	10.815.240.859
		Cộng	22.373.240.859

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Trong năm, công ty liên doanh Lớp Yokohama giải thể, căn cứ theo quyết định số:

+ Tổng thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc (9 người)	- Lương năm 2013	2.358.039.308
	- Phụ cấp năm 2013	434.540.000
	- Thưởng năm 2012	1.321.768.303
	- Thưởng năm 2013	583.115.754
	Cộng	4.697.463.365

- + Ông Bùi Thế Chuyên, chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị, số cổ phiếu nắm giữ 7.084 cổ phiếu
- + Ông Phạm Hồng Phú, chức vụ Tổng giám đốc điều hành, số cổ phiếu nắm giữ 141.680 cổ phiếu
- + Ông Nguyễn Minh Thiện, chức vụ Phó Tổng giám đốc kiêm kế toán trưởng, số cổ phiếu nắm giữ 30.619 cổ phiếu
- + Về nhân sự: Trong năm 2013 có thay đổi:

Họ và tên	Chức vụ	
- Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Miễn nhiệm Chủ tịch Theo Nghị quyết đại hội cổ đông năm 2013 số 53/2013/NQ-Hội đồng quản trị ĐHCD, ngày 25/04/2013	
- Ông Lê Văn Trí	Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Theo Nghị quyết đại hội cổ đông năm 2013 số 53/2013/NQ-ĐHCD, ngày 25/04/2013	
- Ông Bùi Thế Chuyên	Nhận chức Chủ tịch Hội đồng quản trị Theo Nghị quyết đại hội cổ đông năm 2013 số 53/2013/NQ-ĐHCD, ngày 25/04/2013	
- Ông Nguyễn Minh Thiện	Nhận chức thành viên Hội đồng quản trị Theo Nghị quyết đại hội cổ đông năm 2013 số 53/2013/NQ-ĐHCD, ngày 25/04/2013	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Ông Nguyễn Ngọc Phương Nhận chức thành viên Hội đồng quản trị Theo Nghị quyết đại hội cổ đông năm 2013 số 53/2013/NQ-ĐHCD, ngày 25/04/2013

- Tại ngày 31/12/2013, Công ty CP Cao su Miền Nam còn vay các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Nội dung	Số dư
Nguyễn Ngọc Phương	Thành viên hội đồng quản trị	Công ty CP CN Casumina phải trả	2.510.000.000
Nguyễn Song Thao	Phó tổng giám đốc	Công ty CP CN Casumina phải trả	250.000.000
Phạm Việt Hiếu	Người thân Phạm Hồng Phú (Tổng giám đốc)	Công ty CP CN Casumina phải trả	465.000.000
Nguyễn Thị Thị Thi	Người thân Nguyễn Song Thao (Phó tổng giám đốc)	Công ty CP CN Casumina phải trả	1.450.000.000
Phùng Thị Ngọc Thúy	Người thân Nguyễn Minh Thiện (Phó tổng giám đốc kiêm kế toán trưởng)	Công ty CP CN Casumina phải trả	790.000.000

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VI. Những thông tin khác.

4. Báo cáo bộ phận:

- Báo cáo bộ phận của Văn phòng công ty
- Báo cáo bộ phận của Xí nghiệp Đồng Nai
- Báo cáo bộ phận của Xí nghiệp Hóc Môn
- Báo cáo bộ phận của Xí nghiệp Bình Lợi
- Báo cáo bộ phận của Xí nghiệp Bình Dương

Các báo cáo bộ trên là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý của Công ty, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán theo các đơn vị kinh doanh ở các khu vực khác nhau do đó báo cáo theo các khu vực như sau:

	Văn phòng Hồ Chí Minh			Xí nghiệp Đồng Nai			Xí nghiệp Hóc Môn			Xí nghiệp Bình Lợi			Tổng
	Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012	
Doanh thu thuần	2.806.797.956.689	2.597.696.414.975	231.700.586.396	284.114.653.930	94.244.265.659	159.152.790.618	1.046.138.946	2.850.896.939	3.133.788.947.690	3.043.814.756.462			
Giá vốn	2.057.261.320.771	1.994.095.477.244	168.017.017.745	216.707.834.718	70.705.440.306	124.584.540.611	403.502.060	1.311.270.214	2.296.387.280.882	2.336.699.122.787			
Lợi nhuận gộp	749.536.635.918	603.600.937.731	63.683.568.651	67.406.819.212	23.538.825.353	34.568.250.007	642.636.886	1.539.626.725	837.401.666.808	707.115.633.675			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VI. Những thông tin khác.**5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Do chưa có hướng dẫn cụ thể thực hiện hạch toán, theo dõi về công cụ tài chính nên công ty chưa có sự chuẩn bị đầy đủ về hệ thống công nghệ thông tin, quy trình nghiệp vụ cơ sở dữ liệu, đào tạo nhân viên... để trình bày.

6. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty**a) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

b) Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách

c) Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp (xem thuyết minh V.1).

d) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Phần lớn phát sinh nghĩa vụ phải trả của Công ty đều được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi và các khoản phải thu và tài sản có kỳ hạn ngắn hạn. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro thanh khoản đối với việc thực hiện nghĩa vụ tài chính là thấp.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức độ mà Ban giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

e) Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Tổng cộng
Ngày 31/12/2013			
Các khoản vay và nợ	444.288.263.161	813.620.804.711	1.257.909.067.872
Phải trả người bán	193.161.063.525	2.859.109.478	196.020.173.003
Phải trả người lao động	91.842.012.751		91.842.012.751
Chi phí phải trả	40.118.565.339		40.118.565.339
Cộng	769.409.904.776	816.479.914.189	1.585.889.818.965

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VI. Những thông tin khác.

Tại ngày 31/12/2013, các khoản vay và nợ dài hạn từ 1 năm đến 5 năm là:

<u>- Các khoản vay</u>	<u>809.090.557.049</u>
+ Vay dài hạn NH ngoại thương phục vụ dự án Radi	674.101.173.969
+ Vay trung dài hạn NH ngoại thương	57.175.000.000
+ Vay ngân sách nhà nước	857.627.240
+ Vay vốn CBCNV	76.956.755.840
<u>- Các khoản nợ</u>	<u>4.530.247.662</u>
+ Vay thuê mua tài chính	
HD 20/2012/TSC-CTTC	4.530.247.662

Tại ngày 31/12/2013, khoản phải trả người bán từ 1 năm đến 5 năm là:

- Kiswire Sdn.Bhd	352.388.340
- Master Tyres Enterprise	92.432.184
- Qingdao Mesnac Co. Ltd	1.156.980.000
- Kang Cheng Machinery Industrial Co., Ltd	839.969.480
- Mesnas Co.,Ltd	398.617.474
- Công ty TNHH TM DV Ô tô Tín Nghĩa	18.722.000

f) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng lưu chuyển tiền tệ trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro khác.

g) Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng lưu chuyển tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Trong năm 2013 Công ty phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ và thực hiện theo chuẩn mực kiểm toán số 10, tỷ giá Việt Nam đồng so với USD giữa đầu năm và cuối năm là 21.036.

h) Rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

i) Độ nhạy ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập Báo cáo tài chính là không đáng kể.

105011
CÔNG
TÁC NHẬN
CH VỤ
CHÍNH
À KIỂM
PHÍA N
TP. H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VI. Những thông tin khác.**j) Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty.

7. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

*Đỗ Anh Dũng**Nguyễn Minh Thiện*

Ngày 17 tháng 01 năm 2014

Tổng Giám đốc

*Phạm Hồng Phú*